



“Dạy vợ từ thuở bơ vơ mới về”

Xu hướng, con đường hình thành lối sống bạo lực/phi bạo lực của nam giới tại thành phố Huế & huyện Phú Xuyên, Việt Nam



Hà Nội, tháng 12 năm 2012

**“Dạy vợ từ thuở bơ vơ mới về”
Xu hướng, con đường hình thành lối sống bạo lực/phi bạo lực
của nam giới
tại thành phố Huế và huyện Phú Xuyên, Việt Nam**

TS. Đào Thế Đức
TS. Hoàng Cầm
Lê Hà Trung
Lee Kanthoul

*Với sự hỗ trợ kỹ thuật của chương trình Chung tay Phòng chống Bạo lực giới
(Partners for Prevention)*

Quỹ Dân số Liên hợp quốc (UNFPA) là một tổ chức phát triển quốc tế làm việc với nhiều quốc gia để bảo vệ và nâng cao sức khỏe sinh sản và sức khỏe tình dục cho phụ nữ, nam giới và thanh niên.

Văn phòng UNFPA tại Việt Nam
Tòa nhà Golden Westlake
151 Thụy Khuê
Quận Ba Đình, Hà Nội
ĐT: +84 4 3823 6632
<http://vietnam.unfpa.org/public/>

Tổ chức Phụ nữ LHQ (UN Women) là cơ quan Liên hợp quốc chuyên trách về bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ. Là tổ chức toàn cầu về quyền của phụ nữ và trẻ em gái, UN Women được thành lập để đẩy mạnh các thành quả về bảo đảm quyền của phụ nữ và trẻ em gái trên toàn thế giới.

Văn phòng UN Women tại Việt Nam
72 Lý Thường Kiệt
Hà Nội, Việt Nam
ĐT: +84 4 39421495
<http://asiapacific.unwomen.org/>

Partners for Prevention là một chương trình chung về Phòng chống Bạo lực trên cơ sở Giới của Chương trình Phát triển Liên hợp quốc, với sự hỗ trợ của Quỹ Dân số Liên hợp quốc, Tổ chức Phụ nữ Liên hợp quốc và Tổ chức Tình nguyện viên Liên hợp quốc tại khu vực Châu Á – Thái bình dương. Partners for Prevention chân thành cảm ơn Cơ quan Phát triển Quốc tế Australia, Bộ Phát triển Quốc tế Anh, Bộ Ngoại giao Na Uy và Tổ chức Hợp tác Phát triển Quốc tế Thụy Điển đã có những đóng góp quý báu cho chương trình.

Chương trình Chung tay Phòng chống Bạo lực giới
Tầng 3, tòa nhà LHQ
Đại lộ Rajdamnern Nok
10200 Băng cốc, Thái Lan
ĐT: +66 2 304 9100
partners4prevention@one.un.org
www.partners4prevention.org

MỤC LỤC

Giới thiệu	7
Lời nói đầu	8
Lời cảm ơn	10
Tóm tắt	11
Tóm tắt các kết quả chính	11
Tóm tắt các khuyến nghị	12
Chương I. Đặt vấn đề	15
Chương II. Khung khái niệm	17
Bạo lực giới	18
Vấn đề nam tính trong phòng ngừa bạo lực	18
Mô hình sinh thái	19
Chương III. Tổng quan tài liệu	21
Chương IV. Phương pháp nghiên cứu	25
Phương pháp nghiên cứu lịch sử đời sống	26
Câu hỏi nghiên cứu	26
Quá trình chọn mẫu và phân tích số liệu	26
Khái quát về địa điểm nghiên cứu	27
Hạn chế	28
Chương V. Kết quả	29
1. Các yếu tố liên quan tới quan niệm nam tính bá quyền ở Việt Nam	30
2. Những yếu tố liên quan tới quan niệm mới về nam tính trong diễn biến cuộc đời	31
3. Thay đổi xã hội và tác động của sự thay đổi này về quan điểm giới ở Việt Nam	32
4. Nam tính được hình thành như thế nào	35
4.1 'Hình thành khái niệm giới' trong thời niên thiếu: giáo dục của cha mẹ và gia đình	35
4.2 Các mối quan hệ, kinh nghiệm liên quan đến giới ở ngoài gia đình trong thời niên thiếu	38
4.3 Công việc và mối liên hệ với nam tính	38
4.4 Quan niệm của xã hội về nam tính	40
5. Nam tính và mối quan hệ với bạo lực	41
5.1 Bạo lực là biện pháp kỷ luật để thiết lập và duy trì quyền uy	42
5.2 Sử dụng bạo lực để thể hiện sự thống trị và sức mạnh	43
5.3 Bạo lực/phi bạo lực trong các yếu tố ảnh hưởng đến quan hệ giới	44
5.4 Mức độ chấp nhận đối với những kiểu bạo lực khác nhau	45
Chương VI. Bàn luận	47
Khác biệt giữa những nam giới sử dụng bạo lực và những nam giới có xu hướng bình đẳng giới	48
Bình đẳng giới trên lý thuyết và thực tiễn	49
Thách thức bản lĩnh đàn ông: hình ảnh, uy tín trước công chúng	49
Những quan niệm đa dạng về nam tính	50

Chương VII. Ứng dụng của nghiên cứu đối với các chương trình, chính sách phòng chống bạo lực	51
Trong gia đình	52
Tại trường học	53
Ở cộng đồng/nơi làm việc	53
Chính sách	54
Tài liệu tham khảo	55
Phụ lục	61
1. Phụ lục I: Danh sách đối tượng nghiên cứu	61
2. Phụ lục II: Ví dụ về các chương trình phòng chống BLG toàn cầu	62

GIỚI THIỆU

Bạo lực giới (BLG) là một trong những vi phạm quyền con người phổ biến toàn cầu, tuy nhiên ít được nhận biết. BLG có mặt ở mọi nơi, mọi nền văn hóa, tôn giáo, kinh tế, xã hội. BLG tồn tại ở cả nơi công cộng lẫn riêng tư, xuất hiện cả trong thời chiến và thời bình. Bạo lực giới không những ảnh hưởng đến cá nhân mà còn tác động đến cả gia đình, cộng đồng và toàn xã hội.

Báo cáo “‘Dạy vợ từ thuở bơ vơ mới về’: Xu hướng, con đường hình thành lối sống bạo lực/phi bạo lực của nam giới tại thành phố Huế và huyện Phú Xuyên, Việt Nam”, nằm trong khuôn khổ **Dự án Sự thay đổi (The Change)**, một sáng kiến, một dự án nghiên cứu ứng dụng, với mục tiêu dài hạn là phòng ngừa bạo lực trên cơ sở giới và thúc đẩy một xã hội tốt đẹp hơn. Nghiên cứu đa quốc gia diện rộng này phỏng vấn nam giới và phụ nữ nhằm tìm ra mối liên hệ giữa nam tính, giới và quyền lực để cải thiện các chính sách và chương trình phòng chống bạo lực. Đây là dự án phối hợp giữa Liên hợp quốc, các tổ chức xã hội dân sự, các chính phủ và nghiên cứu viên từ các khu vực và trên toàn thế giới với sự điều phối của Partner for Prevention, một chương trình chung của UNDP, UNFPA, UN Women và UNV khu vực châu Á - Thái Bình Dương về phòng ngừa bạo lực trên cơ sở giới.

Trong nhiều thập kỷ qua, nhiều nước châu Á – Thái Bình Dương đã có những tiến bộ đáng kể trong nhận thức chung về pháp luật, chính sách nhằm chấm dứt nạn bạo lực, nâng cao bình đẳng giới. Tuy vậy, tình trạng bạo lực giới trong khu vực gần như chưa thay đổi hoặc nếu có chỉ là rất ít. Cho tới nay, phần lớn các hoạt động về BLG trong khu vực đều tập trung vào giải quyết vấn đề khi bạo lực đã diễn ra. Tuy cung cấp dịch vụ là một thành tố quan trọng hướng tới bảo đảm quyền, nhân phẩm con người cho những đối tượng bị bạo hành, nhưng để thực sự chấm dứt được BLG thì công tác phòng chống bạo lực cần phải được quan tâm nhiều hơn nữa. Hơn thế nữa, các nghiên cứu trên thế giới cho thấy nam giới là đối tượng chính gây ra bạo lực. Vì vậy, việc hiểu rõ các quan niệm xã hội, thái độ, hành vi của nam giới, cũng như mối liên hệ giữa BLG và những quan niệm phổ biến về “chuẩn mực của đàn ông” là yếu tố quan trọng để nâng cao nhận thức về bình đẳng giới của nam giới và phòng chống BLG một cách hiệu quả.

Báo cáo nghiên cứu có một kết luận quan trọng, đó là bạo lực hoàn toàn có thể ngăn ngừa được. Kết quả nghiên cứu cho thấy bạo lực hoàn toàn không được xã hội Việt Nam chấp nhận, mặc dù quyền hành của nam giới đối với vợ vẫn được thừa nhận rộng rãi. Các kết quả phỏng vấn cho thấy có nhiều quan niệm về nam tính, và đối với một số nam giới, nam tính thực ra được thể hiện ở sự ôn hòa, có văn hóa mà không nhất thiết phải là bạo lực hay quyền hành. Rõ ràng quan niệm về nam tính cũng không hẳn là bất biến. Báo cáo đưa ra nhiều ví dụ về sự thay đổi trong quan niệm của nam giới về nam tính qua các thời kỳ. Những phân tích sâu về con đường dẫn tới lối sống bạo lực/phi bạo lực trong báo cáo này sẽ góp phần làm thay đổi và tăng cường hiệu quả của các can thiệp về phòng chống bạo lực giới.

Để biết thêm chi tiết về Dự án Sự thay đổi, xin liên hệ Partner for Prevention, partner4prevention@one.un.org

LỜI NÓI ĐẦU

Bạo lực giới là hậu quả của việc phân biệt đối xử dựa trên cơ sở giới và bất bình đẳng giới. Tuyên bố của Đại hội đồng Liên hiệp quốc về xóa bỏ nạn bạo lực đối với phụ nữ năm 1993 nêu rõ “Bạo lực đối với phụ nữ thể hiện mối quan hệ quyền lực không bình đẳng có tính lịch sử giữa nam giới và phụ nữ, dẫn tới việc nam giới thống trị hoặc phân biệt đối xử đối với phụ nữ và ngăn cản sự tiến bộ của phụ nữ; và bạo lực đối với phụ nữ được hình thành do những cơ chế, quan niệm của xã hội làm cho người phụ nữ phải ở vào địa vị thấp hơn hơn so với nam giới”.

Nghiên cứu quốc gia đầu tiên về Bạo lực gia đình đối với Phụ nữ Việt Nam (Tổng cục thống kê, 2010) cho thấy cứ ba phụ nữ đã từng kết hôn thì có một người (34%) đã từng bị chồng bạo lực về thể chất hoặc tình dục ít nhất một lần trong đời. Gần một nửa số phụ nữ bị bạo lực (49,6%) không nói ra sự việc (Tổng cục thống kê, 2010) cho thấy quan niệm xã hội về bạo lực góp phần không nhỏ vào việc cả nam giới và phụ nữ chấp nhận bạo lực.

Xã hội càng ngày càng nhận thức rõ rằng nam giới và trẻ em trai, cùng nữ giới và trẻ em gái, có vai trò quan trọng trong việc chấm dứt bạo lực, không những trong mối quan hệ riêng của mình mà còn trong cả cộng đồng. Do vậy, hoạt động phòng chống bạo lực dựa trên cơ sở về giới (GBV) phải coi nam giới không những là nguyên nhân mà còn là giải pháp của vấn đề.

Năm 2008, Tổng thư ký Liên hiệp quốc Ban Ki-Moon đã phát động Chiến dịch Chấm dứt nạn Bạo lực đối với Phụ nữ (UNiTE Campaign to End Violence against Women), một cam kết quan trọng từ cấp cao nhất của Liên hiệp quốc, khẳng định “Trong nhiều năm qua, phụ nữ trên khắp thế giới đã dẫn đầu công cuộc ngăn chặn và chấm dứt nạn bạo lực, và đến hôm nay càng ngày càng có thêm nam giới tham gia phong trào này cùng phụ nữ. Nam giới, với vai trò người cha, người bạn, người ra quyết định, người lãnh đạo cộng đồng, có vai trò quan trọng trong việc nói lên tiếng nói chống lại nạn bạo hành phụ nữ và đảm bảo vấn đề này được chú ý, ưu tiên”. Quan trọng hơn nữa, nam giới là tấm gương cho trẻ em trai và nam thanh niên trong việc chia sẻ trách nhiệm làm cha làm mẹ, trách nhiệm trong sức khỏe sinh sản và tình dục, cũng như trong cuộc sống gia đình như đã đề cập trong Chương trình Hành động Hội nghị Dân số và Phát triển 1994 (được gọi là Tuyên bố Cairo) và Hội nghị xem xét kết quả năm 1999 cũng như Tuyên bố và Cương lĩnh Hành động Bắc Kinh (1995).

Hành vi bạo lực của nam giới có nguyên nhân sâu xa từ các chuẩn mực giới và cách nam giới và trẻ em trai được dạy dỗ trong xã hội, do vậy chúng ta cần phải hiểu được các quan niệm xã hội, hành vi và thái độ phổ biến của nam giới cũng như con đường hình thành những quan niệm hành vi thái độ bất bình đẳng giới và bạo lực trên cơ sở về giới. Vì vậy, nghiên cứu này mong muốn tìm ra cách ngăn chặn bạo lực thông qua tìm hiểu nguyên nhân gốc rễ của bạo lực và những yếu tố trong cuộc đời nam giới có ảnh hưởng đến thái độ và hành vi bình đẳng cũng như bất bình đẳng.

Hiện nay, Việt Nam đã có các chính sách, khung pháp lý, cũng như nhiều chương trình phòng chống bạo lực gia đình. Chính phủ đã cam kết tăng cường điều phối các cơ quan tổ chức liên quan và tiến hành thực hiện thí điểm chương trình can thiệp tối thiểu trong phòng chống bạo lực gia đình. Chương trình này hướng tới đẩy mạnh sự tham gia của nam giới vào giải quyết và ngăn chặn bạo lực gia đình cũng như công nhận vai trò quan trọng của nam giới và trẻ em trai, nữ giới và trẻ em gái trong cách tiếp cận phòng chống bạo lực.

Báo cáo này phản ánh các kết quả của nghiên cứu định tính về lịch sử đời sống của nam giới Việt Nam. Nghiên cứu này tìm hiểu những con đường hình thành thái độ và hành vi bình đẳng, bất

bình đẳng giới và bạo lực. Phương pháp nghiên cứu tương tự cũng được điều chỉnh và tiến hành ở một số nước như Bangladesh, Cambodia, China, Indonesia, Papua New Guinea và Sri Lanka nhằm tìm hiểu sâu sắc hơn nguyên nhân sâu xa của bạo lực giới trong mối liên quan với quan niệm về nam tính. Chúng tôi hy vọng báo cáo này cung cấp những thông tin hữu ích cho các nhà hoạch định chính sách và các cơ quan tổ chức đang làm việc về bạo lực trên cơ sở về giới để sử dụng cho hoạch định chiến lược, xây dựng tầm nhìn và xác định ưu tiên trong các chương trình phòng và chống bạo lực trên cơ sở về giới có thu hút và chú trọng hơn sự tham gia của trẻ em trai, nam giới, cùng với phụ nữ và trẻ em gái vào các hoạt động này.



Mandeep K.O'Brien
Quyền Trưởng đại diện
UNFPA tại Việt Nam



Suzette Mitchell
Trưởng đại diện
UN Women tại Việt Nam

LỜI CẢM ƠN

Nhóm nghiên cứu xin chân thành cảm ơn sự tài trợ của Quỹ Dân số Liên hợp quốc (UNFPA) và Tổ chức Phụ nữ Liên hợp quốc (UN Women), cũng như hỗ trợ kỹ thuật của chương trình Chung tay phòng chống Bạo lực giới (Partners for Prevention P4P). Các tác giả xin cảm ơn P4P, Nhóm công tác về Bạo lực giới của Liên hiệp quốc tại Việt Nam, đặc biệt các cá nhân là Bà Stephanie Miedema, TS. Emma Fulu, Bà Mandeep K. O' Brien, Bà Phan Thị Thu Hiền, Clara Gomez (UNFPA), Bà Suzette Mitchell (UN Women), Trần Thị Thúy Anh (UN Women) và Ông Khamsavath Chanthavysouk (P4P) đã đóng góp hiệu quả, nhiệt tình vào quá trình biên soạn báo cáo. Các tác giả cũng xin chân thành cảm ơn tất cả những cán bộ đã cung cấp ý kiến cho bản dự thảo báo cáo bằng văn bản hay tại hội thảo tham vấn với các bên liên quan, đó là Ông Đỗ Anh Kiếm (GSO), Nguyễn Hữu Minh (IFGS), Nguyễn Mai Anh (VECO), Nguyễn Thu Hà (Bộ VHTTDL) và Khuất Thu Hồng (ISDS).

Các tác giả cũng xin bày tỏ lòng biết ơn chân thành tới Bà Nguyễn Thị Châm, Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện Phú Xuyên, và Ông Nguyễn Hữu Thông, Giám đốc Phân viện Văn hóa Nghệ thuật Việt Nam tại Huế đã hỗ trợ nhóm nghiên cứu về các đối tượng phỏng vấn. Chúng tôi cũng muốn bày tỏ lòng biết ơn chân thành tới những nam giới tham gia phỏng vấn vì đã sẵn lòng sẻ chia những câu chuyện cuộc sống và trải nghiệm. Cuối cùng, các tác giả cũng muốn gửi lời cảm ơn tới chính quyền huyện Phú Xuyên (Hà Nội) và thành phố Huế đã hỗ trợ trong thời gian công tác thực địa.

TÓM TẮT

Báo cáo ‘*Dạy vợ từ thuở bơ vơ mới về: Xu hướng, con đường hình thành lối sống bạo lực/phi bạo lực của nam giới Việt Nam*, dựa trên nghiên cứu định tính về lịch sử đời sống được thực hiện tại hai địa bàn nghiên cứu tại Việt Nam: thành phố Huế và huyện Phú Xuyên (Hà Nội). Nghiên cứu được Quỹ Dân Số Liên Hiệp Quốc (UNFPA) tại Việt Nam và Tổ chức Phụ nữ Liên Hiệp Quốc (UN Women) tại Việt Nam chủ trì, với sự hỗ trợ kỹ thuật của chương trình Partner for Prevention, một chương trình chung của LHQ khu vực châu Á - Thái Bình Dương về phòng chống bạo lực giới. Mục tiêu của nghiên cứu là xem xét chi tiết diễn biến cuộc sống của từng đối tượng nam giới để tìm hiểu sâu về những yếu tố hướng nam giới đến quan niệm nam tính thiên về bạo lực, cũng như những yếu tố hướng nam giới tới quan niệm nam tính hướng tới bình đẳng giới, phi bạo lực. Kết quả nghiên cứu có ý nghĩa quan trọng đối với công tác phòng chống BLG tại Việt Nam. Cuối cùng, nghiên cứu này chỉ ra rằng bạo lực không phải là tất yếu mà hoàn toàn có thể thay đổi được.

Tóm tắt các kết quả chính

Bạo lực thường được nhìn nhận như là một biện pháp kỷ luật để thiết lập và duy trì quyền lãnh đạo của nam giới, chủ yếu trong gia đình.

Diễn biến cuộc sống của các đối tượng được phỏng vấn cho thấy bạo lực phản ánh tác động của việc bị trừng phạt thể xác ở gia đình khi còn nhỏ, chủ yếu do người cha thực hiện. Tuy nhiên, những trải nghiệm về bạo lực do những người có quyền hành ở trường học thực hiện cũng củng cố mối liên quan này do nó cũng là một cơ chế kiểm soát để hình thành và duy trì quyền lực.

Bên cạnh đó, bạo lực gắn với khái niệm nam tính trong những giai đoạn khác nhau của cuộc đời được thể hiện qua vị thế áp đảo và sức mạnh của người đàn ông này đối với người đàn ông khác. Từ đó xây dựng nên thứ bậc của những người đàn ông dựa trên đặc điểm nam tính mà xã hội mong đợi. Hai giai đoạn trong cuộc sống đóng góp đáng kể vào việc hình thành nam tính

thiên về bạo lực bao gồm: đã từng tham gia vào các cuộc đánh nhau thời thơ ấu và các cuộc đánh nhau trong thời gian nghĩa vụ quân sự.

Mặc dù bạo lực thể chất nhìn chung đã bị lên án trong xã hội, tuy nhiên, bạo lực đối với vợ và con vẫn được cho là chính đáng, miễn là bạo lực này diễn ra trong bối cảnh riêng tư và chưa được nhận diện như là một vấn đề của cộng đồng.

Các cuộc phỏng vấn nam giới về ký ức đời sống của họ từ thời ấu thơ cho đến hiện tại cho thấy có một số hình thức bạo lực được chấp nhận và được coi là chính đáng ở một số mức độ khác nhau. Nhiều đối tượng phỏng vấn cho biết cộng đồng hiện nay đã có nhiều hoạt động can thiệp đáng kể tại cộng đồng phản đối bạo lực thể chất, tuy nhiên, các cuộc phỏng vấn cũng cho thấy nhận thức về bạo lực ở nơi công cộng và bạo lực ở những nơi riêng tư còn rất khác nhau. Bạo lực nơi công cộng bị lên án một cách mạnh mẽ. Nhưng trong bối cảnh riêng tư, hình phạt về thể xác đối với con cái và sử dụng bạo lực đối với vợ đôi khi vẫn được cho là “cần thiết”. Và cho dù là bạo lực nơi công cộng hay riêng tư, thì việc nam giới sử dụng bạo lực vẫn thường được gắn liền với những hoàn cảnh trong đó thể diện nam tính bị thách thức, ví dụ như không có khả năng nuôi sống gia đình hay khi bị vợ cãi lại.

Có nhiều cách diễn giải khác nhau về thế nào là một người đàn ông ở Việt Nam, và chính sự đa dạng về thái độ và thực hành liên quan đến nam tính là cơ hội để xây dựng các quan niệm phi bạo lực và bình đẳng hơn về giới trong nam giới.

Các cuộc phỏng vấn nam giới về diễn biến đời sống của họ phản ánh sự đa dạng về quan niệm nam tính trên địa bàn nghiên cứu. Trong một số trường hợp, các đặc điểm, thái độ và hành vi liên quan tới nam tính ở Việt Nam khác nhau ở các vùng miền và địa vị kinh tế xã hội: ở Huế, nam tính lý tưởng liên quan tới học thức, trong khi ở Phú Xuyên, đặc điểm của một người đàn ông lý

tưởng được gắn với sức mạnh thể chất. Các quan niệm nam tính khác thường đồng nhất hơn và tương tự ở mọi hoàn cảnh văn hóa xã hội, ví dụ khái niệm về sự áp đảo và sự thống trị của nam giới trong gia đình.

Tuy nhiên, sự diễn giải khác nhau về thế nào là một người đàn ông ở Việt Nam đã chỉ ra những quan niệm nam tính không bá quyền và quan niệm nam tính mới. Đáng chú ý, một vài đối tượng phỏng vấn đã đề cập đến việc chia sẻ quyền lực trong mối quan hệ vợ chồng, điều này đã ngược lại với quan niệm nam tính bá quyền gắn với thống trị và sức mạnh. Một số khác nhấn mạnh tới năng lực của phụ nữ ở nơi làm việc. Điều thú vị là những niềm tin và thực hành mới được giải thích gắn liền với sự thành công và ổn định về kinh tế là một trong những thuộc tính đàn ông được nhắc đến rộng rãi ở Việt Nam. Điều này cho thấy trong khi các quan niệm nam tính mới có thể không phải lúc nào cũng phản ánh những niềm tin có tính bình đẳng giới hơn, nhưng nó cho thấy những mâu thuẫn trong cuộc sống của nam giới – chẳng hạn, khi thực hành không đi đôi với những chuẩn mực đang được chấp nhận rộng rãi. Đây là những điểm quan trọng vì chúng mở ra không gian để thay đổi hướng tới những quan niệm bình đẳng giới hơn khi nói về thế nào là một người đàn ông.

Thời thơ ấu là một phần quan trọng trong con đường nam giới đi tới các thực hành bạo lực hoặc phi bạo lực.

Nghiên cứu cho thấy bốn phạm vi chính trong cuộc sống của những người tham gia phỏng vấn có tác động mạnh mẽ đến thái độ, niềm tin và thực hành nam tính ở Việt Nam. Đó là:

- Mối quan hệ về giới trong gia đình ở thời thơ ấu, bao gồm cách giáo dục của cha mẹ và mong đợi khác nhau của gia đình đối với con gái và con trai;
- Các chuẩn mực về giới trong bối cảnh trường học và việc tiếp xúc với các mong đợi chung từ bạn bè và những cá nhân có thẩm quyền (ví dụ như giáo viên) liên quan đến thực hành và niềm tin về giới;

- Nơi làm việc và các thứ bậc về nam tính theo tình trạng tài chính; và
- Nhận thức của cộng đồng về nhận dạng nam tính của một cá nhân.

Những thay đổi về kinh tế và xã hội trong xã hội đã ảnh hưởng tới các kỳ vọng về hình ảnh của một người đàn ông Việt, và nam giới đang gặp khó khăn trong việc xác định lại quan niệm nam tính của mình theo những kỳ vọng đang thay đổi này.

Hầu hết các cuộc phỏng vấn cho thấy xã hội Việt Nam đang ở trong giai đoạn chuyển đổi về mặt kinh tế, chính trị và xã hội, và tất cả những thay đổi này có ảnh hưởng tới nam tính và mối quan hệ giới. Phần lớn những người tham gia nghiên cứu ủng hộ những thay đổi này, và họ cũng ủng hộ việc phụ nữ có thêm cơ hội kinh tế và giáo dục tốt hơn. Tuy nhiên, dường như các cuộc thảo luận trở nên kém sôi nổi hơn khi nói đến ảnh hưởng của những thay đổi này đối với việc duy trì vai trò giới ở Việt Nam. Những người tham gia nghiên cứu nhắc đến hành vi và thực hành được mong đợi đối với nữ tính trong quá khứ và họ nhìn nhận phụ nữ Việt Nam thời nay trong khuôn khổ các chuẩn mực này. Điều đó cho thấy vẫn có nhiều điểm mâu thuẫn trong quan điểm về vai trò của phụ nữ và nam giới ai nên làm gì và mỗi giới nên giữ vai trò gì trong bối cảnh xã hội Việt Nam đang thay đổi nhanh chóng.

Tóm tắt các khuyến nghị

Các kết quả của nghiên cứu này có ý nghĩa quan trọng đối với nỗ lực ngăn chặn bạo lực trên cơ sở giới ở Việt Nam. Nghiên cứu lịch sử đời sống tạo ra nền tảng có giá trị cho các chương trình và chính sách đa dạng hơn để ngăn chặn bạo lực trên cơ sở về giới. Phần khuyến nghị của nghiên cứu này đưa ra gợi ý về các chính sách và chương trình để có thể ngăn chặn bạo lực hiệu quả hơn với các tầng lớp khác nhau của xã hội – từ các hoạt động trong gia đình cho đến các hoạt động huy động cộng đồng và các chính sách xã hội rộng lớn hơn về bình đẳng giới. Các khuyến nghị cơ bản bao gồm:

Các mối quan hệ, hoàn cảnh gia đình có vai trò quan trọng trong sự hình thành của các phương thức giải quyết mâu thuẫn phi bạo lực, cũng như tạo cơ hội, thực hiện quyền bình đẳng của trẻ em trai và trẻ em gái – khuyến khích các chương trình về áp dụng phương pháp dạy bảo con cái lành mạnh, đặc biệt chú trọng vai trò người cha trong việc giáo dục con cái, cũng như khuyến khích đối xử bình đẳng với con trai và con gái.

Trường học là môi trường chính thức trong đó các quan niệm về giới, giáo dục, cơ hội của trẻ em trai và trẻ em gái hình thành – xây dựng các chương trình giáo dục cho cả học sinh nam và nữ trong trường học về mối quan hệ phi bạo lực, lành mạnh, bình đẳng giới, phối hợp với giáo viên, nhất là các thầy giáo, xây dựng các tấm gương tích cực, phi bạo lực để học sinh noi theo.

Quan niệm của nam giới về bản lĩnh đàn ông được hình thành bởi cộng đồng và các chuẩn mực xã hội về vấn đề nam tính – huy động các lãnh đạo cộng đồng, tổ chức địa phương tham gia các hoạt động bình đẳng giới, phòng chống bạo lực.

Tổ chức các hoạt động chương trình hỗ trợ (theo các nội dung trên) tác động đến các chính sách trung ương, địa phương nhằm tăng cường bình đẳng giới, phi bạo lực, tạo điều kiện để nam giới và phụ nữ có cơ hội bình đẳng trong phát huy năng lực của mình – nâng cao nhận thức về Luật Phòng chống Bạo lực gia đình; lồng ghép bình đẳng giới vào các chương trình chính sách giáo dục quốc gia, chính sách về lao động, chính sách của cơ sở để nam giới tham gia bình đẳng vào cuộc sống gia đình cũng như tại nơi làm việc.

CHƯƠNG I ĐẶT VẤN ĐỀ



strong
hands
stop
violence
against women
and girls

Mặc dù các hoạt động phòng chống bạo lực giới đã thực hiện từ nhiều thập kỷ qua khắp toàn cầu, bạo lực giới (BLG) vẫn là một vấn đề rất được thế giới quan tâm, bởi ảnh hưởng đến cả nam giới lẫn phụ nữ, cũng như sự phát triển kinh tế, xã hội của các nước. Ở Việt Nam, mặc dù Chính phủ đã có được khung pháp lý nhằm chấm dứt tình trạng BLG, tăng cường bình đẳng giới, nhưng bạo lực giới vẫn là một vấn đề nghiêm trọng, xảy ra dưới nhiều hình thức, như bạo lực thể xác, tinh thần, tình dục, kinh tế và buôn bán phụ nữ (Liên hiệp quốc tại Việt Nam, 2010). Nhận thức được sự nghiêm trọng của vấn đề này, chính phủ Việt Nam đã thể hiện cam kết trong xóa bỏ mọi hình thức BLG, thông qua việc phê chuẩn các công ước quốc tế về quyền con người, xây dựng và thông qua các luật và chính sách liên quan. Từ năm 1982, Việt Nam đã phê chuẩn Công ước về Xóa bỏ mọi hình thức Phân biệt đối xử với Phụ nữ (CEDAW) và đã có những cam kết quốc tế về thực hiện những giải pháp đề ra trong Hội nghị Quốc tế về Dân số và Phát triển Cairo 1994 và Hội nghị Thế giới về Phụ nữ 1995. Đặc biệt, Luật Phòng chống Bạo lực gia đình đã được ban hành năm 2007.

Tuy nhiên, ở Việt Nam cũng như một số nước khác, các can thiệp BLG chủ yếu vẫn dưới dạng xử lý vấn đề, tập trung vào xây dựng khung pháp lý và hỗ trợ nạn nhân bị bạo lực. Mặc dù các biện pháp và xử lý khi bạo lực xảy ra là cần thiết nhưng cần phải được lồng ghép vào các mô hình

phòng chống bạo lực, và tăng cường hơn nữa việc ngăn chặn bạo lực trước khi xảy ra. Và cần tìm hiểu gốc rễ và những yếu tố dẫn đến BLG ở Việt Nam để có thể nâng cao hiệu quả của các can thiệp này. Một mảng nghiên cứu vẫn còn bỏ ngỏ tại Việt Nam hiện nay là mối quan hệ giữa quan niệm về nam tính và bạo lực giới, đặc biệt là những yếu tố xã hội liên quan đến sử dụng bạo lực ở nam giới, và lý do vì sao một số nam giới có hành vi bạo lực trong khi số khác ủng hộ quan điểm bình đẳng giới trong cuộc sống, quan hệ vợ chồng.

Đây là một nghiên cứu định tính, thông qua xem xét, phân tích chi tiết diễn biến cuộc sống của từng đối tượng nam giới để tìm hiểu sâu về những yếu tố hướng nam giới đến quan niệm nam tính thiên về bạo lực, cũng như những yếu tố hướng nam giới tới quan niệm nam tính thiên về bình đẳng giới, phi bạo lực. Kết quả của nghiên cứu có ý nghĩa quan trọng đối với công tác phòng chống BLG tại Việt Nam. Kết quả nghiên cứu cho thấy bạo lực không phải là điều tất yếu sẽ xảy ra và hoàn toàn có thể thay đổi được. Nhờ hiểu rõ quá trình nam giới chấp nhận hay phản đối bạo lực trong quan niệm về tư cách đàn ông, các cơ quan tổ chức làm việc về BLG có thể tìm ra những phương thức sáng tạo để lôi kéo sự tham gia của nam giới, góp phần xây dựng một xã hội trong đó quan niệm nam tính phổ biến gắn liền với sự yên ấm, tôn trọng và bình đẳng.

CHƯƠNG II KHUNG KHÁI NIỆM



**strong
hands
stop
violence
against women
and girls**

Bạo lực giới

Trong phạm vi của báo cáo này, bạo lực trên cơ sở giới được hiểu là sự vi phạm quyền con người nói chung, thể hiện ở bất kỳ hành vi bạo lực nào trái với mong muốn của phụ nữ, nam giới, trẻ em trai, trẻ em gái, cả ở nơi công cộng và trong gia đình, mà nguyên nhân cơ bản là sự khác biệt về mặt xã hội giữa nam và nữ (Đại hội đồng LHQ, 1993; ECOSOC, 2006). Bạo lực giới là một vấn đề nghiêm trọng, có thể nguy hiểm đến tính mạng con người, có nguyên nhân từ mối quan hệ quyền lực giữa nam giới và phụ nữ, xảy ra dưới nhiều hình thức, bao gồm cả bạo lực thể xác, tinh thần, lời nói và bạo lực tình dục. Thực tế cho thấy phụ nữ thường là đối tượng bị nam giới bạo lực (Garcia-Moreno và đồng nghiệp, 2005). BLG cũng ảnh hưởng xấu đến gia đình, cộng đồng và xã hội nói chung, cũng như gây ra những tổn thất về xã hội, kinh tế, quyền con người cho cả quốc gia.

Ngoài ra, nhiều hình thức bạo lực giới được sử dụng để thiết lập, thực hành hay duy trì bất bình đẳng giới và các quan hệ bất bình đẳng giới cũng có liên quan đến những hình thức áp bức, bất bình đẳng khác vượt khỏi vấn đề giới. Những hệ thống, cơ cấu áp bức, tạo điều kiện cho bạo lực giới cũng tạo điều kiện cho nhiều hình thức bạo lực khác đối với con người.

Mặc dù khái niệm bạo lực giới được sử dụng trong nghiên cứu, nhưng báo cáo này sẽ tập trung vào bạo lực do nam giới sử dụng đối với vợ, bạn gái, cũng như trải nghiệm bản thân của họ về bạo lực, đặc biệt trong thời niên thiếu và đối với nhóm đồng niên. Trong nghiên cứu này, nam giới đề cập chủ yếu đến bạo lực gia đình, một dạng bạo lực đối với phụ nữ phổ biến ở Việt Nam cũng như trên thế giới (theo TCTK và WHO, 2010; Garcia-Moreno và đồng nghiệp, 2005).

Vấn đề nam tính trong phòng ngừa bạo lực

Tuy các nghiên cứu về giới và bạo lực thường tập trung vào phụ nữ và quan niệm về nữ tính, nhưng ngày càng có nhiều ý kiến cho rằng quan niệm về nam tính, cũng như cách thức nam giới thể hiện nam tính là một nội dung quan trọng cần nghiên cứu (theo Hearn, 1992; Brod và Kaufman, 1994; Bourdieu, 2001; Connel, 1995).

Thực tế cho thấy BLG chủ yếu do nam giới gây ra, vì vậy, để phòng chống bạo lực giới hiệu quả hơn cần hiểu rõ vì sao nam giới sử dụng vũ lực đối với vợ, bạn gái và BLG có liên hệ gì với quan niệm về phẩm chất đàn ông. Năm 1992, mặc dù Hearn công bố một nghiên cứu đột phá về nam tính có tựa đề *Đàn ông trong con mắt công chúng*, nhưng phải đến khi Connel (1995) công bố nghiên cứu *Nam tính* thì khái niệm nam tính mới thực sự được xem xét kỹ lưỡng trong cả lĩnh vực nghiên cứu và thực hành. Connel lập luận rằng có nhiều quan niệm về nam tính do các yếu tố giới, tộc người và tầng lớp xã hội tương tác lẫn nhau, đồng thời giới thiệu khái niệm nam tính bá quyền, tiền đề để xây dựng công cụ khảo sát mối tương quan quyền lực giới ở nam giới (Connel và Messerschmidt, 2005).

Nam tính bá quyền được định nghĩa như sau “Là những thuộc tính liên quan đến các thực hành giới, hiện thân của việc thực hành hệ tư tưởng gia trưởng đang được xã hội chấp nhận, và hệ tư tưởng gia trưởng này chính là cơ sở để duy trì (hoặc được sử dụng để duy trì) cho vị thế bá quyền của nam giới và sự phục tùng, lệ thuộc của nữ giới” (Connel và Messerschmidt, 2005). Nam tính bá quyền thể hiện dưới nhiều hình thức trong nhiều bối cảnh khác nhau, nhưng thường liên quan đến các đặc tính như quyết đoán, kiểm soát, tự tin, hung hăng, tham vọng, thích cạnh tranh và mạnh mẽ (Cheng 1996). Một số nhà nghiên cứu khác đề nghị áp dụng cách tiếp cận dựa vào hoàn cảnh để tìm hiểu về nam tính, tìm hiểu nội lực của nam giới trong thương thuyết nam tính bá quyền và chống lại những quan điểm, thái độ và thực hành phổ biến về nam tính (Demetriou 2001; Wetherell & Edley 1999; Whitehead 1999; Lusher & Robins 2009), đặc biệt trong bối cảnh toàn cầu và sự toàn cầu hóa các tranh luận trên thế giới về nam tính bá quyền (Beasley 2008). Thậm chí, Seidler (2007) còn cho rằng “mô hình bá quyền tự nó đã là sự bá quyền vì chính tính phổ biến của nó đã khiến các tổ chức quốc tế muốn có một mô hình áp dụng chung cho nhiều nền văn hóa. Thay bằng cố gắng thực hiện những điều chỉnh vụn vặt cho từng nền văn hóa và đề cao hành vi bạo lực được chấp nhận ở những nền văn hóa gia trưởng, chúng ta cần mở rộng hiểu biết về sự khác biệt văn hóa của nam tính”

(2007:11). Chính vì vậy, nghiên cứu về nam tính trong bối cảnh văn hóa cụ thể ở Việt Nam là vô cùng cần thiết.

Nghiên cứu này nhận định quan niệm nam tính bá quyền và những mối quan hệ giới bất bình đẳng có thể thay đổi. Quan niệm về nam tính dựa trên chế độ gia trưởng, đẩy phụ nữ và một số nam giới vào vị thế thấp kém làm tổn hại cho toàn xã hội và như vậy ủng hộ quan niệm nam tính mang tính bình đẳng giới chính là cách tiếp cận thay đổi xã hội trên diện rộng nhằm ngăn chặn bạo lực. Vì thế, các can thiệp về BLG cần tăng cường phối hợp liên ngành để huy động cả nam giới và phụ nữ (Jonzon và các tác giả khác 2007: 640).

Mô hình sinh thái

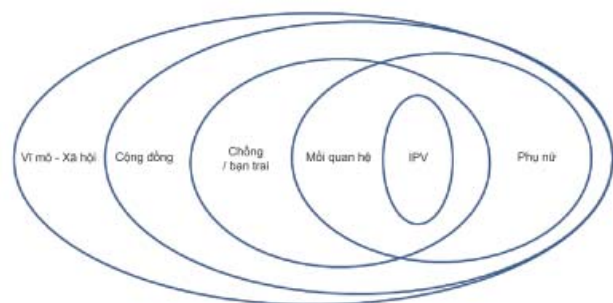
Những hiểu biết hiện nay về bạo lực đối với phụ nữ cho thấy tình trạng bạo lực đối với phụ nữ có liên quan đến một loạt các yếu tố cá nhân, gia đình, cộng đồng, xã hội (O'Toole và các tác giả khác, 2007; Đại hội đồng LHQ, 2006; Gage, 2005; Heise, 1998, 2011). Báo cáo này sử dụng mô hình sinh thái (xem Hình 1) để tìm hiểu bản chất đa chiều của vấn đề bạo lực ở nhiều cấp độ, trong đó có mối quan hệ quyền lực giữa các cá nhân và các yếu tố bối cảnh. Mô hình sinh thái thường được sử dụng để mô tả các yếu tố nguy cơ (đặc điểm, sự kiện hay trải nghiệm có dấu hiệu làm tăng nguy cơ sử dụng hay bị bạo lực giới) và các yếu tố bảo vệ (đặc điểm, sự kiện hay trải nghiệm khiến giảm nguy cơ BLG). Các

yếu tố nguy cơ và bảo vệ thường được xác định bằng điều tra quần thể, nhưng các nghiên cứu định tính cũng có thể giải thích rõ hơn về những con đường dẫn tới bạo lực trong suốt cuộc đời.

Những niềm tin và giá trị văn hóa chung góp phần hình thành bạo lực giới gồm những yếu tố như quan niệm nam tính gắn liền với sự thống trị hay cứng rắn, quyền lợi của nam giới và sự sở hữu của phụ nữ và việc chấp nhận hành vi đánh đập phụ nữ (WHO, 2004). Các giá trị xã hội, văn hóa góp phần vào bạo lực giới cũng thường được phản ánh trong các chính sách, luật pháp, nội dung truyền thông có khuynh hướng định kiến giới. Những yếu tố trong bối cảnh xã hội trực tiếp gồm đặc điểm của cộng đồng, như vị thế xã hội thấp kém của phụ nữ, sự dung túng bạo lực gia đình trong xã hội, thiếu dịch vụ hỗ trợ, tỉ lệ thất nghiệp, tội phạm và bạo lực giữa nam giới cao. Trong phạm vi gia đình và các quan hệ gia đình thì các yếu tố như xung đột vợ chồng, các tập quán về hồi môn, thách cưới, quyền kiểm soát tài sản của nam giới, sự cô lập của người phụ nữ trong gia đình cũng góp phần làm tăng bạo lực. Những yếu tố nguy cơ trong lịch sử đời sống của nam giới bao gồm việc chứng kiến hành vi bạo lực của người cha khi còn nhỏ, tàng trữ vũ khí, lạm dụng rượu và các chất gây nghiện khác, mất địa vị, mất tư thế trong con mắt bạn bè (WHO, 2004). Những mô hình sinh thái mới đây hơn còn đề cập đến cả những yếu tố nguy cơ, ngăn ngừa ở những khu vực thu nhập thấp và trung bình (Heise, 2011).

Hình 1

Mô hình sinh thái xã hội áp dụng để phân tích bạo lực giới ở nhiều cấp độ xã hội (Heise 2011)



CHƯƠNG III

TỔNG QUAN TÀI LIỆU



strong
hands
stop
violence
against women
and girls

Những nghiên cứu về BLG ở Việt Nam bắt đầu từ những năm 1990, và ngày càng nhiều hơn, đã thu hút được chú ý do tính phổ biến của vấn đề, ở mọi tầng lớp kinh tế - xã hội, dân tộc, tôn giáo, nghề nghiệp, trình độ học vấn (Rydström, 2006: 329). Các nghiên cứu cũng chỉ rõ các quan niệm xã hội bất bình đẳng nhưng chưa được nhận biết có liên quan như thế nào đến tỉ lệ BLG ở Việt Nam.

Năm 2009, với sự hỗ trợ kỹ thuật của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) và Liên Hiệp Quốc tại Việt Nam thông qua chương trình chung về bình đẳng giới (2009-2011), Tổng cục Thống kê (TCTK) đã thực hiện một nghiên cứu ở cấp quốc gia theo phương pháp nghiên cứu đa quốc gia của Tổ chức Y tế Thế giới về tình trạng bạo lực gia đình đối với phụ nữ Việt Nam. Kết quả nghiên cứu được công bố năm 2010 với kết quả 34% phụ nữ từng kết hôn đã bị bạo lực thể xác và/hoặc tình dục ít nhất một lần cho đến thời điểm được phỏng vấn, và con số này trong vòng 12 tháng qua là 27% (TCTK, 2010: 51). Trong số những phụ nữ từng bị chồng, bạn trai bạo lực thể xác hay tình dục có 26% cho biết từng bị thương tích do bạo lực. Những phụ nữ từng bị bạo lực thể xác hay tình dục cũng là những người gặp nhiều vấn đề sức khỏe hơn, với tình trạng sức khỏe chung của họ thường là “yếu” hay “rất yếu” (TCTK 2010: 79). Một nghiên cứu khác được thực hiện với sự tham gia của các nhân viên y tế huyện Ba Vì, tỉnh Hà Tây (nay là Hà Nội) cho thấy bạo lực thể xác và tinh thần phổ biến hơn bạo lực tình dục (Krantz và các tác giả khác, 2005). Tuy nhiên nhiều nghiên cứu khẳng định bạo lực tình dục thường ít được nhắc đến (Randall, 1999; Phan Thị Thu Hiền, 2008; Liên hiệp quốc, 2000). Theo Vũ Song Hà (2002), do vợ chồng ít khi trao đổi với nhau về giới tính và tình dục nên phụ nữ thường không chia sẻ về cuộc sống tình dục của mình. Sự im lặng cũng là một cách phụ nữ thường dùng để giữ hòa khí trong gia đình và giảm tình trạng bạo lực. Vì vậy, bạo lực tình dục được coi là vấn đề riêng tư, và phụ nữ chỉ đi khám trong những trường hợp họ bị tổn thương rất nghiêm trọng (Krantz và cộng sự, 2005).

Mới đây, Partners for Prevention (P4P) và Paz y Desarrollo (PyD) Việt Nam sử dụng số liệu Nghiên cứu quốc gia về Bạo lực gia đình đối

với phụ nữ của Tổng cục Thống kê thực hiện phân tích yếu tố nguy cơ và yếu tố bảo vệ đối với những phụ nữ đã từng bị bạo lực gia đình. Các yếu tố nguy cơ chính bao gồm phụ nữ chấp nhận bị bạo hành, chứng kiến bạo hành khi còn nhỏ, thường xuyên cãi cọ, chồng nghiện rượu, chồng là người kiểm soát về kinh tế và các mặt khác trong gia đình, chồng đánh nhau với nam giới khác. Nghiên cứu định tính này bổ sung cho phân tích trên đây với những hiểu biết sâu hơn về con đường dẫn đến bạo lực, làm rõ những yếu tố nguy cơ đã nêu và những yếu tố bảo vệ trong cuộc đời của những nam giới.

Mối liên hệ giữa các chuẩn mực xã hội, những phong tục, tập quán địa phương liên quan đến qui định vai trò, vị thế của cho mỗi giới đã và đang được tiếp tục nghiên cứu theo phương pháp định tính trên toàn quốc, đặc biệt chú trọng vào vấn đề bất bình đẳng giới dẫn đến BLG (Randall, 1999; Phan Thị Thu Hiền, 2008). Các nghiên cứu hiện tại cho thấy chính vị trí đối kháng giữa nam và nữ tạo ra thứ bậc và biến đổi quyền lực trong quan hệ đã khiến phụ nữ có nguy cơ bị bạo hành gia đình (Jonzon và cộng sự, 2007; Rydström, 2003, 2004, 2006). Các nghiên cứu cũng chỉ ra rằng các chuẩn mực xã hội thường đòi hỏi phụ nữ phải nhu mì, cam chịu, kiềm chế nhu cầu tình dục, phục tùng chồng để giữ hòa khí trong gia đình (Phan Thị Thu Hiền, 2008: 180). Ngược lại, các chuẩn mực xã hội cũng cho rằng nam tính gắn liền với việc uống rượu, kiếm tiền, thể hiện sức mạnh cơ bắp, cũng như biết cách “dạy” vợ con. Trừng phạt thể xác thường được biện hộ bằng câu ngạn ngữ “yêu cho roi cho vọt” (Trần Đình Hằng, 2004) và bạo lực gia đình chính là hậu quả của việc nam giới thể hiện quyền hành đối với vợ để chứng tỏ bản lĩnh đàn ông (Phan Thị Thu Hiền, 2008: 181).

Ngoài ra, văn hóa Việt Nam cho rằng nam thuộc mệnh dương còn nữ thuộc mệnh âm, từ đó có xu hướng quan niệm nam thì nóng tính còn nữ thì ôn hòa, nền tính, biết dùng “âm chế dương”, giải tỏa căng thẳng trong gia đình (Rydström, 2004). Jonzon và cộng sự (2007: 643) cho rằng nếu phụ nữ đi ngược lại quan niệm trên thì họ sẽ bị xem là người có lỗi nên nam giới mới sử dụng bạo lực. Nho giáo thường được nhìn nhận là có ảnh hưởng lớn trong xã hội Việt Nam, đặc

biệt trong quan hệ bất bình đẳng giữa nam và nữ. Một trong những giáo lý phổ biến – “tam tòng tứ đức” – thường được viện dẫn theo hướng áp đặt đối với phụ nữ, trói buộc người phụ nữ theo khuôn phép của nhà chồng. Vì thế, nạn nhân bạo lực gia đình thường ít kiện cáo, đưa đơn ly dị, vì giáo lý này làm cho cộng đồng khó chấp nhận những phụ nữ chống đối chồng (Hoàng Thị Ái Hoa, 2009). Theo Hoàng Tú Anh và cộng sự (2002: 132), những lối suy diễn trên đã tồn tại lâu đời trong xã hội và là rào cản trên con đường tiến tới bình đẳng giới.

Nhiều nghiên cứu khác ở Việt Nam cũng phân tích các mô hình bạo lực gia đình. Chẳng hạn, nam giới có hành vi bạo lực cao hơn nữ giới, nam giới thường đánh vợ nhiều hơn đánh con gái. Trẻ em trai thường đánh nhau với bạn. Mẹ thường đánh con gái, trong khi bố và ông thường đánh con trai, cháu trai (Nguyễn Hữu Minh và Trần Thị Vân Anh, 2009; Hoàng Bá Thịnh, 2005; Lê Thị Quý và Đặng Vũ Cảnh Linh, 2007; Vũ Mạnh Lợi và cộng sự, 1999; Liên hiệp quốc, 2000; Hội Phụ nữ Việt Nam, 1997; Ngân hàng Thế giới, 1999; Rydstrøm, 2006).

Cuối cùng, các thay đổi về thể chế chính trị, xã hội, kinh tế ở Việt Nam kể từ nửa sau của thế kỷ 20 cũng ảnh hưởng đến quan hệ giới giữa nam và nữ (Gammeltoft, 1999; Rydstrøm, 2003, 2006; Hoàng Tú Anh và các tác giả khác, 2002; Mai Huy Bích, 1993; Trần Đình Hựu, 1991; Ngô Thị Ngân Bình, 2004). Việc ban hành hệ thống pháp luật mới đã giải quyết vấn đề “giải phóng phụ nữ” và phần nào có hiệu quả trong việc nâng cao vai trò của người phụ nữ trong xã hội, giúp phụ nữ ngày càng đảm nhiệm nhiều vị trí lãnh

đạo trong nhiều lĩnh vực. Thêm vào đó, trình độ giáo dục, cơ hội kinh tế của phụ nữ, nhất là ở thành thị, cũng đã tăng đáng kể so với thời thực dân, phong kiến. Đặc biệt, những khó khăn kinh tế sau năm 1975 đã tạo ra những thay đổi cơ bản trong phân công lao động giữa nam và nữ, đặc biệt là ở tầng lớp trung lưu. Do thu nhập của một người không đủ trang trải chi phí của cả gia đình nên phụ nữ phải tham gia nhiều hơn vào các hoạt động kinh tế để hỗ trợ gia đình. Do chia sẻ trách nhiệm về kinh tế nên đã có sự chuyển biến trong quan niệm của nam giới về người chịu trách nhiệm kinh tế trong gia đình, nhất là đối với nhóm thanh niên.

Tổng quan tài liệu trên đây cho thấy những xu hướng chính trong nghiên cứu về quan niệm giới ở Việt Nam. Tuy nhiên, các nghiên cứu này chưa đề cập đến sự khác biệt quan niệm về giới giữa các vùng miền, hay các quan niệm đối kháng trong bối cảnh Việt Nam. Niềm tin và định kiến về sự khác biệt giữa các vùng miền vẫn còn tồn tại ở Việt Nam, đặc biệt trong bối cảnh lịch sử chia cách giữa hai miền Nam - Bắc. Ở chừng mực nào đó, những định kiến này được thể hiện trong các nghiên cứu, tuy nhiên vẫn cần các nghiên cứu so sánh để tìm hiểu thêm về cơ chế tạo nên các quan điểm và thực hành giới ở Việt Nam.

Phân tích lịch sử đời sống sau đây về BLG và quan niệm về nam tính ở Việt Nam sẽ bổ sung thêm kết quả vào hệ thống nghiên cứu hiện tại và sẽ đưa ra những phân tích sâu hơn về cái nhìn của nam giới đối với thái độ, thực hành thể hiện bản lĩnh đàn ông ở Việt Nam, cũng như quá trình hình thành các nhìn nhận này trong cuộc đời họ.

CHƯƠNG IV
PHƯƠNG PHÁP
NGHIÊN CỨU



**strong
hands
stop
violence
against women
and girls**

Phương pháp nghiên cứu lịch sử đời sống

Nghiên cứu này sử dụng phương pháp lịch sử đời sống để thu thập, phân tích thông tin về mối liên hệ giữa nam tính và BLG. Giá trị của phương pháp phân tích lịch sử đời sống cho phép nhìn xa hơn các chủ đề nhằm suy xét, phân tích những cách thức, khuôn mẫu và xu hướng hình thành quan niệm về nam tính và hành vi bạo lực trong suốt cuộc đời của đối tượng (Connel, 2010). Hơn nữa, phương pháp phân tích thông tin lịch sử đời sống còn xem đối tượng phỏng vấn là một chỉnh thể, từ đó khảo sát cách thức mà các cấu trúc và động lực xã hội ảnh hưởng lên cuộc sống của từng cá nhân (Plummer, 2001).

Phương pháp nghiên cứu lịch sử đời sống đặc biệt có giá trị trong các nghiên cứu về bạo lực để đưa ra các biện pháp cho việc thay đổi xã hội và phòng ngừa bạo lực. Phương pháp này áp dụng phân tích ở mức độ cá thể, nhằm tìm hiểu sâu hơn các quan niệm, thái độ, hành vi được hình thành và thay đổi theo thời gian như thế nào. Phương pháp này tập trung trực tiếp vào kinh nghiệm sống của cá nhân qua đó tìm hiểu kỹ hơn những động lực đằng sau những hành vi xã hội, như bạo lực trong mối quan hệ cá thể với nhau, trên cơ sở đó tìm ra được những biện pháp thúc đẩy những hành vi xã hội tích cực hơn, và khuyến khích các hành vi phi bạo lực. Nghiên cứu lịch sử đời sống cho phép nghiên cứu viên nhìn nhận cá thể trong một tiến trình xã hội. Đặc biệt khi nghiên cứu về bạo lực với những đối tượng từng sống trong thời kỳ chiến tranh và thời kỳ có sự thay đổi sâu sắc về kinh tế, chính trị, phương pháp này cho phép nhìn nhận lịch sử xã hội cũng như cách thức các xu hướng vĩ mô ảnh hưởng như thế nào đến từng cá thể. Nghiên cứu lịch sử đời sống không có ý định đưa ra một khái niệm về nam tính mang tính đại diện cho Việt Nam, nhưng nó đưa ra một góc nhìn về việc các quan niệm xã hội hình thành nam tính như thế nào.

Câu hỏi nghiên cứu

Nghiên cứu về BLG và quan niệm về nam tính ở Việt Nam đã tìm hiểu lịch sử đời sống của một nhóm nam giới nhằm xem xét kỹ kinh nghiệm

sống của họ ảnh hưởng như thế nào đến quan niệm và thực hành giới. Đặc biệt, nghiên cứu tập trung tìm hiểu vì sao một số nam giới sử dụng vũ lực đối với vợ, bạn gái còn số khác lại có hành vi bình đẳng giới hơn. Hy vọng nghiên cứu sẽ giúp tìm ra những biện pháp phòng chống BLG phù hợp và giúp nam giới thực hiện nếp sống bình đẳng giới hơn ở Việt Nam.

Nghiên cứu này nhằm trả lời những câu hỏi sau:

1. Những yếu tố nào trong cuộc đời có vai trò hình thành quan niệm nam tính bá quyền? Quá trình hình thành, áp dụng những quan niệm nam tính bá quyền có mối quan hệ như thế nào đối với việc sử dụng vũ lực đối với vợ, bạn gái, cũng như thái độ, hành vi khác về giới trong những lĩnh vực đời sống khác của nam giới?
2. Những yếu tố nào trong cuộc đời có vai trò hình thành nên quan niệm mới về nam tính mang tính chất bình đẳng giới hơn? Quan niệm mới về nam tính có mối quan hệ như thế nào đối với thái độ và thực hành bình đẳng giới trong những lĩnh vực đời sống khác nhau của nam giới?
3. Có sự khác biệt cụ thể nào trong lịch sử đời sống của hai nhóm đối tượng nam giới (nhóm bình đẳng và nhóm không bình đẳng), và những khác biệt này có gợi ý gì về các biện pháp nhằm khuyến khích nam giới có quan điểm phi bạo lực và bình đẳng giới hơn?

Quá trình chọn mẫu và phân tích số liệu

Nghiên cứu tiến hành phỏng vấn 30 nam giới, độ tuổi từ 24 trở lên, ở hai địa phương của Việt Nam là thành phố Huế (đô thị) và huyện Phú Xuyên (ven đô, ngoại thành Hà Nội). Các cuộc phỏng vấn được thực hiện bằng tiếng Việt, từ tháng 5 đến tháng 7/2011. Phương pháp chọn mẫu có chủ đích được sử dụng trong nghiên cứu này để thực hiện phỏng vấn lịch sử đời sống của:

- 15 nam giới từng có hành vi bạo lực với vợ, bạn gái từ một lần trở lên,

- 15 nam giới có quan điểm “bình đẳng giới”¹ hay quan niệm “mới” về nam tính trong bối cảnh Việt Nam.

Chiến lược chọn mẫu bao gồm hai nhóm đối tượng trên được xác định dựa trên kết quả phỏng vấn ban đầu về đối tượng nghiên cứu và không có nghĩa là những đối tượng nghiên cứu có xu hướng ‘bình đẳng giới’ hay ‘bạo lực’ trong mọi khía cạnh cuộc sống, như minh họa trong phân tích. Tại Huế, đối tượng nghiên cứu được chọn thông qua các mối quan hệ cá nhân và mạng lưới chuyên môn², từ đó, nhóm nghiên cứu xác định được những người từng có hành vi bạo lực và những người thể hiện thái độ, hành vi bình đẳng giới. Ở Phú Xuyên, các đối tượng nghiên cứu được Hội Phụ Nữ địa phương đề cử và giới thiệu chính thức với nhóm nghiên cứu. Không như đối tượng nghiên cứu ở Huế là những người đa số làm việc ở cơ quan, văn phòng, những người tham gia nghiên cứu ở Phú Xuyên chủ yếu là nông dân nên có thời gian eo hẹp hơn do phải làm đồng hay các công việc khác, khiến việc sắp xếp lịch phỏng vấn khó khăn hơn. Trước phỏng vấn chính thức, nhóm nghiên cứu gặp trực tiếp từng người nhằm tạo dựng mối quan hệ, giải thích cho họ mục đích nghiên cứu cũng như để trao đổi về sự đồng thuận tham gia nghiên cứu. Tất cả các cuộc phỏng vấn đều được ghi âm và giải băng. Mười cuộc phỏng vấn trong số có ghi âm được dịch sang tiếng Anh để tiếp tục phân tích lượt hai. Xem thêm danh sách những người được phỏng vấn trong phụ lục I.

[1] Khái niệm ‘bình đẳng giới’ có thể hiểu theo nhiều cách. Trong khuôn khổ nghiên cứu này, đối tượng bình đẳng giới là những người có quan niệm nam tính không áp đảo/phi truyền thống. Có nghĩa là những người này có tham gia vào những công việc vận động bình đẳng giới (có lương/không lương) hay có lối sống không gia trưởng, như chăm lo cho vợ con, công việc nhà cửa v.v. Để biết chi tiết về phương pháp chọn mẫu, mời liên hệ stephanie.miedema@one.un.org để tìm hiểu về phương pháp nghiên cứu định tính của Dự án Sự thay đổi.

[2] Nhóm nghiên cứu ghi nhận rằng có một số hạn chế khi chọn mẫu phỏng vấn thông qua quan hệ cá nhân và các mạng lưới sẵn có. Các đối tượng ở Huế thường nói về các chuẩn mực xã hội thay vì kinh nghiệm sống của bản thân, hay kể chuyện của người khác thay vì chuyện cuộc sống của mình. Một số trường hợp còn từ chối nói về bản thân. Các đối tượng ở Phú Xuyên cởi mở hơn khi nói về bản thân. Nhận xét này được đúc kết khi phân tích bản ghi phỏng vấn. Các câu chuyện kể của đối tượng thường phản ánh quá trình hình thành và thực trạng của một số quan niệm về nam tính trong xã hội nói chung, nhưng tựu chung vẫn phù hợp và hữu ích với mục tiêu nghiên cứu.

Phân tích số liệu chia làm hai đợt. Đợt 1 được thực hiện trên toàn bộ 30 bản ghi phỏng vấn bằng tiếng Việt, nhằm nhìn nhận khái quát về mối quan hệ giữa quan niệm về nam tính và bạo lực ở Việt Nam, đồng thời nắm bắt được sự đa dạng về văn hóa. Phân tích thông tin đợt 2 được tiến hành bằng tiếng Anh, sử dụng phân mẫu gồm 10 đối tượng, nhằm tìm hiểu sâu về lịch sử đời sống và con đường hình thành một số nếp sống, quan niệm về nam tính (bạo lực/phi bạo lực).

Các kỹ thuật phân tích thông tin lịch sử đời sống được sử dụng trong nghiên cứu bao gồm rà soát toàn bộ các bản ghi chép (bằng tiếng Việt và tiếng Anh) và nghiên cứu các trường hợp điển hình về lịch sử đời sống của từng người tham gia nghiên cứu (10 nghiên cứu trường hợp điển hình bằng tiếng Anh). Các nghiên cứu trường hợp điển hình này xem xét: (1) mô tả cuộc đời của từng người theo thời gian, (2) ảnh hưởng của giới lên các mối quan hệ trong cuộc đời họ, (3) nam tính được hình thành như thế nào trong cuộc đời họ, (4) trải nghiệm bản thân về bạo lực, (5) trải nghiệm bản thân về cuộc sống yên ả và cách giữ hòa thuận. Sau đó, các nghiên cứu trường hợp điển hình được phân tích theo nhóm nhằm tìm hiểu những câu chuyện tương tự trong cuộc đời họ và con đường chung hình thành nên thái độ và thực hành nam tính.

Khái quát về địa điểm nghiên cứu

Huế là cố đô của vương triều cuối cùng ở Việt Nam. Tuy bối cảnh văn hóa, xã hội ở Huế đã thay đổi, đặc biệt khi du lịch phát triển, nhưng Huế vẫn được xem là nơi còn duy trì nhiều nếp nghĩ Nho giáo về những vấn đề như giới, gia đình, dòng tộc, quan hệ làng xóm so với những nơi khác. Mặc dù vậy, Huế cũng đang trải qua những sự thay đổi xã hội nhanh chóng. Một mặt, các gia đình Huế vẫn gần gũi với nhau, tiếp tục duy trì những chuẩn mực, quan niệm sống truyền lại từ nhiều đời nay. Mặt khác, thành phố này đã chứng kiến những sự chuyển biến kinh tế - xã hội nhanh chóng trong vòng 10 năm qua do du lịch phát triển. Sự chuyển biến này khiến Huế trở thành một địa điểm quan trọng cần nghiên cứu về quá trình hình thành, cũng như những thách thức trong quan niệm về nam tính, trong bối cảnh xu hướng xã hội chung.

Huyện Phú Xuyên là một huyện nông thôn, thuộc tỉnh Hà Tây cũ, sau đó được sáp nhập vào Hà Nội từ năm 2008. Là một thị trấn phát triển lên thành khu vực đô thị, Phú Xuyên là địa điểm lý tưởng để tiến hành nghiên cứu nhiều mặt về vấn đề nam tính cũng như những thay đổi trong hành vi, nếp sống của nam giới trong quá trình đô thị hóa diễn ra nhanh chóng. Ở Phú Xuyên, có thể thấy hầu hết mọi mặt hoạt động kinh tế - xã hội cả truyền thống lẫn hiện đại ở Việt Nam, như nông nghiệp, thủ công nghiệp, thương mại, lao động di cư mùa vụ. Về mặt nào đó, những hoạt động này phản ánh quá trình phát triển kinh tế chung ở Việt Nam, nhờ đó giúp nghiên cứu bảo đảm được tính phù hợp khi nghiên cứu quan niệm về nam tính trong bối cảnh xã hội thay đổi.

Hạn chế

Một trong những thách thức chung trong phỏng vấn ở cả hai địa điểm là “sai lệch thông tin do áp lực mong đợi xã hội”, một hạn chế thường gặp trong các nghiên cứu có sử dụng phỏng vấn, thông thường đối tượng phỏng vấn cố gắng thể hiện theo hướng làm mình tốt đẹp hơn trong mắt những người thu thập thông tin. Đối tượng

biết mục tiêu của nghiên cứu trước khi phỏng vấn nên có thể ảnh hưởng đến câu trả lời theo hướng giảm nhẹ hay thậm chí che giấu việc họ từng sử dụng vũ lực với vợ, bạn gái, hoặc những hành động mà theo họ nghĩ, hoặc sợ bị người khác nghĩ mình có hành vi bất bình đẳng giới. Tương tự, sai lệch thông tin này cũng có khả năng do đối tượng tìm cách nói tốt về mình hay thậm chí kể thêm về những hành vi bình đẳng giới của bản thân. Cả hai khả năng trên đều được cân nhắc trong quá trình phân tích, từ đó cung cấp những thông tin quan trọng trong quan niệm về hành vi bình đẳng giới của đối tượng phỏng vấn. Thêm nữa là trong hai trường hợp được phỏng vấn³ có mặt vợ của đối tượng phỏng vấn trong một khoảng thời gian, và thậm chí vợ của một người được nghiên cứu viên hỏi. Việc này có thể ảnh hưởng ít nhất đến một số câu trả lời của đối tượng, khiến đối tượng giảm nhẹ, che giấu hay thêm bớt một số chi tiết. Yếu tố này cũng được tính đến trong quá trình phân tích. Một điểm nữa cần lưu ý, đây chỉ là một nghiên cứu định tính thông qua phỏng vấn một số trường hợp ở Phú Xuyên và Huế, vì thế không mang tính đại diện cho toàn quốc.

[3] Đối tượng Chiến và Dũng. Tên người đã được thay đổi để giữ bí mật cho người tham gia phỏng vấn. Phụ lục I cung cấp Danh sách người tham gia phỏng vấn đầy đủ gồm tên gọi, loại mẫu, ngày phỏng vấn, nơi ở.

CHƯƠNG V KẾT QUẢ



**strong
hands
stop
violence
against women
and girls**

1. Các yếu tố liên quan tới quan niệm nam tính bá quyền ở Việt Nam

Các phỏng vấn lịch sử đời sống cho thấy có khá nhiều quan niệm khác nhau về nam tính ở Việt Nam. Trong một số trường hợp, đặc điểm, thái độ, hành vi liên quan đến quan niệm về nam tính ở Việt Nam có sự khác biệt theo tầng lớp kinh tế - xã hội và địa lý nhưng trong một số trường hợp khác các quan niệm về nam tính phổ biến hơn, bao trùm nhiều bối cảnh xã hội, văn hóa. Các phỏng vấn cho thấy những quan niệm về nam tính nào mang tính chất bá quyền, được nhìn nhận như những hành vi giới được coi là “văn hóa cao đẹp” (Connel, 2005). Nhưng một số diễn giải về quan niệm thế nào là đàn ông Việt Nam cũng cho thấy những quan niệm mới về nam tính đi ngược lại với tính bá quyền (sẽ được trình bày trong phần 2 phía dưới). Các cuộc phỏng vấn mô tả quá trình nam giới sống và áp dụng quan niệm nam tính bá quyền cũng như quan niệm mới về nam tính theo nhiều cách thức khác nhau. Những khác biệt này tạo cơ hội khuyến khích quan niệm sống ôn hòa, bình đẳng hơn trong phẩm chất đàn ông Việt Nam.

Đặc trưng phổ biến nhất về nam tính ở Việt Nam là quan niệm cho rằng nam giới (thường là chồng, cha) phải là trụ cột và người ra quyết định chính trong nhà. Phần lớn các đối tượng tham gia nghiên cứu cho rằng người chồng có vị trí cao hơn người vợ và là người đứng đầu gia đình. Địch⁴ cho biết: “quyền quyết định lúc nào cũng phải là của người chồng, trước đây, hiện nay và sau này cũng vậy”. Chương thể hiện sự ngưỡng mộ về cách cha mình thực thi uy quyền, kỷ luật trong gia đình. Tuy nhiên, cách nam giới thể hiện uy quyền, cũng như quan niệm về mức độ uy quyền bất khả xâm phạm của nam giới này cũng có sự khác biệt. Hùng, cũng như Dũng và Sỹ cho rằng chồng phải biết “dạy” vợ để vợ phục tùng họ. Dạy ở đây bao gồm dạy để vợ không được cãi chồng và phải biết tuân phục chồng, theo họ dạy vợ là “quyền của đàn ông”. Sỹ đề cập đến đòn roi như một biện pháp “dạy” hay “ngăn cấm” vợ cãi lại chồng.

Mặt khác, Khải cho rằng tuy nam giới có quyền “dạy” vợ, nhưng cũng cho rằng nên dùng lời, biện pháp chuyên chính thay vì bạo lực. Dù vậy, Khải vẫn khẳng định vợ và con gái trong nhà phải “theo chồng, theo cha”. Ngay cả với Kim và Chiến là những người có hành vi bình đẳng hơn trong quan hệ, qua phỏng vấn cũng vẫn cho thấy, dù không rõ nét, rằng những người này vẫn có tư tưởng cho rằng uy quyền của nam giới trong gia đình là điều không cần bàn cãi. Chỉ có Nam cho rằng nam giới không nên có uy quyền, lấn át vợ. Theo Nam quan hệ vợ chồng là phải bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau.

Một đặc trưng nữa thường có liên hệ với quan niệm về nam tính, cũng như quan điểm về uy quyền của đàn ông, là người cha phải là người đóng vai trò chính trong dạy dỗ con cái, nhất là con trai (Vũ Mạnh Lợi và các tác giả khác, 1999). Đặc tính này được thể hiện theo hai cách: người cha phải quản lý việc học hành ở trường của con, đồng thời phải biết chỉ bảo con cái trong cuộc sống (xem thêm Santillan, 2004: 541; Schuler, 2006: 388-389). Hùng cho rằng tuy cả cha lẫn mẹ đều phải dạy bảo con cái nhưng người cha phải là người ra quyết định quan trọng về việc học hành của con cái. Hầu hết những người trả lời phỏng vấn đều nói đến việc được cha mình dạy bảo ra sao ngoài những gì học được ở trường. Cha dạy con bao gồm giúp con làm bài tập ở nhà, dạy cho con cả những bài học về xã hội, như làm người đàn ông thì phải thế nào. Và điều quan trọng hơn phân tích này đưa ra rằng có mối quan hệ giữa uy quyền – đặc trưng chính trong quan niệm về nam tính ở Việt Nam – và cách nam giới thể hiện uy quyền thông qua việc dạy bảo cả vợ lẫn con cái. Như sẽ trình bày ở phần sau, việc bị thách thức uy quyền thường được coi là một lý do chính đáng để nam giới sử dụng vũ lực.

Là người chỉ giáo, biết giữ nề nếp, kỷ cương và có uy quyền là những đặc trưng chính trong quan niệm thế nào là đàn ông, và là những quan điểm phổ biến, được đa số nhất trí ở tất cả các đối tượng, bất kể địa vị xã hội, vị trí địa lý. Điều này cho thấy rõ mức độ phổ biến của những đặc trưng này, cũng như những nếp sống liên quan, trong quan niệm bá quyền ở xã hội Việt Nam. Tuy nhiên, những đặc trưng khác về quan niệm

[4] Xem thông tin tại Phụ lục I

nam tính, cũng có ảnh hưởng bởi các yếu tố xã hội, kinh tế, địa lý. Hình mẫu đàn ông lý tưởng theo mô tả của các nam giới được phỏng vấn ở Huế, phần lớn là những người được học hành, lớn lên trong những gia đình trung-thượng lưu, khá khác biệt so với những nam giới được phỏng vấn ở Phú Xuyên, đa số ít được đi học, lớn lên trong các gia đình nghèo.

Ở Huế, các đối tượng phỏng vấn coi hình mẫu đàn ông lý tưởng là phải “lịch sự”, “có tri thức”, “có học”. Sức mạnh cơ bắp thường không được nhấn mạnh trong quan niệm thế nào là người đàn ông thực sự. Thu, người gốc Huế, cho rằng so với nam giới ở các khu vực khác ở Việt Nam, đàn ông Huế thường điềm đạm, ít nói hơn, và việc đàn ông Huế làm thơ là điều bình thường, vì đối với phụ nữ Huế, đây là một nét hấp dẫn. Thu còn cho biết “con trai mà vai u thịt bắp thì hay bị xem là thô kệch”, cho nên phải “điềm đạm, ít nói, thư sinh”. Thu cũng nói rằng vì “Huế nổi tiếng là đất văn hiến” nên người dân ở đây cũng coi trọng học hành hơn (vì như vậy mới tìm được việc làm tốt) so với những hoạt động khác như thể thao. Khải, cũng là người gốc Huế, cho rằng trước đây, phụ nữ thường thích nam giới giỏi học hành, thứ mới đến những người giỏi lao động chân tay, “Nhất là học hay, nhì là cày giỏi”, và cũng nói thêm rằng con gái thường không thích con trai “to khỏe, thích đánh nhau”. Chiến, một người gốc Huế khác, cho rằng nam giới phải có học, hiểu biết về nhiều lĩnh vực tri thức, văn hóa, thực tế, xã hội. Trái lại, Dịch có lẽ là người gốc Huế duy nhất cho rằng người “đàn ông thực sự” phải khỏe mạnh, đồng thời phải là “chỗ dựa cho vợ con cả về vật chất, tinh thần, sức khỏe”. Dịch cũng cho rằng, tuy trước đây, phụ nữ thường thích những nam giới biết “thơ văn”, ga-lăng, nhưng thanh niên hiện nay thường thích “quậy” hơn, thích ra dáng “người hùng” bằng cách đánh nhau để “chứng tỏ mình là đàn ông”, và điều này cũng được những nam thanh niên và cả nữ thanh niên khác hưởng ứng.

Khác với Huế, ở Phú Xuyên, sức vóc lại được coi là tố chất lý tưởng của nam giới. Nhiều người trả lời phỏng vấn mô tả nam giới có xu hướng thích bạo lực, nóng nảy, trong khi những đức tính như lịch sự, có học thường không được nhắc đến nhiều. Chương, quê Phú Xuyên, cho rằng con trai thì phải cao to, khỏe mạnh, vì như

vậy mới đủ sức “chiến đấu”, được nể sợ. Chương cho rằng con gái thích con trai khỏe mạnh (trong đó có những nam giới đã thực hiện nghĩa vụ quân sự), vì có khả năng bảo vệ cho họ. Nhớ lại thời trẻ, Chương cho biết một số phụ nữ cũng thích nam giới “vui tính”, biết đàn hát, tuy những đặc điểm này không được coi trọng như sức vóc. Các nam giới tham gia nghiên cứu ở Phú Xuyên thường xuyên nhắc đến nam giới với đặc tính nóng tính, nóng nảy. Sỹ, quê Phú Xuyên, cho rằng nam giới nhìn chung rất nóng nảy, nên nếu vợ “hỗn” thì chồng đánh vợ là bình thường, thậm chí chấp nhận được, trừ khi có người can ngăn. Chương cho rằng phụ nữ phải tránh lúc chồng “nóng tính” và phải biết “nhịn” khi chồng đang nóng. Những ý kiến về việc nam giới nóng tính này phù hợp với kết quả nghiên cứu hiện nay về quan niệm văn hóa trong khác biệt giữa phụ nữ (âm) và nam giới (dương) ở Việt Nam (xem Rydstrom. 2004).

Những khác biệt rõ ràng giữa Huế và Phú Xuyên cho thấy vai trò của những yếu tố xã hội, kinh tế, địa lý trong việc hình thành nên một số (dù không phải là tất cả) các quan niệm phổ biến về nam tính, đồng thời cũng cho biết cách hiểu của nam giới về mẫu hình đàn ông lý tưởng chủ yếu được xây dựng dựa trên các giả định về uy quyền của nam giới so với phụ nữ. Tuy nhiên, một số nam giới cũng phản đối xu hướng quyền hành này ở một số mặt trong quan hệ vợ chồng, và trong xã hội cho thấy ở một phạm vi nào đó có tồn tại những quan niệm về nam tính mang tính bình đẳng hơn, ít áp đảo hơn.

2. Những yếu tố liên quan tới quan niệm mới về nam tính trong diễn biến cuộc đời

Sự đa dạng trong quan niệm về nam tính ở các cuộc phỏng vấn cho thấy một số nam giới đã điều chỉnh, phản đối quan niệm nam tính bá quyền ở Việt Nam, hướng tới những quan niệm, nếp sống mới. Tuy những quan niệm mới về nam tính này không phải lúc nào cũng thể hiện cách nghĩ bình đẳng giới hơn trong nam giới nhưng nó cho thấy một số mâu thuẫn trong cuộc sống của họ, chẳng hạn có những lối sống, hành vi khác với quan niệm chung. Những mâu thuẫn này có ý nghĩa quan trọng vì nó chỉ ra cơ hội để thay đổi, hướng quan niệm hình mẫu người đàn ông theo chiều bình đẳng giới hơn.

Đặc biệt, mối quan hệ vợ chồng chính là nơi mà nhiều đối tượng phỏng vấn cho biết có những thực hành đối nghịch với tư tưởng áp đảo, quyền uy trong quan niệm nam tính bá quyền. Nhiều người thuộc nhóm nghiên cứu được xem là có xu hướng bình đẳng giới cho biết bản thân họ có những thỏa thuận hợp tác, chia sẻ quyền lực ở gia đình mình. Vợ chồng có quyền quyết định ngang nhau (hay gần ngang nhau) về kinh tế hay các vấn đề khác. Những người này cho biết cả hai vợ chồng đều san sẻ công việc gia đình, như trông con, giặt giũ, nấu nướng, dọn dẹp. Những thỏa thuận này đối ngược với những điều đàn ông nói về mẫu hình nam tính áp đảo, đã phản ánh sự mâu thuẫn giữa những gì nam giới coi là bá quyền và cách thức những tư tưởng đó áp dụng (hoặc không áp dụng) trong thực tế.

Nhiều đối tượng phỏng vấn khi bàn về những xu hướng phân quyền mới trong hôn nhân cũng nhìn nhận sự thành đạt trong bối cảnh quan hệ vợ chồng chứ không chỉ của cá nhân. Các đối tượng thường hình dung nếp sống bình đẳng hơn về giới đơn giản là điều kiện kinh tế tốt hơn. Như Khải đã ủng hộ vợ mình đi học cao học. Khải nhìn nhận việc ủng hộ vợ đi học trong bối cảnh nhiều phụ nữ có trình độ học vấn cao hơn chồng. Khải cho biết bạn mình có vợ là giảng viên ngành luật, trong khi người bạn này chỉ là “công nhân”. Khải lý giải “bây giờ người ta suy nghĩ thoáng hơn rồi”, “vợ chồng biết chấp nhận nhau”. Bình đẳng, hợp tác sẽ đem đến thành công về kinh tế trong gia đình.

Tương tự, một số nam giới cũng đề cập đến năng lực của phụ nữ trong công việc. Khải cho biết phụ nữ cũng có khả năng làm lãnh đạo trong công việc, cho dù tư tưởng phổ biến hiện nay là nam giới cần có ưu thế hơn phụ nữ. Khải cho rằng kết quả công việc phải dựa vào năng lực chuyên môn nhiều hơn là giới tính. Tuy vậy, Khải cũng lo ngại rằng áp lực cao của việc làm lãnh đạo khiến con người ta phải mạnh mẽ, và vì thế sẽ khó cho phụ nữ. Nam, làm việc tại một tổ chức phi chính phủ trong lĩnh vực phát triển, hỗ trợ các dự án về bình đẳng giới. Nam cho biết trước khi làm công việc hiện nay, Nam vẫn có “tư tưởng coi trọng nam hơn nữ” và cảm thấy “bị đe dọa nếu bạn là nữ giới học giỏi hơn” vì “con trai thường xuyên giỏi hơn con gái”. Nam cho biết bản thân

đã nhận thấy phụ nữ có thể “làm tốt hơn nhiều so với nam giới trong nhiều lĩnh vực nếu được tin tưởng và trang bị đủ kiến thức, kỹ năng”, cũng như quan điểm trước đây (bất bình đẳng) của mình về giới có thể “cản trở sự phát triển”. Khi bàn về chế độ gia trưởng, Nam nói “Về điểm này, ở Việt Nam có câu ‘ôm rơm rặm bụng’. Có nghĩa là [nam giới] cố làm mọi việc, ra mọi quyết định, nhưng cuối cùng không đạt kết quả như mong muốn mà còn làm hại mình”. Thay vào đó, Nam cho rằng giữa vợ chồng nên phân công trách nhiệm, công việc bình đẳng hơn.

Những quan điểm, lối sống mới này thường có sự liên hệ nhiều với sự ổn định kinh tế, thành đạt. Những quan điểm này trái ngược với quan niệm bá quyền coi nam giới là trụ cột kinh tế trong gia đình, đồng thời là tín hiệu cho thấy sự thay đổi trong nếp nghĩ về giới ở Việt Nam. Sự phát triển kinh tế nhanh chóng ở Việt Nam từ sau 1975 dẫn đến những thay đổi rộng khắp về cơ cấu sản xuất, trong đó có sự chuyển dịch từ kinh tế nông nghiệp sang công nghiệp và số lượng phụ nữ đi làm tăng. Những quan niệm, lối sống mới này cho thấy quá trình chuyển dịch xã hội đã dẫn đến những thay đổi trong chuẩn mực về giới, cũng như những lối sống, hành vi mới được chấp nhận như thế nào. Nhiều đối tượng đề cập đến những thay đổi xã hội vĩ mô, những quan điểm, thái độ, hành vi đối ngược của nam giới hiện nay và trước đây.

3. Thay đổi xã hội và tác động của sự thay đổi này về quan điểm giới ở Việt Nam

Qua phỏng vấn, có thể thấy người tham gia phỏng vấn nhận thức được xã hội Việt Nam đang trong giai đoạn quá độ, cả về kinh tế, chính trị và xã hội, từ đó ảnh hưởng đến quan niệm về nam tính và các mối quan hệ giới. Về thay đổi kinh tế, một số đối tượng đề cập đến những chuyển biến trong thời kỳ những năm 1980 và 1990 theo hướng thị trường trong sản xuất, kinh doanh. Chương bàn đến việc thực thi những chính sách trả lương cho lao động, hộ gia đình theo sản phẩm, thay cho chế độ lương cố định. Chương cũng đề cập đến sự chuyển dịch nói chung từ nông nghiệp, lao động thủ công ở quê mình, trong đó trình độ học vấn, công việc tri thức được coi trọng hơn. Tương tự, Kim

cho biết nhiều thanh niên ở quê anh hiện nay thường chọn đi học đại học (nhờ cha mẹ khuyến khích), chứ không theo nghề khảm trai truyền thống của làng nữa. Theo Kim, nghề này bị coi là công việc nặng nhọc trong khi đi học đại học sẽ bảo đảm công ăn việc làm tốt hơn. Kim tính toán số thanh niên chọn con đường theo học nghề khảm trai giờ đã giảm đến 90%. Sự chuyển hướng từ lao động chân tay sang nâng cao trình độ học vấn có tác động đến phân công lao động giữa hai giới và vai trò của phụ nữ trong nền kinh tế Việt Nam, như sẽ phân tích dưới đây.

Sự chuyển dịch chính trị, kinh tế, xã hội gắn liền với chiến tranh ở Việt Nam trong nửa sau của thế kỷ 20 cũng là bối cảnh liên quan đến cuộc đời của nhiều người phỏng vấn. Một số nam giới tham gia nghiên cứu đề cập đến chiến tranh ở miền Bắc từ những năm 1950 cho đến tận những năm 1980. Nhiều người ở Phú Xuyên đi bộ đội trong thời gian trên. Thu cho biết “rất nhiều nam thanh niên” đã ra phía Bắc (tính từ Huế) chiến đấu. Số lượng lớn nam giới làm nghĩa vụ quân sự có tác động đến trật tự giới trong xã hội Việt Nam, đặc biệt đã dẫn đến những thay đổi về vai trò của người phụ nữ.

Ngoài những nhận xét chung về xã hội Việt Nam, nhiều người còn đề cập cụ thể đến những thay đổi về quan điểm giới trong xã hội Việt Nam. Chẳng hạn, Khải cho biết trước đây, phụ nữ Huế có tiếng là “chịu nhịn” chồng, nhưng hiện nay, nhiều phụ nữ không còn cảm thấy nghĩa vụ phải “nhịn” nữa, mà thường nói lên chính kiến của mình. Khải coi đây là một sự “tiến bộ” và cho rằng “nhiều người” ở Huế hiện nay đã có tư tưởng nam nữ bình quyền. Khải nói thêm rằng một số người vẫn cho rằng phụ nữ phải phục tùng nam giới nhưng họ phải giấu quan điểm, thái độ của mình, từ đó cho thấy những quan điểm, thái độ này không còn được chấp nhận

rộng rãi như trước đây nữa. Tương tự, Chiến đề cập đến việc phụ nữ giờ đây đã được học hành nhiều hơn, từ đó độc lập hơn về kinh tế và có địa vị hơn trong xã hội và gia đình. Ý Chiến nói đây cũng là một thay đổi tích cực. Kim cho biết trong nghề làm khảm trai, phụ nữ hiện nay đã làm những công việc mà trước đây chỉ có đàn ông được làm, và tỏ thái độ tán thành việc này.

Tuy vậy, không phải tất cả những người tham gia phỏng vấn đều coi những thay đổi trong quan điểm giới là tích cực. Dịch cho rằng phụ nữ Huế ngày này không giỏi “kiềm chế” như xưa, còn Chương thì cho rằng phụ nữ Phú Xuyên giờ ‘bướng’ hơn, ít sợ chồng hơn trước. Cả hai người đều có ý không tán thành thay đổi. Thu, một người Huế khác, còn cho rằng những thay đổi về địa vị, vai trò của phụ nữ trong xã hội là tiêu cực. Thu cho rằng trách nhiệm của người phụ nữ trong gia đình là giữ gìn “sự yên ấm của gia đình”, còn việc làng xã là của nam giới. Theo Thu, công việc của nam giới là quan trọng hơn, rằng “đàn ông là phải làm việc lớn”. Thu đổ lỗi cho một số giáo lý xã hội mà theo anh là “tư tưởng phương Tây” khi cho phụ nữ nhiều quyền tự do hơn và được “giải phóng khỏi công việc nhà”. Theo Thu, những thay đổi này làm xói mòn cấu trúc xã hội Việt Nam, vì “có tề gia thì mới trị quốc được” (xem thêm về quan điểm này trong xã hội Việt Nam trong nghiên cứu của Schuler và các tác giả khác, 2006). Quan điểm của Thu trái với ý kiến của một số người tham gia nghiên cứu khác, trong đó coi việc tăng cường quyền bình đẳng của phụ nữ là một con đường tạo nên sự thành đạt về kinh tế của gia đình. Những quan điểm trái ngược này phản ánh những sự đối lập chung trong xã hội Việt Nam. Chuyển biến kinh tế, xã hội làm thay đổi kỳ vọng, quan niệm chung về vai trò của phụ nữ và nam giới, cũng như vị thế của nam giới, phụ nữ trong xã hội Việt Nam.

Nghiên cứu trường hợp: Dũng - Thay đổi xã hội và tác động của thay đổi này tới cuộc sống của nam giới

Trường hợp Dũng cho thấy những căng thẳng, mâu thuẫn của cá nhân phản ánh những thay đổi rộng khắp trong xã hội Việt Nam. Dũng cho rằng ngày nay nam giới có xu hướng ôn hòa, ít dùng vũ lực hơn, và những điểm này không còn được coi là đàn ông kém cỏi, hay yếu đuối nữa. Dũng giải thích có một số lý do dẫn tới những thay đổi này, trong đó có việc sáp nhập làng mình vào địa phận Hà Nội mới đây, từ đó khiến mọi người, nhất là nam giới, muốn thể hiện mình là “người Hà Nội” hơn, nghĩa là lịch sự, có văn hóa hơn. Dũng cho rằng phong trào “Gia đình văn hóa”⁵ đặc biệt có tác động đến hành vi của mọi người trong gia đình, vì sẽ bị phê bình trước cộng đồng là Gia đình văn hóa mà trong gia đình vẫn còn lục đục. Dũng cũng cho rằng việc làng anh vừa tái thành lập hội ‘nhiêu’, một hội gồm những người đàn ông từ 50 tuổi trở lên, có uy tín để lo việc làng tại đình, đã được các bộ lão nhắc nhở và cộng đồng soi xét là thành viên của hội này thì phải nói năng cẩn thận, hành vi phải phù hợp.

Nhưng có lẽ thành quả đáng kể của những hoạt động và thay đổi xã hội trên chính là những thay đổi với bản thân Dũng. Dũng cho biết những hoạt động trên đã có tác động nhiều đến hành vi của mình, trong khi mới gần đây, anh còn bị coi là một người nóng nảy, vũ phu. Trước đây, Dũng là người khá thô bạo với vợ và sẵn sàng đánh nhau với bất cứ ai nói anh “sợ vợ”, nhưng giờ đây anh không còn đánh vợ nữa, mà còn can thiệp khi gặp những vụ bạo lực gia đình, và nếu có ai nói anh “sợ vợ” thì anh chỉ cười trừ mà thôi. Có thể thấy quá trình thương thuyết, dung hòa giữa một bên là sự mong đợi của làng xóm đối với những người đàn ông cao tuổi là phải thể hiện nam tính ôn hòa, tôn trọng, ít bạo lực với một bên là hành vi bạo lực trước đây của Dũng là một quá trình khó khăn trong cuộc đời anh. Ví dụ về Dũng cho thấy hình ảnh, uy tín có ảnh hưởng như thế nào đối với nam giới cũng như sự thay đổi trong quan niệm về nam tính của họ. Ví dụ này cũng cho thấy mối liên hệ giữa quan niệm về tư thế đàn ông của nam giới và độ tuổi, cũng như những kỳ vọng về hình mẫu người đàn ông ở một độ tuổi nhất định (kèm theo những lối sống tương ứng để tái khẳng định bản lĩnh đàn ông) sẽ thay đổi theo thời gian, và sự thay đổi này gắn liền với vị thế và quyền lực tương đối của nam giới trong cộng đồng khi là người lớn tuổi.

Một thay đổi cuối cùng về quan điểm giới thường được các đối tượng tham gia nghiên cứu nói tới là tiêu chí để bảo đảm tìm được người hợp với mình, và quyền tự do ngày càng cao trong việc chọn vợ. Những người tham gia nghiên cứu đề cập đến vấn đề này cho rằng hiện nay mọi người được tự do hơn trong lựa chọn bạn đời. Kim, sinh năm 1954, cho rằng “thời cha mẹ đặt đâu, con ngồi đó đã qua rồi”, kể từ thế hệ của anh. Kim cho rằng cha mẹ hiện nay có thể gợi ý, khuyên bảo con cái về chuyện yêu đương, kết hôn, nhưng quyết định cuối cùng vẫn thuộc về con cái. Dũng cũng chia sẻ quan điểm trên, cho rằng trên lý thuyết, nam giới và phụ nữ được tự do cưới người mình muốn. Tuy nhiên, Dũng

cũng thể hiện quan điểm trái ngược khá nhanh khi nói đến việc “cắm” con gái không được lấy một trong số những bạn trai của cô, vì theo anh người đó thiếu lễ độ, nóng nảy.

Ngoài ra, anh Kim, người Công giáo, cho rằng trước đây, chỉ có người theo cùng một đạo mới cưới nhau. Hiện nay, Kim cho rằng đã có nhiều đám cưới giữa người Công giáo và Phật giáo, và có khá nhiều người phải cải đạo, mà thường là phụ nữ. Một số người trả lời phỏng vấn cũng nói tới sự thay đổi theo hướng vợ chồng cưới nhau do có cùng trình độ học vấn và/hoặc nghề nghiệp. Thu cho biết trước đây, nam giới thường chọn gia đình nhà vợ sao cho môn đăng hộ đối

[5] Lưu ý rằng phần về Gia đình văn hóa được đề cập đến như một biện pháp răn đe đối với những hành vi bạo lực. Đối với một số chuyên gia BLG ở Việt Nam, chiến dịch “Gia đình văn hóa” bị xem là rào cản đối với việc cung cấp dịch vụ hiệu quả, vì các gia đình sẽ ít khai báo các trường hợp bạo lực hơn do sợ bị kỳ thị.

(có hoàn cảnh và địa vị tương đồng). Nhưng ngày nay, tiêu chí chính có lẽ là sự tương đồng giữa vợ và chồng, như về trình độ học vấn, nghề nghiệp, tài sản, cho dù hai gia đình có gia cảnh rất khác nhau. Sự thay đổi trong cách chọn vợ, chọn chồng (quyền quyết định chuyển từ cha mẹ sang con cái, cũng như xu hướng tìm người có cùng địa vị kinh tế) cho thấy sự tác động của các thay đổi kinh tế, xã hội ở Việt Nam đến kỳ vọng, tư tưởng về bản chất quan hệ vợ chồng (xem thêm vấn đề thay đổi thái độ về ly hôn trong nghiên cứu của Hoàng Thị Ái Hoa, 2009). Nhưng, theo lời của một số đối tượng tham gia nghiên cứu, sự tự chủ tương đối này vẫn ít hiện thực hơn đối với phụ nữ vì phụ nữ vẫn được kỳ vọng hơn về việc phải tuân thủ các phong tục cũ trong việc chọn chồng. Quyền tự chủ của phụ nữ hạn chế so với nam giới đi kèm với sự can thiệp của cha mẹ vào việc ra quyết định và tuân theo các phong tục, quan niệm phổ biến (tôn giáo v.v.) về việc chọn người chồng tương lai.

4. Nam tính được hình thành như thế nào?

Các phần trên đã nêu tóm tắt bản chất của các quan niệm nam tính bá quyền và quan niệm mới về nam tính, cũng như những quan niệm về mẫu hình người đàn ông có vai trò gì trong bối cảnh những chuyển biến xã hội, chính trị kinh tế ở từng thời kỳ. Phần sau sẽ phân tích quá trình phát triển của những quan niệm bá quyền và quan niệm mới này về nam tính trong vòng đời của đối tượng, thông qua xem xét xu hướng, con đường dẫn dắt đối tượng tới một số hành vi, quan điểm liên quan đến nam tính. Nói cách khác, những yếu tố trong cuộc đời nam giới – các sự kiện, hành động, kinh nghiệm ở cả cấp độ cá nhân và xã hội – có ảnh hưởng thế nào đến quan điểm, thái độ, thực hành của họ về khái niệm nam tính và bạo lực.

4.1 ‘Hình thành khái niệm giới’ trong thời niên thiếu: giáo dục của cha mẹ và gia đình

Các nghiên cứu quốc tế về BLG cho thấy quan hệ giữa con cái và cha mẹ là một trong những mối quan hệ quan trọng, định hướng nhất trong cuộc đời con người (xem những nghiên cứu như của Silverman và Williamson, 1997). Con cái thường học các chuẩn mực, quan niệm, kiến thức chung

từ cha mẹ (Knodel và các tác giả khác, 2004: 12-13). Trong suốt tiến trình cuộc đời, có thể thấy hai nội dung nổi bật về quan hệ cha mẹ - con cái ở những người tham gia nghiên cứu là: thứ nhất, người cha thường được gắn với chức năng ‘dạy dỗ’ con trai về hình ảnh thế nào là người đàn ông trong xã hội; thứ hai, người trả lời phỏng vấn cho biết có sự khác biệt rõ trong việc con trai và con gái được đối xử trong gia đình. Những khác biệt này thể hiện rõ nhất trong các thực hành truyền thống, tôn giáo, phân công lao động và cơ hội học hành. Ngoài ra, việc con cái được giáo dục qua quan hệ giữa cha mẹ - con cái trong gia đình cũng bị ảnh hưởng bởi bối cảnh lịch sử, địa lý, chính trị, và trong một số trường hợp phỏng vấn, sự vắng mặt thường xuyên của người cha do đi bộ đội hay đi làm ăn kinh tế, cũng dẫn đến những thay đổi, ảnh hưởng tương ứng đến việc giáo dục và hình thành khái niệm giới trong gia đình.

Mô hình cha mẹ giáo dục con cái phổ biến

Các đối tượng tham gia nghiên cứu thường nhớ lại đã được cha dạy dỗ khá nhiều về quan niệm, hành vi của người đàn ông. Người cha thường được xem là người chỉ bảo, giữ kỷ cương trong gia đình, có thể nói đã ảnh hưởng đến một số quan niệm về thế nào là hình mẫu người đàn ông, người cha. Chiến, được chọn trong nhóm bình đẳng giới, nhấn mạnh vai trò của cha trong việc giúp mình hiểu tầm quan trọng của việc học hành, kỷ luật, sự tôn trọng, các tập tục văn hóa, tôn giáo. Chiến nhớ rằng cha anh đặc biệt khuyên anh tránh thô lỗ, thiếu tôn trọng, nhất là với người lớn, cũng như sử dụng vũ lực, sỉ nhục hay gây phiền toái cho người khác. Tuy cha anh cho nhiều lời khuyên, định hướng về các quyết định cuộc đời nhưng ông cũng nhấn mạnh rằng Chiến phải biết tự suy nghĩ cho bản thân, điều này cho thấy mối quan hệ giữa khái niệm về quyền hành, quyền định đoạt với hình mẫu đàn ông lý tưởng.

Khác với thời niên thiếu của Chiến, Hùng (thuộc nhóm đã từng có hành vi bạo lực đối với vợ, bạn gái) không có nhiều liên hệ với cha khi còn trẻ vì ông đi bộ đội. Khi cha vắng nhà, mẹ anh là người nuôi dạy các con, nhưng Hùng vẫn liên tưởng tới cha với vai trò chính trong dạy bảo,

khuyên răn con cái. Cha anh muốn các con phải học bài vào buổi tối, giúp các con làm bài tập về nhà. Hùng nhớ rằng cha anh thường “chuyện trò, chia sẻ với tôi cách làm ăn, làm thế nào để trở thành người đàn ông trưởng thành, tránh xa rắc rối”. Khi lớn lên, cha anh dạy anh phải “sống làm thẳng đàn ông”, tức là phải cứng cỏi, phải “nắm mọi việc lớn”, phải đại diện cho gia đình vì là con trưởng. Ông dạy anh “sống cho có ích”, tránh “đua đòi, ăn chơi”.

Những người trả lời phỏng vấn nhớ lại rằng cách dạy bảo con trai và con gái của cha khác nhau về hành vi, lối sống. Chiến cho biết tuy anh và anh trai anh được dạy phải có kiến thức, học hành, toàn diện, nhưng các chị em gái lại được dạy phải chăm chỉ, tiết hạnh, chín chu về hình thức, ăn nói đúng mực, và nhìn chung là phải biết cư xử, nhất là với chồng và gia đình nhà chồng. Tương tự, các chị em gái của Hùng được dạy là phải “sống cho đàng hoàng”, không được đi chơi khuỷa. Những lời dạy dỗ trên được truyền đạt trong môi trường gia đình tùy theo giới và độ tuổi của con cái.

Giới trong gia đình thời niên thiếu

Tương tác giới trong gia đình thời niên thiếu cũng có ảnh hưởng đến quan niệm về nam tính cũng như quá trình hình thành quan điểm, lối sống bạo lực hay bình đẳng của người tham gia nghiên cứu. Tương tác giới trong gia đình của các đối tượng rất đa dạng nhưng điểm nổi bật trong mọi phỏng vấn là sự ưa chuộng, tập trung ưu tiên vào bé trai và đàn ông trong gia đình, và đặc biệt là con trai trưởng.

Trong 10 người thuộc nhóm nghiên cứu trường hợp điển hình thì 8 người là con trai trưởng (hay con trai duy nhất) trong gia đình. Một số người kể về trách nhiệm và đặc quyền riêng của con trai trưởng mà con gái không có, kể cả khi con gái là con cả. Những trách nhiệm và đặc quyền này gắn với tôn giáo và nghĩa vụ gia đình. Số khác kể đến vai trò của trưởng nam đối với các anh chị em hay sự quan tâm và/hoặc tình cảm riêng mà cha mẹ dành cho con trai trưởng, nhất là người cha. Một số người trả lời phỏng vấn, như Chiến cho biết mặc dù anh cảm thấy áp lực về những kỳ vọng xã hội đối với con trai trưởng

nhưng anh cũng đánh giá cao sự ưu tiên của gia đình đối với anh cả lúc nhỏ và trong sự nghiệp. Ngược lại, Dũng có vẻ không bằng lòng với những trách nhiệm và sự đối xử nghiêm khắc, nhất là những hình phạt đòn roi đối với anh vì là con trai trưởng. Những sự đối xử khác biệt, ngoài sự phân biệt nói chung giữa con trai và con gái, cũng như giữa cha và mẹ, có thể nói đã ảnh hưởng sâu sắc đến quan niệm, lối sống của đối tượng liên quan đến bình đẳng và giới. Nhìn chung, các phân tích lịch sử đời sống cho thấy có 3 cơ chế trong ưu tiên đối xử cũng như trách nhiệm đối với con trai trưởng theo chuẩn mực giới trong gia đình nằm trong khuôn khổ hoạt động tôn giáo, phân công lao động theo giới và phương thức giáo dục.

Những trách nhiệm gắn với con trai trưởng, cũng như con trai nói chung, được nói đến nhiều nhất là công việc thờ cúng (người theo đạo Phật), hương khói. Các đối tượng phỏng vấn ở Huế và Phú Xuyên nhấn mạnh vai trò giới của trong việc thờ cúng ông bà, tổ tiên gần như là trách nhiệm riêng của nam giới, vì thế, người cha sẽ dạy con trai về các lễ nghi, thờ cúng tổ tiên. Trong khi đó, phụ nữ và con gái có vai trò chính là nấu nướng, phục vụ cỗ bàn và các công việc hậu cần khác trong những dịp này. Việc cúng giỗ có ý nghĩa rất quan trọng trong gia đình, nên việc trao vai trò này cho con trai trong nhà càng củng cố thêm vị thế của con trai trong gia đình, dòng tộc.

Sự phân công lao động trong thời niên thiếu củng cố thêm tâm lý thích con trai nói chung, từ đó dẫn đến sự phân biệt trách nhiệm của phụ nữ chăm sóc việc gia đình, và đàn ông cần đảm nhiệm những vai trò trong quan hệ xã hội (Adams và Coltrane, 2005). Ở Huế, sự phân công lao động theo giới thường rõ nét hơn, trong đó trẻ em gái/phụ nữ có nghĩa vụ làm việc nhà, còn trẻ em trai/nam giới làm việc ngoài xã hội. Ngược lại, ở Phú Xuyên, do nghề chính là nông nghiệp nên các gia đình thường phân công lao động trong nhà theo tuổi mà không theo giới. Trẻ nhỏ thường làm những việc như nấu nướng, quét dọn, rửa bát, còn trẻ lớn thường ra đồng hay làm những công việc nặng hơn (về vấn đề thay đổi trong phân công lao động theo giới, xem Knodel và các tác giả khác, 2004; Barry, 1996).

Mối quan hệ giữa phân công lao động theo giới và quan niệm nam tính

Xu hướng thể hiện rõ rệt qua lịch sử đời sống của những người tham gia phỏng vấn là sự biến đổi trách nhiệm đối với gia đình từ thời niên thiếu sang trách nhiệm quản lý gia đình khi trưởng thành và phân công lao động với người vợ. Theo Chiến vì là con trai trưởng nên được cha mẹ “chiều” và vì thế không phải làm công việc bếp núc, và nếp sống này được giữ nguyên trong thời kỳ trưởng thành và trong mối quan hệ với vợ. Khải và Nam, hai đối tượng phỏng vấn người Huế, cho biết có chia sẻ việc nhà với các anh chị em khác, và điều này có thể tác động đến việc hai người có tham gia làm việc nhà khi có gia đình riêng. Tuy nhiên, ở những người tham gia phỏng vấn vẫn tồn tại một quan niệm phổ biến là tuy nam giới có tham gia phụ giúp công việc gia đình ở nhiều mức độ nhưng việc nhà vẫn là trách nhiệm chính của chị em phụ nữ, cũng như người ta thường đánh giá phụ nữ qua khả năng lo toan công việc trong nhà. Điểm này trái ngược với quan niệm về vai trò của nam giới là người lo kinh tế cho gia đình và đàn ông khẳng định bản lĩnh thông qua sự nghiệp và công việc.

Các nghiên cứu về các phong tục liên quan đến giới trong các gia đình Việt Nam cho thấy nam giới thường tham gia làm việc nhà khi trong nhà chỉ có vợ, nhưng thường không muốn người khác (chẳng hạn như bạn bè là nam giới, đồng nghiệp) biết mình giúp vợ làm việc nhà. Điều này cho thấy nam giới diễn giải như thế nào về những quan niệm phổ biến về giới của công việc nhà cũng như sự tách biệt giữa công việc trong nhà với bản lĩnh đàn ông. Sự tham gia thường nhật (và kín đáo) vào công việc nhà cho thấy sự mâu thuẫn giữa hình ảnh trước công chúng về nam tính của nam giới và hành động thực tế (bình đẳng hơn) trong chia sẻ công việc của nam giới. Như sẽ thảo luận trong phần dưới đây, sự mâu thuẫn này cho thấy cách nam giới dung hòa quan niệm về nam tính trong bối cảnh các chuẩn mực giới về vai trò của phụ nữ trong xã hội, đặc biệt là trong kinh tế đang thay đổi trong xã hội Việt Nam.

Cuối cùng, sự ưu tiên hơn với con trai còn được thể hiện trong cơ hội học hành mà gia đình những người tham gia nghiên cứu dành cho họ. Một số người cho biết mình có cơ hội học hành tương tự như các anh chị em khác, nhưng theo mô tả về các sự việc, phương thức giáo dục con trai và con gái thì thực tế không như vậy. Chẳng hạn, Địch cho biết cha anh khuyến khích tất cả các con học hành đến chừng nào còn học được, tới mức ông bắt Địch phải đi học trở lại sau khi anh này bỏ học. Nhưng Địch cũng kể khi em gái anh không vào được đại học, cha anh coi đó là ‘số’ và không can thiệp gì. Chiến cho biết tuy em gái anh là người thông minh nhất nhà nhưng cô cũng chỉ được học đến lớp 10, trong khi anh được theo học đại học Y và trở thành bác sỹ. Tương tự là trường hợp của Khải, anh cho biết mức chi tiêu của gia đình cho việc học hành của con trai và con gái là ngang nhau vì cha anh mong muốn tất cả các con đều được học hành đến nơi đến chốn, nhưng anh cũng cho biết thêm rằng cha anh hy vọng ở con trai

nhiều hơn, và tất cả 5 người con trai đều được đi học đại học, trong khi không người con gái nào học đại học. Địch cũng cho biết một số lý do khác khiến con gái ở quê mình thường bỏ học sớm, như kinh tế eo hẹp khiến con gái (chứ không phải con trai) không được tiếp tục đi học, cũng như việc con gái “thiếu nhận thức hay định hướng về lợi ích của việc học hành đối với tương lai sau này”.

Có thể nói bản thân những người tham gia nghiên cứu cũng không nhận ra được sự khác biệt giữa tuyên bố về bình đẳng trong cơ hội học hành của họ với các anh chị em mình thời niên thiếu với sự khác biệt trong phương thức giáo dục đã được thực hiện. Điều này cho thấy có sự ưu tiên ngầm trong việc học hành của nam giới so với phụ nữ, và điều này phù hợp với quan niệm về nam tính gắn liền với giáo dục, học tập, kiến thức. Hiện nay, những người trả lời phỏng vấn đều nói rằng, họ muốn các con trai, con gái của họ có cơ hội học hành như nhau. Tuy nhiên,

tương tự như thế, chính những người được phỏng vấn nói rằng cha mẹ họ cũng muốn con cái được học hành như nhau, nên khó có thể nói rằng việc ưu tiên con trai hơn con gái trong học hành sẽ không tiếp diễn trong thế hệ này.

4.2 Các mối quan hệ, kinh nghiệm liên quan đến giới ở ngoài gia đình trong thời niên thiếu

Theo những gì đối tượng phỏng vấn nói về gia đình, dường như thời niên thiếu trong gia đình là nơi họ được giáo dục và hấp thụ kiến thức chính về giới. Một số người tham gia nghiên cứu cũng cho thấy họ chịu ảnh hưởng bởi sự phân biệt giới trong nhà trường. Hùng và Dũng cho rằng con trai và con gái được dạy cùng các môn học ở trường và không có khác biệt gì giữa hai giới. Điều này khác hẳn so với việc dạy dỗ ở nhà, trong đó con trai và con gái được chỉ bảo những điều rất khác nhau. Ở trường học, nam nữ học chung và hầu như không có khác biệt về nội dung dạy học cho con trai và con gái. Tuy nhiên, những quan niệm như con trai hay nghịch ngợm, nói chuyện riêng, hiếu động, còn con gái hiền hơn, ít nói chuyện hơn có thể nói là khá phổ biến. Thực tế, theo hầu hết các đối tượng được phỏng vấn, con trai thường chịu nhiều hình thức phạt thể xác hơn trong hệ thống trường học. Hùng cho biết con trai và con gái thường được xếp thành cặp để giảm nói chuyện riêng, vì nếu xếp con trai với nhau thì sẽ ‘làm loạn’ cả lớp.

Tuy nhiên, mối liên hệ phổ biến giữa nam tính và trí tuệ - một yếu tố thường được bàn đến khi nói về nam tính, nhất là ở Huế - có thể nói là không thể hiện rõ, thậm chí còn ngược lại khi nói đến khả năng học tập của con gái ở trường, trong những giai đoạn đầu học tập và trong môi trường trường học. Nam kể về một buổi thi toán cấp huyện hồi lớp 5, trong đó một trong những học sinh giỏi nhất là nữ. Nam giải thích điều đó cho anh thấy con gái cũng giỏi giang và sẵn sàng đua tranh, giành phần thắng như con trai. Anh cho biết trước đó, anh luôn có định kiến với giới nữ vì cho rằng phụ nữ không thể làm được những việc của đàn ông

4.3 Công việc và mối liên hệ với nam tính

Quan niệm của những người tham gia nghiên cứu về công việc, cả trong nghề nghiệp và việc nhà, có thể nói có quan hệ chặt chẽ với quá trình hình thành quan niệm của họ về nam tính và bình đẳng (bất bình đẳng). Hầu hết những người trả lời phỏng vấn đều cho rằng quan niệm về nam tính của mình có quan hệ chặt chẽ với công việc. Có 3 yếu tố về công việc có liên quan với quan niệm về nam tính, cũng như quan niệm đàn ông phải hơn hẳn phụ nữ qua nghiên cứu lịch sử đời sống là: bản chất công việc hình thành quan niệm về nam tính; công việc được hình thành do quan niệm nam tính bá quyền, chẳng hạn quan niệm về sự thành đạt thường được gắn liền với những vị trí, công việc dành cho nam giới; cũng như các giá trị lao động của nam giới được cho là mang lại giá trị vật chất và có ý nghĩa cho xã hội cao hơn so với nữ giới. Mặc dù quan điểm chung như trên nhưng một số người tham gia nghiên cứu vẫn cho rằng việc phụ nữ đi làm là cần thiết để bảo đảm kinh tế gia đình. Những quan điểm này cho thấy những thay đổi kinh tế ở Việt Nam đã ảnh hưởng đến sự thay đổi quan điểm và thực hành giới cũng như quan niệm thế nào là người đàn ông thành đạt tại các địa bàn nghiên cứu.

Quan niệm bá quyền về nam tính và nghề nghiệp của nam giới

Có thể thấy ở cả Huế và Phú Xuyên công việc được coi là việc của nam giới thường ứng với những quan niệm về nam tính của công việc đó, điều này cho thấy công việc của nam giới không chỉ khẳng định nam tính bá quyền mà còn ngược lại nam tính bá quyền xác định những công việc chỉ dành cho nam giới. Ở Phú Xuyên, khỏe mạnh về mặt thể chất được coi là một phần thuộc tính nam tính được đánh giá cao nên nam giới thường tham gia nhiều hơn vào công việc chân tay nặng nhọc. Chẳng hạn, Dũng cho biết ở làng anh, “nam đi tìm việc của nam còn nữ thì làm những công việc chân tay nhẹ nhàng”, qua đó cho thấy nghề nghiệp đòi hỏi phải có sức khỏe chỉ dành cho nam. Tuy nhiên, ở Huế, kiến thức và năng lực trí tuệ lại quan trọng hơn đối với nam giới, nên nam giới thường ưa thích những công việc đề cao những phẩm chất này. Tất cả nam giới tham gia nghiên cứu ở Huế đều làm việc trong những ngành nghề về cơ bản sử dụng kỹ năng

trí tuệ, kiến thức, học vấn, như làm báo, nghiên cứu, y khoa. Dù có nhấn mạnh vào thể lực hay trí tuệ thì các đối tượng ở cả hai địa phương đều có xu hướng liên hệ “công việc của nam giới” với uy tín và/hoặc tầm quan trọng. Chỉ có một trường hợp ngoại lệ trong xu hướng phổ biến nêu trên về công việc, uy tín của nam giới là trường hợp của Kim, người Phú Xuyên. Kim cho biết hai vợ chồng

cùng làm khám trai, vợ anh là người phụ trách chính công việc này, còn anh không bận tâm đến vai trò chỉ đạo của vợ. Điều này có thể là kết quả của môi trường kinh doanh phi chính thức và tính chất quan hệ của công việc làm ăn giữa hai vợ chồng, trong đó đòi hỏi phải nương tựa lẫn nhau để bảo đảm lợi nhuận, một yếu tố có thể là công cụ cân bằng giữa hai vợ chồng.

Nghiên cứu trường hợp: Anh Chiến - Nhìn nhận về quá trình hình thành nam tính trong các hoàn cảnh khác nhau và sự thay đổi theo thời gian

Những thay đổi trong cuộc đời Chiến cho thấy quan niệm về nam tính bị thách thức và củng cố như thế nào trong cuộc đời, cũng như vai trò của công việc và thành đạt về kinh tế trong việc khẳng định bản lĩnh đàn ông giữa bạn bè, đồng nghiệp. Chiến thuộc nhóm đối tượng nghiên cứu có xu hướng ‘bình đẳng giới’.

Chiến là con trai trưởng trong gia đình và có quan hệ rất gần gũi với cha. Tuy gia đình anh nghèo nhưng anh nhớ mình thường được “ăn ngon” vì cha mẹ “rất chiều anh”. Chiến tự mô tả ngày còn bé, anh là một cậu bé nhỏ người, sức khỏe yếu. Khi đi học, Chiến thường bị những học sinh nam khác bắt nạt, quấy nhiễu. Có một số lần, cha anh đã can thiệp, và có những phản ứng với cha mẹ của những trẻ kia. Anh cũng thỉnh thoảng chơi trò ‘đánh trận’ với các trẻ khác.

Khi lớn lên, Chiến tiếp tục đi học, và nhờ sự khuyến khích của cha, anh vào được trường Y và tốt nghiệp bác sỹ khoa sản. Ban đầu anh nghĩ sản khoa là nghề của nữ, nhưng sau đó anh nhận ra rằng những bác sỹ sản khoa ‘có tiếng’ đều là nam giới. Anh cho rằng sở dĩ như vậy là do nam giới có sức khỏe để làm đêm và thực hiện những ca phẫu thuật nhiều áp lực, kéo dài mà công việc này đòi hỏi. Thỉnh thoảng, bạn bè anh cũng trêu chọc anh về công việc của mình nhưng anh chỉ bỏ ngoài tai vì anh nói anh đã thành công.

Câu chuyện cuộc đời của Chiến cho thấy những mối liên quan thú vị. Trong thời thơ ấu quan niệm về nam tính của anh được hình thành và củng cố bởi sự đối xử của cha mẹ anh, ưu tiên và xem anh là người quan trọng hơn so với các anh chị em khác. Tuy nhiên, ở trường, Chiến phải cạnh tranh để giành thứ bậc với các bạn. Trải nghiệm của anh về việc bị bắt nạt cho thấy, về mặt này, quan niệm của Chiến về bản lĩnh đàn ông của anh không bằng bạn bè. Khi trưởng thành, quan điểm của anh về nam tính càng có liên hệ chặt chẽ hơn với việc có trình độ học vấn cao và thành đạt trong sự nghiệp. Ở giai đoạn này của cuộc đời, Chiến không mấy quan tâm đến việc một số bạn bè đánh giá thấp về bản lĩnh đàn ông trong anh qua việc anh lựa chọn nghề nghiệp. Anh coi sự thành đạt kinh tế là một bước ngoặt khẳng định sự thành đạt của một người đàn ông và điều đó giúp anh khẳng định được bản lĩnh đàn ông của mình với bạn bè. Diễn tiến và sự thay đổi này cho thấy quan niệm về nam tính được hình thành như thế nào trong môi trường ảnh hưởng trực tiếp lên cá nhân cùng với các mối quan hệ với những yếu tố khác, và qua đó thấy được quan niệm về nam tính thay đổi như thế nào theo thời gian.

Cuối cùng, trong khuôn khổ công việc, quan niệm về nam tính được quyết định bởi mức độ thu nhập và giá trị xã hội gắn với công việc của nam giới so với công việc của nữ. Đây chính là những định kiến giới ít được chú ý, thường

xem công việc của nam giới là cao quý và nghi ngờ năng lực của phụ nữ trong những công việc đòi hỏi nhiều sức lực hay độ phức tạp dẫn đến mô hình phân công lao động theo giới trong đó những công việc lương cao, cần kỹ năng gắn liền

với nam giới, và thể hiện sự đánh giá thấp về giá trị công việc của phụ nữ ở Việt Nam. Những quan niệm xã hội phổ biến và những quan niệm về nam tính liên quan quy định rằng nam giới phải là lao động chính trong nhà cũng góp phần làm tăng những kỳ vọng rằng mức lương của nam giới phải cao hơn lương của phụ nữ.

Quan niệm về công việc của phụ nữ

Phỏng vấn lịch sử đời sống cho thấy một xu hướng thú vị về sự tham gia chính thức của phụ nữ vào làm ăn kinh tế trong giai đoạn chuyển đổi kinh tế xã hội sau chiến tranh (Barry, 1996). Những người trả lời phỏng vấn nhận thức được giá trị của nguồn thu nhập thêm của phụ nữ đối với sự thành đạt kinh tế của gia đình, nhưng vẫn phản đối sự tham gia của phụ nữ trong những lĩnh vực được coi là của đàn ông. Chẳng hạn, Kim ủng hộ việc ngày nay có nhiều phụ nữ làm nghề khám trai hơn, một công việc mà trước đây được cho là chỉ nam giới mới làm được. Chiến coi việc phụ nữ đi làm và kiếm tiền nhiều hơn là một sự thay đổi tích cực theo hướng bình đẳng giới. Về phần mình, Nam, hiện đang làm việc cho một tổ chức phi chính phủ về các dự án khuyến khích sự tham gia và nâng cao quyền năng cho phụ nữ, cho biết một phần anh tin tưởng vào bình đẳng giới là nhờ sự thành công của những dự án này.

Tuy nhiên, công việc của phụ nữ ở ngoài gia đình vẫn thường bị coi là không quan trọng bằng vai trò của phụ nữ ở nhà. Chiến cho rằng gia đình sẽ có nguy cơ đổ vỡ nếu người vợ chỉ tập trung vào sự nghiệp mà bỏ bê chức trách gia đình. Tương tự, Thu cho rằng phụ nữ chỉ nên đi làm khi đã hoàn thành mọi nghĩa vụ ở nhà. Mặc dù phụ nữ được kỳ vọng sẽ bảo đảm sự yên ấm trong gia đình nhưng đóng góp của họ vào sự thành công về kinh tế của gia đình nhìn chung vẫn được hoan nghênh, với điều kiện điều đó không ảnh hưởng đến vị thế trụ cột kinh tế của người chồng trong gia đình. Dịch cho biết nếu phụ nữ kiếm nhiều tiền hơn chồng thì sẽ dẫn đến phụ nữ muốn chỉ huy gia đình và người chồng sẽ cảm thấy “yếu thế”, và điều này dễ dẫn đến xung đột trong gia đình (chẳng hạn như dẫn đến bạo lực). Tương tự, Chiến cho rằng phụ nữ kiếm nhiều tiền hơn chồng thường gặp “rắc rối”. Những mâu thuẫn này cho thấy nam giới khẳng định bản lĩnh đàn ông của mình không chỉ dựa trên

công việc mà cả trong khả năng làm chủ kinh tế trong gia đình. Như ta sẽ thấy, đây có thể nói là một sự cân bằng mong manh và những thách thức hiện hữu đối với bản lĩnh đàn ông khi nó được gắn liền với vai trò trụ cột kinh tế trong gia đình.

4.4 Quan niệm của xã hội về nam tính

Những mối quan hệ của những người tham gia nghiên cứu trong cộng đồng ở giai đoạn trưởng thành đóng một vai trò quan trọng nữa trong việc hình thành và củng cố một số thái độ, quan niệm, lối sống liên quan đến nam tính. Mối quan hệ với các thành viên khác trong cộng đồng và cách nhìn nhận của người khác đối với họ ảnh hưởng khá lớn đến bản thân mỗi đối tượng phỏng vấn. Mối quan hệ vợ chồng là nơi cho thấy rõ rệt nhất quan niệm về nam tính được hình thành như thế nào bởi những nhân tố ở cấp độ cộng đồng.

Thể hiện bản lĩnh đàn ông với bạn bè, đồng nghiệp

Các đối tượng tham gia nghiên cứu xem bạn bè, đồng nghiệp là nơi nhìn nhận quan trọng của cộng đồng về mình, nhất là trong vấn đề uy quyền đối với người vợ. Nam giới thường nói chuyện với nhau về hậu quả của việc vợ có vai trò cao hơn chồng. Quan niệm về việc đàn ông “sợ vợ”, tức là sợ và/hoặc bị vợ chi phối, thường hay được đàm tiếu. Một số ví dụ về “sợ vợ” được các đối tượng phỏng vấn minh họa như: đang ngồi nhậu phải về sớm, hoặc để cho vợ thể hiện thái độ coi thường hay không nghe lời trước mặt bạn bè. Những trường hợp như vậy thường bị những nam giới khác chế nhạo, hoặc lấy ra làm trò cười. Ngay cả những người trả lời phỏng vấn có xu hướng bình đẳng giới như Nam và Chiến, cũng nói đến việc bạn bè trêu chọc nhau về chuyện “sợ vợ” cho thấy khả năng ảnh hưởng giữa nam giới với nam giới trong việc củng cố quyền hành của đàn ông đối với vợ là khá phổ biến. Việc gắn mác “sợ vợ” cho một người đàn ông nào đó càng làm cho những người đàn ông khác củng cố thêm mối quan hệ bất bình đẳng giới với vợ nhằm chứng tỏ vị thế cao hơn của mình trong gia đình. Dịch và Dũng cho biết những tình huống này có thể dẫn đến cãi vã hay gây gổ giữa chồng với vợ, và đôi khi

cũng là cách để nam giới “chứng tỏ” rằng mình không “sợ vợ”.

Những người tham gia nghiên cứu cho biết khi ngồi với bạn bè, họ thường không trò chuyện chi tiết về các vấn đề trong mối quan hệ vợ chồng. Chẳng hạn, Địch cho biết anh và bạn bè thường không trò chuyện về những mối quan hệ với vợ vì đó là “vấn đề riêng tư trong nhà”. Điều này cho thấy dù có việc gì xảy ra giữa hai vợ chồng, kể cả bạo lực, thì họ cũng phải giữ kín (TCTK và WHO, 2010; Vũ Mạnh Lợi và các tác giả khác, 1999). Do đó, những lời trêu chọc của bạn bè về việc nam giới mất quyền chi phối trong quan hệ vợ chồng cho thấy mức độ tác động của giao tiếp với bạn bè đối với những lối sống, quan niệm về vai trò của nam giới trong mối quan hệ.

Xác định giá trị của nam giới thông qua cuộc sống gia đình

Một quan niệm khác nữa về nam tính được các nam giới trả lời phỏng vấn ở Huế nói đến là nam giới thường bị người khác đánh giá thông qua người vợ, và một phần thông qua con cái của người đó (Schuler, 2006: 391). Đặc biệt, những người vợ hiền, thành đạt được cho là có vai trò quan trọng trong việc nâng cao hình ảnh, uy tín của người chồng (và cả gia đình) trong mắt người khác. Theo lời Địch, “nhiều khi ở nhà, người ta không chỉ nhìn vào cả vợ lẫn chồng, mà nhìn nhiều hơn vào người vợ để đánh giá cả gia đình”. Khi nói câu này, anh muốn nói đến hình ảnh của nam giới và cho rằng chuyện đánh vợ phải được giữ kín vì nó cho thấy “điểm yếu” của người chồng; nói cách khác, người vợ phải làm điều gì không phải thì mới bị đánh, và đây là điều mà “người đàn ông không muốn cho thiên hạ thấy”. Tương tự, Chiến cũng cho rằng một trong những lý do khiến anh khuyến khích vợ đi học, đi làm là vì điều đó làm nổi hình ảnh của mình “Ở Huế, người ta không hỏi bạn giàu hay không giàu mà hỏi chuyện học hành của con cái, công việc của vợ”. Thu cũng cho biết nam giới được đánh giá thông qua con cái, khi nói con cái ngoan, thành đạt thì “một người [đàn ông] sẽ được đánh giá cao cho dù có xấu đến đâu đi nữa”.

Những ý kiến trên cho thấy nam giới đang cố gắng khắc phục (quá mức) những gì mà họ (và

cả những người khác) coi là yếu thế qua việc dung hòa mâu thuẫn giữa các mối quan hệ vợ chồng, với các quan niệm phổ biến về nam tính và tầm quan trọng của hình ảnh, uy tín của họ trong xã hội (xem thêm Vũ Mạnh Lợi và các tác giả khác, 1999). Điều này cũng cho thấy vị thế phụ thuộc của phụ nữ và con cái trong một môi trường xã hội mà ở đó giá trị của họ được đánh giá thông qua việc nâng cao vị thế, hình ảnh và quyền lực cho nam giới hơn là giá trị của chính bản thân họ. Nội dung này sẽ được phân tích thêm trong mối liên hệ với việc nam giới sử dụng vũ lực.

5. Nam tính và mối quan hệ với bạo lực

Phần trên đã nêu chi tiết về quá trình hình thành của các quan niệm, thái độ, hành vi liên quan đến nam tính trong lịch sử đời sống của những người tham gia nghiên cứu. Phần này sẽ tiếp tục phân tích sâu về quan niệm về nam tính trên địa bàn nghiên cứu nhằm đánh giá xem những quan niệm về nam tính đã xác định ở trên có liên hệ với lối sống bạo lực, cũng như trong một số trường hợp là phi bạo lực, của nam giới như thế nào. Một số dạng bạo lực và kinh nghiệm sống của nam giới có đóng góp gì cho việc khẳng định hay bác bỏ mối liên hệ giữa quan niệm về bản lĩnh đàn ông và hành vi bạo lực sẽ được tìm hiểu và phân tích trong phần này.

Mối liên hệ giữa quan niệm về nam tính và bạo lực ở trên địa bàn nghiên cứu thực ra phổ biến hơn so với ý kiến của những người tham gia nghiên cứu về nam tính bá quyền. Tuy phần lớn người trả lời phỏng vấn ở Huế không liên hệ cụ thể quan niệm nam tính với sức mạnh cơ bắp (khác với Phú Xuyên khi hầu như tất cả nam giới tham gia nghiên cứu đều gắn bản lĩnh đàn ông với sức mạnh cơ bắp hay bạo lực, hoặc cả hai), nhưng các phỏng vấn cho thấy ngay cả ở Huế cũng như ở Phú Xuyên, quan niệm về nam tính thường gắn với những quan niệm về sự chi phối, quyền hành, sức lực. Bạo lực có vai trò đáng kể trong việc duy trì mối liên hệ này. Tuy nhiên, việc nam giới sử dụng bạo lực cũng bị kiểm chế bởi các kỳ vọng xã hội xung quanh quan niệm phi bạo lực về nam tính ở Việt Nam.

5.1 Bạo lực là biện pháp kỷ luật để thiết lập và duy trì quyền uy

Việc sử dụng bạo lực như là một biện pháp kỷ luật để thiết lập, duy trì quyền uy có liên hệ mật thiết với quan niệm về nam tính ở Việt Nam (Rydström, 2006). Trong các câu chuyện về diễn biến cuộc đời đã phản ánh sự ảnh hưởng các hình phạt thể xác người cha áp dụng ở nhà lên ký ức thời niên thiếu của các đối tượng phỏng vấn. Tuy nhiên, trải nghiệm của họ về bạo lực do những người có quyền hành ở trường cũng góp phần củng cố thêm những gì mà họ đã hấp thụ được về việc sử dụng bạo lực để thiết lập kỷ cương và duy trì uy quyền.

Vai trò dạy bảo của người cha và bạo lực

Mối quan hệ thời niên thiếu của những người tham gia nghiên cứu với cha mẹ cho thấy việc cha mẹ sử dụng hình phạt thể xác để dạy con là khá phổ biến và được chấp nhận. Hầu hết nam giới trả lời phỏng vấn, chỉ trừ một người, cho biết đã từng phải chịu các hình phạt thể xác khi còn nhỏ, chủ yếu từ người cha, với vai trò giáo dục, duy trì kỷ luật trong gia đình. Có 3 người cho biết đã bị mẹ đánh, mặc dù mẹ thường được nhìn nhận là thương con hơn là nghiêm khắc, nhưng do cha thường xuyên vắng nhà nên người mẹ thay thế vai trò cha. Mối liên hệ giữa sự bảo ban của người cha, vai trò dạy bảo, duy trì kỷ luật của người cha và việc sử dụng các hình phạt thể xác cho thấy bạo lực thường có liên hệ đến trách nhiệm nuôi dạy con của người cha. Chiếm nhớ rằng tuy bố anh thường trò chuyện với anh và các anh chị em trong nhà về những lỗi lầm các con phạm phải, hay quở mắng khi con hư, nhưng nhiều khi ông vẫn sử dụng hình phạt thể xác để dạy dỗ con cái (đặc biệt là khi con cái đánh nhau, một điều nghe có vẻ nghịch lý). Điều đáng nói là sử dụng hình phạt thể xác đối với trẻ em được coi là điều bình thường và hầu hết những người tham gia phỏng vấn không có phản ứng tiêu cực hay phê phán cha mẹ về việc sử dụng bạo lực. Từng cho rằng cha anh “nhiều khi buồn [về việc đánh tôi] đến mức ngủ không được. Khi tôi lớn, điều tôi nhớ nhất về cha là những trận đòn và lời cha dạy”. Nhìn chung, những người trả lời phỏng vấn thường thừa nhận mình đáng bị đòn hay coi việc đánh đòn là cần thiết để dạy

dỗ con cái⁶. Mặc dù họ thường coi nhẹ mức độ nghiêm trọng của những trải nghiệm này nhưng việc bình thường hóa sự việc và đưa ra những cái cớ để biện hộ cho hành vi bạo lực của cha mình cho thấy đây chính là những yếu tố hình thành nên quan niệm ở nam giới coi bạo lực là một biện pháp kỷ luật cần thiết để bảo đảm uy quyền, cũng như một công cụ giáo dục.

Một số nam giới tham gia nghiên cứu cho biết từng phải chịu bạo hành thân thể từ vừa đến nặng khi còn nhỏ. Lúc nhỏ, Dũng thường xuyên bị cha đánh (cho đến tận khi anh đã lớn), và đôi khi còn bị cả mẹ đánh. Dũng nói cha anh rất nghiêm khắc và có tiếng trong làng là dữ đòn với vợ con. Ngoài Dũng, Chương và Sỹ cũng từng chịu những hình phạt thể xác ở mức độ nặng khi còn nhỏ.

Tuy hồi nhỏ, Sỹ ít gặp cha (do cha anh làm việc ở Hà Nội) nhưng anh vẫn nhớ rằng cha rất nghiêm khắc và thường xuyên đánh đòn anh đến mức chỉ cần cha “lườm mắt” là anh đã “sợ lắm rồi”. Cả 3 đối tượng trên đều có xu hướng coi bạo lực là sai và có ảnh hưởng tiêu cực đến quan hệ với cha mẹ, nhất là cha. Trong những trường hợp này, mối quan hệ giữa quan niệm về nam tính và việc sử dụng bạo lực để giữ kỷ luật mật thiết hơn và ảnh hưởng nhiều đến sự hình thành lối sống bạo lực của những đối tượng này, nhất là đối với vợ.

Hình phạt thể xác ở trường

Trải nghiệm của những người tham gia nghiên cứu về hình phạt thể xác giáo viên sử dụng đối với học sinh, đặc biệt thường thấy ở Phú Xuyên, cũng góp phần hình thành lối sống bạo lực (hay phi bạo lực) gắn liền với quan niệm về nam tính. Hùng, Chương, Dũng ở Phú Xuyên đều nói giáo viên thường dùng thước kẻ đánh vào tay học sinh hư hay lười học, trong đó Chương và Dũng cho biết giáo viên thường đánh đau. Dũng nhớ có một cô giáo rất nghiêm khắc và hay đánh học trò (kể cả bản thân anh) bằng thước kẻ vào tay đến nổi tay sưng lên. Dũng cho biết một số học sinh sợ cô này đến nỗi bỏ học. Ví dụ trên cho thấy

[6] Ví dụ, Hùng nói về việc mẹ anh sử dụng đòn roi với con cái: “Không thì làm sao bà nuôi lớn được 6 đứa chúng tôi?”

rõ việc sử dụng bạo lực để thiết lập kỷ luật, thậm chí ở cả những phụ nữ có quyền, có liên hệ thể nào với quyền lực, sự kiểm soát và nỗi sợ hãi. Tương tự, Chương còn nhớ bị một giáo viên “đánh rất đau” và còn nói rằng cả anh và nhiều học sinh khác rất sợ giáo viên vì nếu không sợ thì sẽ bị cho điểm kém. Chương cũng nói đến việc lo lót cho thầy cô để được điểm cao, và anh cũng có vẻ là một học trò rất hay gây rối, thường xuyên trêu ghẹo thầy cô.

Một điều cần nói là Dũng cũng nhắc đến một cô giáo “rất hiền” và đây có lẽ là một trong những mối quan hệ tốt đẹp, phi bạo lực hiếm hoi mà anh có được thời niên thiếu, tuy anh không nói nhiều về mối quan hệ này. Tuy nhiên, nhìn chung, việc phải tiếp xúc với bạo lực trong quá trình học tập, và vai trò của bạo lực như một cơ chế để thiết lập uy quyền, có thể nói đã góp phần củng cố mối liên hệ giữa nam tính và bạo lực ở những người tham gia nghiên cứu. Bạo lực được coi là một phương tiện để duy trì uy quyền và sự kiểm soát (của cha mẹ, giáo viên), và nếu xét về việc nam giới thể hiện quyền uy của mình đối với vợ có ý nghĩa như thế nào, thì bạo lực đã được coi như một biện pháp cần thiết để duy trì quyền hành đối với người vợ.

5.2 Sử dụng bạo lực để thể hiện sự thống trị và sức mạnh

Bạo lực cũng có liên hệ với quan niệm về nam tính trong suốt tiến trình cuộc đời qua sự thể hiện quyền uy, sức mạnh của một cá nhân so với những nam giới khác, từ đó hình thành nên những cấp độ nam tính theo mức độ nam tính được xã hội khuyến khích (Umberson và các tác giả khác, 2003). Nam giới gây bạo lực với nam giới cũng là một yếu tố nguy cơ cho việc phụ nữ phải chịu bạo hành (TCTK và WHO, 2010). Có hai giai đoạn trong tiến trình cuộc đời có thể nói là phù hợp với sự hình thành quan niệm về nam tính liên quan đến bạo lực là: đánh nhau với bạn bè thời niên thiếu và trải nghiệm về việc bị bắt nạt khi làm nghĩa vụ quân sự. Một điểm đáng chú ý nữa là việc nam giới tiếp tục sử dụng bạo lực, qua đó cho thấy rõ việc tiếp xúc và sử dụng vũ lực khi còn trẻ có vai trò như thế nào đối với việc sử dụng vũ lực khi trưởng thành. Tuy nhiên, cho dù bạo lực được coi là có liên hệ với nam

tính nhưng do xã hội nhìn chung không chấp nhận bạo lực và có sự can thiệp thường xuyên của cộng đồng, cha mẹ nên có thể nói mối liên hệ này khá phức tạp, cũng như ở nam giới có sự mâu thuẫn giữa việc thể hiện nam tính bằng sức mạnh và tuân thủ các hành vi được xã hội thừa nhận.

Những người trả lời phỏng vấn thường nhớ lại từng đánh nhau với các bạn cùng trường, trẻ hàng xóm hay trong làng, có lúc ngay ở trường nhưng chủ yếu là ở ngoài trường, đặc biệt là với trẻ các làng lân cận. Hiện tượng đánh nhau có vẻ ít phổ biến ở Huế hơn so với Phú Xuyên. Những nam giới ở Huế thường nói rằng có đánh nhau nhưng rất ít, khác với ở Phú Xuyên, những người tham gia nghiên cứu cho biết đánh nhau phổ biến hơn nhiều. Quan niệm sức mạnh thể lực là một phần của mẫu hình đàn ông lý tưởng ở Phú Xuyên có thể nói đã góp phần làm tăng hiện tượng trẻ em trai đánh nhau ở địa phương này, vì qua đánh nhau thì dễ dàng thể hiện được sức mạnh so với những trẻ khác. Đặc biệt, Địch là người duy nhất ở Huế cho biết thường xuyên tham gia và tổ chức đánh nhau khi còn nhỏ, cũng như tiếp tục cho đến tuổi vị thành niên và thậm chí giai đoạn đầu trưởng thành. Địch cũng là người duy nhất ở Huế cho rằng sức mạnh thể lực là một tố chất của mẫu hình đàn ông lý tưởng, qua đó cho thấy việc sử dụng vũ lực với đối tượng cùng lứa đã khẳng định quan niệm về nam tính gắn liền với sức vóc, cũng như sự đánh giá mức độ nam tính so với những nam giới khác. Kim là một ngoại lệ khác khi anh là người duy nhất ở Phú Xuyên cho biết mình ít khi tham gia đánh nhau. Kim cho biết Kinh thánh nhà thờ nghiêm cấm bạo lực đã ảnh hưởng, dẫn đến đến xu hướng phi bạo lực của anh.

Cha mẹ thường ngăn cấm con cái đánh nhau và thường sử dụng hình phạt thể xác đối với những trẻ đánh nhau. Hầu hết những người tham gia nghiên cứu đều cho biết có tham gia đánh nhau với những trẻ khác khi còn nhỏ, tuy ở những mức độ khác nhau. Chiến cho biết anh ít đánh nhau với trẻ khác do cha mẹ anh, nhất là cha, thường can thiệp, quở mắng bọn trẻ, kể cả trẻ nhà khác. Việc sử dụng hình phạt thể xác để dạy bảo trẻ em trai không được đánh nhau với bạn cho thấy những mức độ chấp nhận của xã hội

khác nhau với một số loại hình bạo lực. Phần sau sẽ phân tích thêm về nội dung này.

Đi nghĩa vụ có lẽ là một yếu tố nữa góp phần củng cố mối liên hệ giữa quan niệm về nam tính và hành vi bạo lực của một số nam giới tham gia nghiên cứu. Năm trong số những người trả lời phỏng vấn, chủ yếu ở Phú Xuyên, cho biết đã ở trong quân ngũ một thời gian đáng kể khi còn trẻ⁷. Và quá trình này cho thấy những mối liên hệ đáng quan tâm với việc hình thành quan niệm về nam tính và lối sống bạo lực. Ví dụ, Dũng cho biết giữa các nhóm đồng đội thường xảy ra đánh nhau, gần như xung đột bằng nhóm, nhóm này đánh nhau với nhóm khác để giành quyền thống trị. Hùng cũng nói đến những sự việc như bắt nạt và/hoặc đánh đập tân binh, thường do chỉ huy làm. Tuy vậy, anh này có vẻ khá mâu thuẫn về những sự việc trên, nói rằng anh không bắt nạt lính mới khi đã trở thành “lính cũ”, vì “họ cũng như tôi thôi”. Ý kiến của Hùng đáng chú ý vì nó cho thấy anh đã nhìn thấy tác động tiêu cực của bạo lực đối với những đồng đội nam giới khác. Hùng liên hệ tới những nam giới khác, và có thể nói là biết đặt mình vào vị trí của họ, và chính điều đó ngăn không cho anh sử dụng vũ lực với họ. Tuy nhiên, đáng chú ý là một trong những nam giới tham gia nghiên cứu từng đi bộ đội, chỉ có Chương không nằm vào nhóm từng sử dụng bạo lực đối với vợ, bạn gái, cũng công nhận bạo lực đối với vợ là một biện pháp cần thiết trong một số trường hợp. Mặc dù Hùng có đồng cảm với tân binh khiến anh không sử dụng vũ lực với họ trong thời gian quân ngũ, nhưng anh đã không duy trì được mối quan hệ không bạo lực trong quan hệ vợ chồng. Sự đồng cảm không thể hiện rõ trong quan hệ của nam giới với phụ nữ, vì nhìn chung nam giới không nhận thức được tác động tiềm tàng của bạo lực đến đời sống tinh thần, thể xác của người phụ nữ.

5.3 Bạo lực/phi bạo lực trong các yếu tố ảnh hưởng đến quan hệ giới

Bạo lực/phi bạo lực có liên hệ đến quan niệm của nam giới về vai trò của họ trong mối quan

[7] Những người tham gia nghiên cứu này là Chương, Dũng, Sỹ, Hùng (đều ở Phú Xuyên), và Thu (ở Huế). Tất cả đều được xếp vào nhóm mẫu từng có hành vi bạo hành vợ, bạn gái, trừ anh Chương. Tuy nhiên, Chương cũng cho rằng cần phải có biện pháp vũ lực đối với vợ trong một số trường hợp.

hệ vợ chồng. Hai nghiên cứu trường hợp điển hình về lịch sử đời sống của những nam giới từng chứng kiến bạo lực giữa cha mẹ cho thấy những diễn biến đáng chú ý về bạo lực gia đình. Đặc biệt là lý lẽ mà nam giới đưa ra để biện hộ cho việc sử dụng vũ lực đối với vợ, bạn gái trong bối cảnh hình mẫu đàn ông lý tưởng là sự thành đạt kinh tế, sự tôn trọng, bất chấp những phản ứng của xã hội, và sự can thiệp của cộng đồng đối với việc sử dụng bạo lực. Ngoài ra, có thể thấy mối liên hệ rất lớn giữa việc nam giới sử dụng bạo lực với những khuôn mẫu mang tính xã hội về lý do dẫn đến bạo lực và dạng bạo lực nào được chấp nhận sẽ được thảo luận trong phần tiếp theo.

Sử dụng bạo lực gia đình và những yếu tố thúc đẩy

Phân tích yếu tố nguy cơ và yếu tố bảo vệ dựa trên số liệu của Tổng Cục Thống Kê Việt Nam cho biết những phụ nữ mà mẹ họ từng bị cha, bạn trai đánh đập thường có xu hướng là nạn nhân của bạo lực thể xác hay bạo lực tình dục trong 12 tháng qua (TCTK và WHO, 2010). Tương tự, nếu chồng, bạn trai từng chứng kiến bạo lực giữa cha mẹ, thì người phụ nữ cũng nhiều nguy cơ là nạn nhân của bạo lực gia đình. Đã có một số nghiên cứu quốc tế về tác động của việc chứng kiến bạo lực giữa cha mẹ ở thời niên thiếu đối với việc có hành vi bạo lực hay là nạn nhân của bạo lực (Kwong, 2003). Trong số những người tham gia nghiên cứu, có hai người từng phải chứng kiến tình trạng cha đánh mẹ nghiêm trọng, thể hiện rõ thiên hướng cho rằng nam tính gắn liền với việc sử dụng vũ lực với vợ, bạn gái. Tuy nhiên, những người trả lời phỏng vấn khác (một số người được xếp vào nhóm mẫu những người có hành vi bạo lực), thể hiện quan điểm phức tạp hơn về mối liên hệ giữa bạo lực và nam tính, một phần do sự phê phán của xã hội đối với bạo lực liên quan đến hình ảnh của người chồng trong quan hệ vợ chồng.

Dũng ở Phú Xuyên nhớ rằng cha anh “rất thường xuyên” đánh mẹ và là người “rất dữ đòn”, và theo anh là do nhà quá đông con và không đủ ăn. Dũng cho biết mình và những người con khác không can ngăn bố vì sợ cũng bị đánh lây mà thường chạy ra ngoài. Ngay cả khi đã lớn, Dũng cũng “không dám” ngăn cha. Dũng cũng mô tả cha mình là có

tiếng trong thôn về tính hung dữ, không chỉ với vợ con mà cả những nam giới khác.

Chương, một đối tượng khác ở Phú Xuyên kể lại rằng mẹ anh rất sợ cha vì ông thường xuyên đánh mẹ và đánh đau, chủ yếu vì nhà nghèo, phải nuôi nhiều miệng ăn. Chương cho biết lúc còn nhỏ, anh từng cãi lại cha để bênh mẹ và anh đã bị đánh đòn khi nói “Sao cha ác thế!”

Việc lấy lý do kinh tế để biện hộ cho hành vi bạo lực cũng thể hiện trong những mối quan hệ vợ chồng thời nay. Dũng nhớ một lần anh đã đấm, đá vợ khi vợ cãi. Anh lấy lý do là do lo lắng về con cái và tình hình kinh tế gia đình. Tương tự, Chương cũng cho rằng chồng có quyền đánh vợ nếu vợ bướng khi chồng đang trong cơn giận, ức chế. Chương cho biết trong số các hàng xóm nhà anh thời nhỏ, 8/10 cặp vợ chồng có “đánh nhau” vì nhà nghèo, và đây cũng là lý do Chương đưa ra khi nói về việc cha đánh mẹ.

Hai phỏng vấn trên cho thấy sự liên hệ giữa quan niệm về nam tính và tình trạng kinh tế, cũng như những sự ngộ nhận về vị trí trụ cột gia đình của nam giới, mối liên hệ giữa bạo lực và sự thách thức bản lĩnh đàn ông đối với nam giới, chẳng hạn như “làm đàn ông mà không lo nổi cho gia đình” (xem thêm Vũ Mạnh Lợi và các tác giả khác, 1999; Thích Nhật Từ, 2008; Thành Trung, 2010; Phúc Anh, 2011). Những lý giải trong hai phỏng vấn này cho thấy những người tham gia phỏng vấn cho rằng việc sử dụng vũ lực nhằm giải tỏa áp lực về kinh tế về một mức độ nào đó là chấp nhận được. Tuy vậy, cần lưu ý rằng trong những sự lý giải nhân quả giản đơn về bạo lực trên, nam giới thường không nhận trách nhiệm về hành vi bạo lực của mình, cũng như không thừa nhận những nguyên nhân chung thực sự hay bản chất của bạo lực giới.

Lý do thứ hai để nam giới sử dụng vũ lực với vợ là bạo lực có liên hệ với việc nam giới cho rằng mình bị mất mặt. Theo lời Địch “Có hai trường hợp cần phải dạy vợ: một là khi vợ cãi chồng, hai là khi vợ không tôn trọng chồng trước mặt bạn bè”. Quan điểm cho rằng phụ nữ phải làm sao nâng cao địa vị của chồng trước công chúng trong quan niệm bá quyền về nam tính đã được trình bày ở phần trước trong nội dung vai trò

của người phụ nữ là giữ cho nhà cửa êm thấm. Trong trường hợp này, khi người phụ nữ làm trái với kỳ vọng này, thách thức chồng trước mặt người khác thì người chồng cần sử dụng vũ lực với vợ. Cả mối liên hệ giữa mẫu hình bá quyền lý tưởng về sự tôn trọng, thành đạt, và ranh giới công cộng - riêng tư đều góp phần hình thành nên yếu tố tác động này.

Hai ví dụ trên cho thấy những con đường hình thành quan niệm về nam tính trong một số khía cạnh cuộc đời của nam giới. Điều thấy rõ là sự thành đạt kinh tế và uy quyền của nam giới (và một yếu tố khác không được nói ra là sự tôn trọng) là những tiêu chí xác định quan niệm nam tính bá quyền trong phạm vi nghiên cứu này. Khi những chuẩn mực về nam tính này bị thách thức, như mất cơ hội kinh tế hay sự thiếu tôn trọng của những người được cho là phải tôn trọng vị trí thống trị của nam giới (vợ con), thì nam giới thường cho rằng việc họ sử dụng vũ lực là cần thiết. Như có thể thấy qua lịch sử đời sống của Dũng và Chương, hành vi này có thể đã được học từ thời niên thiếu. Ngoài ra, sự ổn định kinh tế và sự chuyển dịch sâu rộng trong các mô hình lao động, sản xuất ở Việt Nam trong tiến trình cuộc đời của những người trả lời phỏng vấn cũng có thể ảnh hưởng đến việc nam giới gắn quan niệm về nam tính với một số kiểu thành đạt về kinh tế, cách thức nam giới xác lập uy quyền qua những kênh khác, và cách thức nam giới điều chỉnh quan niệm về nam tính nói chung, vì sự phát triển kinh tế có ảnh hưởng đến những kỳ vọng về giới trong xã hội. Dù sao thì việc nam giới sử dụng vũ lực vẫn bị kiềm chế bởi những thái độ, quan niệm phổ biến về một số kiểu bạo lực.

5.4 Mức độ chấp nhận đối với những kiểu bạo lực khác nhau

Trong các phỏng vấn diễn biến cuộc đời, một chủ đề bao trùm liên quan đến mối quan hệ giữa quan niệm về nam tính và bạo lực là những mức độ chấp nhận khác nhau và quan niệm về sự cần thiết của một số kiểu bạo lực. Nhiều người tham gia phỏng vấn cho biết mức độ can thiệp cộng đồng và phê phán bạo lực hiện nay là khá đáng kể, nhưng trong các phỏng vấn diễn biến cuộc đời, những quan niệm này còn có sự khác biệt giữa bạo lực ở chỗ đông người và ở nhà.

Bạo lực ở nơi công cộng, như bạo lực trong nhóm cùng lứa, kể cả lúc nhỏ và khi trưởng thành, thường bị lên án. Ở nơi công cộng, đa số các đối tượng cho rằng bạo lực trong nhóm cùng lứa bị ngăn cấm, và những kỳ vọng xã hội về phi bạo lực này có thể phần nào hạn chế sự hiếu chiến của nam giới khi muốn thể hiện bản lĩnh đàn ông của mình. Chiến cho biết người lớn thường can ngăn khi trẻ vị thành niên đánh nhau. Anh cũng cho biết sự can thiệp này khiến nam giới cảm thấy hổ thẹn vì hành vi gây gổ của mình và khuyến khích họ thôi sử dụng bạo lực. Tương tự, Dũng cũng nói các lãnh đạo trong thôn thường gặp, nói chuyện trực tiếp với người có hành vi sai trái/bạo lực, đồng thời điểm mặt, gọi tên những người có “mâu thuẫn” với người khác trong các buổi họp thôn. Dũng cho rằng những hoạt động phê phán bạo lực trong cộng đồng giúp anh tránh dùng vũ lực.

Ở nơi riêng tư, hình phạt thể xác đối với con cái nhìn chung được chấp nhận như đã thấy trong nhiều nội dung phỏng vấn lịch sử đời sống của những người trả lời phỏng vấn, cũng như có liên hệ với việc dạy bảo, kỷ luật. Mặt khác, việc dùng vũ lực với vợ được công chúng cho là không chấp nhận được, nhưng được những nam giới tham gia nghiên cứu ngầm hiểu là kiểu bạo lực này vẫn xảy ra và là cần thiết trong một số trường hợp. Kim cho biết cha mẹ đôi lúc cũng đánh nhau, nhưng không bao giờ được để con cái chứng kiến những cãi cọ, bất hòa của cha mẹ, vì đây không phải hành vi được xã hội chấp nhận. Trại làm việc ở một cơ quan nhà nước ở thị xã. Anh cho rằng nam giới làm việc ở công sở không đánh vợ vì hai lý do: một là cán bộ cần nêu gương tốt, hai là họ sợ bị ảnh hưởng đến công tác nếu có người biết họ đánh vợ. Giải thích của Trại phù hợp với mô hình chung về quan niệm, khuôn mẫu về một số kiểu nam tính và việc nam giới sử dụng vũ lực theo lời kể của nhiều đối tượng, qua đó càng nhấn mạnh mối liên hệ giữa sự phân biệt tầng lớp và quan niệm về nam tính ở Việt Nam (Thái 2012). Có thể nói khi bạo lực xảy ra ở nơi công cộng, cho dù là đánh nhau công khai hay có người biết về dấu hiệu bạo lực gia đình thì đây là điều không chấp nhận được. Còn khi bạo lực diễn ra ở nơi kín đáo thì lại dễ được chấp nhận hơn. Ngoài ra, tuy quan điểm về hình mẫu đàn ông lý tưởng

không phải là người ưa bạo lực nhưng nam giới vẫn phải làm sao duy trì được uy thế với vợ con, đồng thời dùng bạo lực để duy trì kỷ cương đôi khi được coi là biện pháp cần thiết. Như vậy, việc nam giới sử dụng bạo lực thường được quy lỗi cho phụ nữ do không làm tròn vai trò giới của mình. Việc sử dụng bạo lực do đó có liên hệ mật thiết với quyền lực, sự kiểm soát trong mối quan hệ, mà quyền lực, sự kiểm soát lại gắn chặt với vị thế của nam giới trong gia đình và xã hội.

Sự phân biệt tầng lớp và bạo lực

Ở các đối tượng nghiên cứu, những quan niệm, khuôn mẫu phổ biến về phân biệt giai tầng được sử dụng để lý giải vì sao một số người sử dụng bạo lực và điều gì khiến nam giới sử dụng bạo lực. Một số đối tượng cho rằng những người có học hay “trí thức” không đánh vợ nhiều như người ít học, mặc dù sự thật là bạo lực gia đình xảy ra bất kể địa vị xã hội, kinh tế, văn hóa (TCTK và WHO, 2010). Ví dụ, Thu cho rằng người trí thức không đánh vợ mà chỉ trách mắng, còn người lao động chân tay thường đánh vợ (chẳng hạn như lúc say xỉn) vì những người này thiếu học thức. Thu còn nói thêm rằng điều đó là “có thể châm chước” được. Tuy vậy, Khải lại thừa nhận rằng trong giới “trí thức” cũng có bạo lực gia đình, nhưng cho rằng trí thức khéo che đậy hơn những người ít học vì nếu không sẽ bị những trí thức khác lên án⁸. Những quan niệm rập khuôn, định kiến trên thể hiện hai yếu tố liên quan đến nhận thức của nam giới về bạo lực gia đình ở Việt Nam. Thứ nhất, những quan niệm này thể hiện những khuôn mẫu dựa trên giai tầng, địa lý ở Việt Nam, cho thấy quan niệm của nam giới về nam tính có liên quan đến những yếu tố dân số khác. Thứ hai, trong bối cảnh những thay đổi kinh tế-xã hội ở Việt Nam, những quan điểm này nhấn mạnh tầm quan trọng trong quan niệm của nam giới về hình ảnh, uy tín, cho thấy sự mâu thuẫn trong cách nam giới dung hòa giữa kỳ vọng xã hội về uy quyền của nam giới và những chuẩn mực về phi bạo lực.

[8] Phân tích thêm số liệu của TCTK-WHO về trải nghiệm bạo lực của phụ nữ ở Việt Nam do TS Emma Fulu (Chương trình Chung tay phòng chống, 2012) thực hiện cho thấy trình độ học vấn của nam giới, phụ nữ không phải là một yếu tố bảo vệ phụ nữ trước hành vi bạo lực.

CHƯƠNG VI BÀN LUẬN



**strong
hands
stop
violence
against women
and girls**

Nghiên cứu lịch sử đời sống về bạo lực giới và quan niệm về nam tính trên hai địa bàn nghiên cứu này cho thấy một số con đường hình thành các lối sống, quan điểm về bạo lực và bình đẳng giới. Phần bàn luận sau sẽ nêu rõ một số xu hướng xuyên suốt trong các kết quả nghiên cứu.

Khác biệt giữa những nam giới sử dụng bạo lực và những nam giới có xu hướng bình đẳng giới

Như đã nêu trên, có nhiều yếu tố ảnh hưởng trong suốt cuộc đời của những đối tượng nghiên cứu kết hợp lại hình thành nên quan niệm về nam tính. Một số những quan niệm về nam tính này mang tính bá quyền, một phần dựa trên những quan niệm đã có cho rằng nam giới phải có vị thế cao hơn nữ giới. Tuy nhiên, một số đối tượng cũng có lối suy nghĩ mới về nam tính, không tương đồng (hay tương đồng ở mức độ thấp) với những quan niệm phổ biến về ưu thế của nam giới. Nhìn chung, qua phân tích có thể thấy có 3 điểm khác biệt cơ bản giữa những đối tượng nghiên cứu có lối sống thiên về bình đẳng giới và những người ưa bạo lực là: (1) các quan niệm về nam tính có liên hệ với bạo lực/phi bạo lực thời niên thiếu; (2) các thỏa thuận chia sẻ quyền lực với vợ; (3) đối tượng xác định những đặc tính về nam tính nào mà họ theo đuổi so với những đàn ông khác.

Những người tham gia nghiên cứu có những trải nghiệm khác nhau về bạo lực trong thời niên thiếu. Tuy nhiên, nhìn chung, những nam giới được chọn vào nhóm bình đẳng giới thường được tiếp cận nhiều hơn với những quan niệm về nam tính có liên hệ với những tính cách khác ngoài sự chi phối, uy quyền, và trong một số trường hợp là cả sự dạy dỗ cụ thể về phi bạo lực. Cha Khải từng đi bộ đội trong chiến tranh chống Mỹ. Anh nhớ cha từng dạy mình về tầm quan trọng của “cuộc sống yên bình, không chiến tranh” và làm thế nào để tránh xung đột “vì đây là việc hệ trọng của đất nước ta”. Kim lớn lên trong một môi trường có sự bình đẳng giới tương đối, trong đó cả nam lẫn nữ đều tham gia làm nghề thủ công khảm trai. Kim liên hệ nam tính với sự ổn định và trình độ tay nghề. Kim kể cha mẹ mình là người “tốt tính”, và tuy anh thấy việc cãi vã là một phần không thể tránh được

trong đời sống vợ chồng nhưng anh khẳng định rằng điều đó không ảnh hưởng đến quan hệ vợ chồng và nhấn mạnh trách nhiệm của cả nam lẫn nữ trong việc giảm xung đột trong quan hệ, cũng như trong xã hội nói chung. Mặt khác, Địch nhớ cha mình thường bảo ban anh về tầm quan trọng của việc tránh bạo lực, cho dù ông thường sử dụng đòn roi với Địch và các anh chị em khác. Địch cho rằng uy quyền và sự chi phối có liên hệ mật thiết với quan niệm về nam tính và lối sống của anh. Địch là người từng sử dụng vũ lực với vợ, nhưng lại mô tả bản thân là không ưa bạo lực, với lý do cha anh thường dạy anh rằng phải sống ôn hòa, điềm đạm. Những sự mâu thuẫn này trong đời sống của Địch khác họa những mối liên hệ khác nhau giữa quan niệm của nam giới về nam tính và việc sử dụng bạo lực với vợ con.

Thứ hai, quan hệ vợ chồng là một môi trường quan trọng để quan niệm về nam tính và các yếu tố quyết định quyền lực giới được thực thi, thể hiện (Adams và Coltrane, 2005; Bùi và Morash, 2008; Jonzon và các tác giả khác, 2007). Một nội dung xuyên suốt qua các phỏng vấn là sự chấp nhận phổ biến về quyền hành của nam giới đối với vợ. Tuy nhiên, những biện pháp sử dụng để bảo đảm yếu tố quyền hành này có sự khác nhau, trong đó những nam giới được chọn vào nhóm ưa bình đẳng giới thường cởi mở hơn trong các thỏa thuận chia sẻ quyền lực trong quan hệ vợ chồng. Kim cho biết có quan hệ rất bình đẳng với vợ. Hai người thảo luận chung mọi việc, từ công ăn việc làm tới nuôi dạy con cái, và sẵn sàng thỏa hiệp khi cần. Chiến cũng có vẻ duy trì được mối quan hệ bình đẳng hơn với vợ trong các quyết định chung. Chiến cho biết anh và vợ thường thảo luận những việc lớn trong nhà với nhau, tuy rằng anh là người đưa ra đề xuất, nêu vấn đề, còn vợ thì giữ trách nhiệm quản lý tiền nong sao cho hợp lý.

Cuối cùng, các phỏng vấn lịch sử đời sống cho thấy có nhiều con đường dẫn tới nhận thức của nam giới về mẫu hình người đàn ông trong trường hợp của họ. Quá trình này có thể nói là liên hệ rất nhiều với những thay đổi trong xã hội Việt Nam. Nhiều đối tượng nghiên cứu đề cao vấn đề học hành. Trong số những đối tượng thiên về bình đẳng giới, thành đạt trong sự nghiệp được coi là điều cần đạt được đối với

đàn ông. Ngoài ra, họ thừa nhận tầm quan trọng của việc phụ nữ đi học, đi làm và cho rằng bình đẳng trong cơ hội học hành, công việc là cần thiết để phát triển kinh tế, bảo đảm ổn định kinh tế gia đình và đó chính là thành đạt của người đàn ông.

Những điểm này cho thấy thái độ, lối sống của nam giới liên quan đến nam tính được hình thành khác nhau dựa trên các yếu tố khác nhau. Tuy nhiên, cũng cần lưu ý rằng quá trình này cũng chịu ảnh hưởng của các động lực, quá trình xã hội khác nhưng không được bàn đến trong báo cáo này. Cần nghiên cứu thêm về tác động của các xu hướng và quá trình xã hội vĩ mô lên trật tự giới ở Việt Nam để hiểu được nam giới Việt Nam đặt mình ở vị trí nào trong một môi trường thường xuyên thay đổi. Các nghiên cứu tiếp theo cũng cần xem xét yếu tố này trên quan điểm của phụ nữ.

Bình đẳng giới trên lý thuyết và thực tiễn

Một phát hiện nổi bật trong suốt quá trình phỏng vấn và phân tích là khoảng cách giữa sự công nhận, ủng hộ bình đẳng giới về lý thuyết và sự ứng dụng các quan niệm về bình đẳng giới trên thực tiễn. Như đã thấy, tất cả các đối tượng phỏng vấn được nghiên cứu viên xếp vào nhóm có nhiều hành vi bình đẳng giới hơn, kể cả những người tự khẳng định mình ủng hộ bình đẳng nam nữ, vẫn duy trì một mức độ bất bình đẳng giới nhất định trong quan niệm, lối sống. Sự bất bình đẳng này thể hiện từ những người được coi là “bình đẳng giới nhất” như Nam, một người đang làm việc trong lĩnh vực nâng cao vị thế phụ nữ nhưng vẫn cho rằng thiên chức của phụ nữ là làm việc nhà, tới những người ưa bạo lực như Chương, một người tham gia làm việc nhà nhưng lại cho rằng vợ phải luôn biết nhịn chồng, nếu không sẽ bị đánh. Phát hiện này phù hợp với kết quả nghiên cứu quốc tế về quan niệm, thái độ của nam giới về bình đẳng giới (Barker và cộng sự, 2011). Mặt khác, những nam giới được chọn mẫu vào nhóm ưa bạo lực đôi khi lại có những quan điểm bình đẳng giới hơn so với mong đợi. Điều đó cho thấy mối liên hệ giữa quan niệm và thực hành không chặt chẽ như ta tưởng, cũng như những ảnh hưởng khác trong suốt tiến trình cuộc đời (như trải nghiệm

về thời niên thiếu bình yên, không bạo lực, sự bảo ban, dạy dỗ của cha mẹ) có tác động lớn trong việc hướng nam giới đến hành vi ít bạo lực hơn.

Thách thức bản lĩnh đàn ông: hình ảnh, uy tín trước công chúng

Liên quan đến khoảng cách giữa quan niệm và hành vi bình đẳng giới nói trên là ảnh hưởng của hình ảnh, uy tín trước công chúng mà một người đàn ông muốn khẳng định và thể hiện nam tính của mình, hoặc trước những nam giới khác hoặc trước phụ nữ. Đặc biệt, yếu tố này có thể đã ảnh hưởng đến quyết định của nhiều đối tượng nghiên cứu về việc sử dụng hay không sử dụng vũ lực, cả ở trong và ngoài gia đình. Có thể nói quan niệm sử dụng vũ lực (với những nam giới khác hay với phụ nữ) có thể ảnh hưởng tiêu cực tới vị thế trong xã hội đã góp phần hạn chế nam giới sử dụng vũ lực. Đối với bạo lực gia đình, những người cho rằng mình thuộc tầng lớp giàu có hay có học thức hơn cho biết họ không sử dụng vũ lực để duy trì hình ảnh, uy tín của mình trong xã hội, cho dù họ tin hay không tin vào bình đẳng giới hay phi bạo lực, hoặc trên thực tế họ có thực sự sử dụng vũ lực hay không.

Các đối tượng nghiên cứu có thừa nhận sử dụng vũ lực đối với vợ đã đưa ra lý do này hay lý do khác để biện hộ cho hành vi của mình chứng tỏ một điều là họ đã nhận ra (ở các mức độ khác nhau) bạo lực là không tốt, hay ít nhất cũng biết rằng xã hội lên án những hành vi bạo lực đó. Một lần nữa, điều này thể hiện tầm quan trọng của hình ảnh, uy tín, và cả khả năng ảnh hưởng của nó đến sự xấu hổ đối với hành vi của nam giới. Quan điểm này được Dũng đề cập đến khi nói về “Gia đình văn hóa”, cũng như Chiến nêu ra khi nói về việc người lớn can thiệp khi thấy trẻ em đánh nhau. Vì vậy, ý nghĩa của hình ảnh, uy tín trước công chúng đối với nam giới là một yếu tố chính góp phần vào việc thay đổi quan niệm của nam giới về nam tính, cũng như có thể có tác động tích cực đến hành vi của nam giới đối với phụ nữ. Tuy nhiên, cần nhận thức được rằng mối liên hệ giữa hình ảnh, uy tín trước công chúng với bạo lực có thể có kết quả tiêu cực khi khiến nam giới che giấu hành vi bạo lực, dẫn đến việc người phụ nữ khó tìm kiếm sự giúp đỡ.

Những quan niệm đa dạng về nam tính

Cuối cùng, câu chuyện kể của các đối tượng nghiên cứu xung quanh vấn đề bạo lực xảy ra ở đâu, khi nào, như thế nào và với lý do gì cho thấy nam giới hình thành quan niệm về nam tính trong nhiều bối cảnh – trong mối quan hệ vợ chồng, mối quan hệ với cộng đồng và trong công việc. Liên quan đến bạo lực, khi bản lĩnh đàn ông bị đe dọa hay thách thức ở một nơi, nam giới thường tìm nơi khác để tái khẳng định nam tính của mình. Trường hợp này thường xảy ra với những nam giới từng đi bộ đội. Khi sự chi phối, uy quyền được thiết lập trong môi trường quân

ngũ thì có ít nhu cầu tái khẳng định nam tính bá quyền ở những môi trường khác. Nhưng trong bối cảnh chung của tình trạng thất nghiệp hàng loạt do tái cấu trúc kinh tế ở Việt Nam, cũng như do đô thị hóa tăng, những quan niệm phổ biến của nam giới về nam tính nhiều khả năng sẽ đổ vỡ hay thay đổi. Có thể thấy rõ điều này trong sự giằng co và mâu thuẫn trong quan điểm, thái độ của nam giới về việc phụ nữ đi làm. Hậu quả của sự đổ vỡ về kỳ vọng và vai trò trong xã hội trên có thể dẫn đến việc sử dụng bạo lực như một cách để tái lập mức độ quyền uy trước đây trong những bối cảnh khác.

CHƯƠNG VII
ỨNG DỤNG
CỦA NGHIÊN CỨU ĐỐI VỚI
CHƯƠNG TRÌNH, CHÍNH SÁCH
PHÒNG CHỐNG BẠO LỰC



**strong
hands
stop
violence
against women
and girls**

Các kết quả nghiên cứu lịch sử đời sống cung cấp hiểu biết cơ bản quan trọng để triển khai tốt hơn các chương trình, chính sách đa dạng nhằm ngăn ngừa bạo lực giới. Nghiên cứu về xu hướng hành vi xã hội – như mối quan hệ bạo lực giữa các cá nhân – đòi hỏi phải có kiến thức sâu về trải nghiệm sống của đối tượng. Nghiên cứu lịch sử đời sống đòi hỏi xem xét cụ thể trải nghiệm sống của từng cá nhân nhằm tìm hiểu các con đường dẫn tới một số mẫu hình hành vi, lối sống của mỗi người. Nghiên cứu ứng dụng là cách tiếp cận không thể thiếu khi tìm hiểu về bạo lực, nó cho phép xác định các bước ngoặt chính hay những mối quan hệ, trải nghiệm chính để sự thay đổi tích cực theo hướng phi bạo lực có thể diễn ra. Sau đây là một số đề xuất tập trung vào các chương trình, chính sách phòng ngừa bạo lực. Biện pháp xử lý bạo lực tuy là một phần không tách rời trong mô hình tổng thể về phòng chống BLG nhưng cần có các biện pháp ngăn chặn bạo lực trước khi nó nảy sinh. Các kết quả của nghiên cứu cho thấy cần tác động đến đối tượng trẻ em trai, nam giới, cũng như cả trẻ em gái, nữ giới, để định hướng các quan niệm nam tính đi ngược với xu hướng bình đẳng giới, phi bạo lực, chẳng hạn tư tưởng nam giới có quyền chi phối phụ nữ. Như đã thấy qua các khảo sát diễn biến cuộc đời, nam giới được dạy “thế nào là người đàn ông” từ khi còn nhỏ, từ nhiều nguồn như người cha, các thành viên khác

trong gia đình, bạn bè và những hình mẫu khác. Điều đó cho thấy cần giáo dục trẻ em trai, cũng như trẻ em gái, ngay từ thời niên thiếu rằng bạo lực là không phù hợp, cũng như phải tách biệt những quan niệm về nam tính, hay thế nào là một người đàn ông, với việc sử dụng vũ lực, nhất là bạo lực đối với phụ nữ.

Tuy nghiên cứu tập trung vào những quan niệm của nam giới về nam tính và BLG nhưng các biện pháp phòng tránh bạo lực không chỉ thực hiện với trẻ em trai, nam giới, mà cần thực hiện với cả trẻ em gái, phụ nữ, để bảo đảm có giải pháp tổng thể trong ngăn chặn bạo lực. Dưới đây là một số giải pháp đề xuất tăng cường hiệu quả phòng chống bạo lực ở các mức độ trong xã hội Việt Nam, dựa trên kết quả của nghiên cứu này. Các chương trình, can thiệp phải khuyến khích các mối quan hệ phi bạo lực, bình đẳng, thông qua các mô hình cải cách nhằm tạo sự cam kết về bình đẳng giới và các mối quan hệ bình đẳng giới, cũng như đả phá các quan niệm về giới cho rằng nam giới được quyền áp bức phụ nữ.

Một số chương trình trên thế giới đã chứng tỏ hiệu quả trong phòng ngừa bạo lực giới và khuyến khích các chuẩn mực bình đẳng hơn về giới. Phụ lục II trình bày danh sách tóm tắt các chương trình này.

Trong gia đình

Kết quả

Gia đình là môi trường chủ yếu trong đó trẻ em trai và trẻ em gái có sự tiếp xúc xã hội với các hệ tư tưởng về giới trong cộng đồng nói chung. Khảo sát lịch sử đời sống cho biết tầm quan trọng của các mối quan hệ, bối cảnh gia đình trong việc xây dựng các phương pháp giải quyết mâu thuẫn phi bạo lực, tạo cơ hội, thực hiện quyền bình đẳng cho trẻ em trai và trẻ em gái.

Đề xuất chương trình

- Đưa nội dung đối xử phi bạo lực, bình đẳng đối với trẻ em trai và trẻ em gái trong gia đình thành một tiêu chuẩn của chương trình “Gia đình văn hóa” đang triển khai.
- Tăng cường hoạt động chương trình, nâng cao nhận thức về hậu quả của việc sử dụng hình phạt thể xác đối với sự phát triển của trẻ cũng như xây dựng phương pháp dạy con lành mạnh, nhất là của người cha.
- Xây dựng các chương trình về phương pháp dạy con bình đẳng nhằm khuyến khích đối xử bình đẳng với con trai, con gái, nhất là trong vấn đề học hành. Có thể tổ chức cả hoạt động truyền thông thay đổi hành vi cho phụ nữ và nam giới về việc duy trì vai trò bình đẳng trong các quyết định trong gia đình.

Tại trường học

Kết quả

Các khảo sát lịch sử đời sống cho thấy trường học là một môi trường chính thức trong đó các quan niệm về giới, giáo dục, cơ hội của trẻ em trai và trẻ em gái (học hành, nghề nghiệp v.v.) được hình thành, phổ biến. Trường học là một môi trường thể chế ổn định có chức năng dạy học đem lại tác động lâu dài, là nơi trẻ có thể được tiếp xúc với những chuẩn mực, thái độ, hành vi bình đẳng hơn về giới.

Đề xuất chương trình

- Xây dựng chương trình dạy và học giáo dục cho thanh thiếu niên nam, nữ về các mối quan hệ phi bạo lực, lành mạnh và bình đẳng giới. Đặc biệt, cần đả phá những quan niệm cho rằng nam giới phải có quyền hành với vợ.
- Có biện pháp chấm dứt việc sử dụng các hình phạt thể xác, tình trạng học sinh bắt nạt nhau ở trường và các cơ sở giáo dục khác.
- Phối hợp với giáo viên, đặc biệt là các thầy giáo, xây dựng tấm gương tích cực, phi bạo lực để học sinh noi theo.
- Tổ chức các nhóm ngoại khóa cho học sinh nam nữ ở cả các trường công và trường tư để thúc đẩy bình đẳng giới, các quan hệ bạn bè lành mạnh, quan niệm phi bạo lực về nam tính (như các nhóm bạn cùng chơi thể thao, câu lạc bộ học đường).

Ở cộng đồng/nơi làm việc

Kết quả

Các khảo sát lịch sử đời sống cho thấy quan niệm của nam giới về bản lĩnh đàn ông được hình thành bởi cộng đồng nói chung và các chuẩn mực xã hội về vấn đề nam tính, với sự ảnh hưởng của nhiều đối tượng khác nhau trong suốt cuộc đời. Thay đổi chuẩn mực xã hội trên phạm vi rộng lớn ở mức này là một quá trình lâu dài, và phải được thực hiện cùng với những can thiệp hiện nay với trẻ em trai, nam giới.

Đề xuất chương trình

- Tăng cường các chương trình nâng cao nhận thức của nam giới về tác hại của bạo lực đối với sức khỏe của phụ nữ, con cái và xã hội nói chung.
- Tác động đến các đối tượng phụ nữ, nam giới, cũng như lãnh đạo cộng đồng nhằm nâng cao nhận thức về BLG, coi đây là một vấn đề phức tạp, đa chiều chứ không chỉ là một vấn đề có nguyên nhân từ nghèo đói, thất nghiệp.
- Huy động các tổ chức địa phương (tổ chức tôn giáo, doanh nghiệp địa phương, đài báo) tham gia các hoạt động về bình đẳng giới, phòng chống bạo lực.
- Hỗ trợ các dự án huy động cộng đồng đả phá các quan niệm về nam tính cho rằng nam giới được chi phối, có quyền hành, là trụ cột gia đình, cũng như xây dựng các mô hình điển hình nam tính mới.
- Xây dựng các chương trình truyền thông khuyến khích hành vi, nếp sống bình đẳng giới gắn với nam tính thông qua các chiến dịch truyền thông, cũng như các hoạt động huy động sự tham gia ở cơ sở.

Kết quả

Cần bổ sung các hoạt động chương trình hiện nay ở cấp cơ sở (gia đình, nhà trường, cộng đồng như đã nêu trên) bằng các chính sách ở cấp trung ương, địa phương để khuyến khích bình đẳng giới, phi bạo lực, tạo điều kiện để nam giới và phụ nữ có cơ hội ngang nhau trong sử dụng năng lực của mình.

Đề xuất chính sách

- Nâng cao nhận thức về Luật Phòng chống Bạo lực gia đình, hỗ trợ tăng cường triển khai toàn diện, bảo đảm để đối tượng hiểu bạo lực đối với phụ nữ là phạm pháp và hoàn toàn không thể chấp nhận được.
- Xây dựng, phổ biến chính sách lao động bảo đảm bình đẳng trong đánh giá kết quả công việc của phụ nữ.
- Phối hợp với các nhà hoạch định chính sách giáo dục đưa nội dung bình đẳng giới vào các chương trình chính sách giáo dục quốc gia.
- Rà soát các chính sách giáo dục, chương trình giảng dạy ở cấp tiểu học, trung học nhằm tìm giải pháp tăng cường bình đẳng giới và các quan niệm phi bạo lực về nam tính thông qua giáo dục.
- Tăng cường chính sách cơ sở để nam giới tham gia bình đẳng vào đời sống ở công sở cũng như ở nhà, như chính sách nghỉ phép cho những người làm cha mẹ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Adams, M và Coltrane S. 2005. “Trẻ em trai và nam giới trong gia đình: sự hình thành quan niệm giới, quyền lực, đặc quyền ở gia đình” trong *Cẩm nang nghiên cứu về nam giới và các quan niệm về nam tính*. TT. Kimmel, M., Hearn, J. và Connell, R.W. Luân Đôn: Nhà XB Sage.
- Anderson, E. 2009. *Quan niệm rộng về nam tính: Sự thay đổi về bản chất của quan niệm về nam tính*. Luân Đôn: Routledge.
- Barker và các tác giả khác. 2011. *Nam giới biết quan tâm: Nghiên cứu định tính đa quốc gia về nam giới trong các vai trò chăm nom phi truyền thống*. Washington, D.C.: Trung tâm nghiên cứu quốc tế về Phụ nữ (ICRW) và Rio de Janeiro: Instituto Promundo.
- Barry, Kathleen (TT). 1996. *Phụ nữ Việt Nam trong thời kỳ quá độ*. New York: Hãng in St. Martin.
- Beasley, C. 2008. Thay đổi quan niệm về nam tính bá quyền trong bối cảnh thế giới toàn cầu hóa. *Nam giới và các quan niệm về nam tính*. 11(1): 86 – 103.
- Bourdieu, P. 2001. *Sự thống trị của nam giới*. Stanford: Nhà in ĐH Stanford.
- Bowker, Lee H. (TT). 1998. *Quan niệm về nam tính và bạo lực*. Thousand Oaks, CA: Sage.
- Brod H. & M. Kaufman (TT). 1994. *Lý thuyết hóa quan niệm về nam tính*. Thousand Oaks, CA: SAGE.
- Bùi, H & Morash, M. 2008. “Di cư, quan niệm về nam tính, Bạo lực gia đình trên quan điểm của các cơ sở dịch vụ bạo lực gia đình và phụ nữ có xuất xứ từ Việt Nam”. *Tội phạm học phụ nữ* 3 (3): 191
- Cheng, C (TT). 1996. *Quan niệm về nam tính trong tổ chức*. Thousand Oaks, CA: Sage.
- Connell R. W. 1995. *Quan niệm về nam tính*. Cambridge: Nhà in Polity.
- Connell, R. W., & Messerschmidt, J. 2005. “Quan niệm nam tính bá quyền: Thay đổi khái niệm”. *Giới & Xã hội*, 19: 829-850.
- Cornwall, A. và Lindisfarne, N. 1994. *Lay chuyển quan niệm về nam tính: Dân tộc học so sánh*. New York, Luân Đôn: Routledge.
- Coughlin, Richard. 1950. *Vị thế của phụ nữ ở Việt Nam*. Nghiên cứu Đông Nam Á, ĐH Yale.
- Croll E.J. 1998. *Giới và giai đoạn quá độ ở Trung Quốc và Việt Nam*. Stockholm: Sida.
- Đặng Thị Vân Chi. 2007. *Vấn đề phụ nữ trên báo chí tiếng Việt trước cách mạng tháng Tám năm 1945*. Luận án tiến sĩ lịch sử. Hà Nội: Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Demetriou, D. Z. 2001. “Khái niệm về nam tính bá quyền của Connell: Bài bình”. *Lý thuyết và Xã hội* 30 (3): 337-61.
- TCTK & WHO. 2010. *Kết quả nghiên cứu quốc gia về Bạo lực gia đình nhắm vào đối tượng phụ nữ ở Việt Nam*.

- Harris, Jack D. 2001. “Đưa nam giới vào nghiên cứu giới tính ở Việt Nam” trong *Kỷ yếu Hội thảo Quốc tế Việt Nam học*. Tr. 72-81. Hà Nội: Nxb. Thế Giới.
- Hearn, Jeff. 1992. *Nam giới trong con mắt xã hội*. New York: Routledge.
- Heise, L. 2011. *Cần làm gì để phòng ngừa bạo lực gia đình?* Tài liệu nội bộ. DFID: Luân Đôn.
- Heise, L., Moore, K. và Toubia, N. 1994. *Tình dục cưỡng bức và sức khỏe sinh sản: Trọng tâm nghiên cứu*. New York: Hội đồng Dân cư.
- Hoàng Bá Thịnh (chủ biên). 2005. *Bạo lực gia đình ở Việt Nam và vai trò của các phương tiện truyền thông trong phát triển phụ nữ*. Hà Nội: Nxb. Thế Giới.
- Hoàng Bá Thịnh. 2006. “Nghiên cứu bạo lực gia đình ở Việt Nam”. <<http://vietbao.vn/Doi-song-Gia-dinh/Nghien-cuu-bao-luc-gia-dinh-o-Viet-Nam/40174432/246/>>.
- Hoàng Thị Ái Hoa. “Vấn đề ly hôn – nhìn từ sự tác động của yếu tố văn hoá truyền thống: Tham chiếu từ số liệu ở toà án nhân dân thành phố Huế”. *Thông tin khoa học*. Huế: Phân viện Văn hoá Nghệ thuật Việt Nam tại Huế.
- Hoàng Thị Ái Hoa. 2009. “Vai trò phụ nữ trong gia đình nông thôn miền trung Việt Nam: Tiếp cận dưới góc độ giới. Trường hợp Chiết Bi Hạ, Thủy Tân, Hương Thủy, Thừa Thiên Huế”. *Thông tin khoa học*. Huế: Phân viện Văn hoá Nghệ thuật Việt Nam.
- Hoàng Tú Anh, Trần Hưng Minh, Nguyễn Minh Đức, Bùi Thanh Mai, Phạm Vũ Thiện, Vũ Song Hà và các tác giả khác. 2002. *Tác động của CTHĐ Cairo về giới, quyền năng của phụ nữ và sức khỏe sinh sản ở 4 cộng đồng Việt Nam*. Hà Nội: CIHP, PDI, JSI.
- Holter, Øystein Gullvåg. 1996. “Điểm sách của R. W. Connell: Quan niệm về nam tính”. *Acta Sociologica*, 39 (3): 337-341.
- Jewkes R. 2002. “Bạo lực gia đình: Nguyên nhân, cách phòng tránh”, *Lancet*, 359: 1423-9.
- Jonzon, Robert, Nguyễn Đăng Vững, Karin C. Ringsberg, Gunilla Krantz. 2007. “Bạo lực đối với phụ nữ trong quan hệ vợ chồng: Giải thích nguyên nhân, đề xuất can thiệp cho các đối tượng nhân viên y tế, lãnh đạo địa phương, người có uy tín trong cộng đồng ở một huyện miền Bắc Việt Nam”, *Tạp chí Y tế Công Cộng khu vực Bắc Áu*, 35: 640-647.
- Kabeer, Naila, Trần Thị Vân Anh, Vũ Mạnh Lợi. 2005. *Chuẩn bị cho tương lai: Các chiến lược định hướng tương lai nhằm tăng cường bình đẳng giới ở Việt Nam*. Hà Nội: LHQ tại Việt Nam và Nhóm NHTG.
- Kersten, J. 1996. “Văn hóa, quan niệm về nam tính, bạo lực đối với phụ nữ”. *Tạp chí Tội phạm học Anh*, 36: 381-395.
- Kleinman, Arthur. 2000. “Bạo lực trong cuộc sống hàng ngày: Sự đa dạng trong loại hình và xu hướng bạo lực xã hội” trong tài liệu của Veena Das, Arthur Kleinman, Mamphela Ramphele và Pamela Reynolds (TT). *Bạo lực và sự chủ quan*, tr. 226–46. Berkeley: Nhà in ĐH California.
- Knodel, J và các tác giả khác. 2004. “Vai trò của giới trong gia đình: Thay đổi và ổn định ở Việt

- Nam". Báo cáo 04-559. Trung tâm nghiên cứu dân số: ĐH Michigan: Ann Arbor.
- Krantz G., T. Văn Phương, V. Larsson, N. Thị Bích Thuận, K.C. Ringsberg. 2005. "Bạo lực gia đình: Hình thức, hậu quả, sự sẵn sàng hành động của nhân viên y tế, lãnh đạo tuyến huyện, cộng đồng ở một huyện nông thôn miền Bắc Việt Nam", *Y tế công cộng*, XX: 1-8.
- Kwong và các tác giả khác. 2003. "Sự kế thừa bạo lực trong quan hệ giữa các thế hệ". *Tạp chí Tâm lý gia đình* 17: 288-301.
- Lê Ngọc Văn. 1997. "Phân công lao động theo giới trong gia đình nông dân", *Khoa học về phụ nữ*, 3: 19-26.
- Lê Nguyễn Lưu. 1999. "Bước đầu tìm hiểu gia đình xứ Huế" trong Huế: *Văn hoá làng – Văn hóa đô thị*. Huế: UBND Tp. Huế.
- Lê Thị Nga. 2004. "Bạo lực gia đình đối với phụ nữ: Nguyên nhân - giải pháp" trong *Vai trò gia đình trong sự nghiệp công nghiệp hoá hiện đại hoá*. Huế: TƯ Đoàn TNCSHCM - Viện Nghiên cứu Thanh niên - Trường Đại học Khoa học Huế- Trung tâm KHXH&NV.
- Lê Thị Quý và Đặng Vũ Cảnh Linh. 2007. *Bạo lực gia đình: một sự sai lệch giá trị*. Hà Nội: Nhà xuất bản Khoa học xã hội.
- Lê Thị Quý. 1992. "Một số nhìn nhận về bạo lực gia đình", *Khoa học xã hội Việt Nam*, 4: 80-87.
- Leghorn, L. và Parker, K. 1981. *Giá trị của phụ nữ: Kinh tế học giới tính và Thế giới phụ nữ*. Boston: Routledge và Kegan Paul.
- Lusher, D và Robins, G. 2009. "Quan niệm bá quyền và các quan niệm khác về nam tính trong bối cảnh xã hội địa phương". *Nam giới và quan niệm về nam tính*, 11 (4): 387-423.
- Lynn Kwiatowski. 2010. "Dịch chuyển xuyên quốc gia và bạo lực giới: Định vị những diễn ngôn về bạo hành gia đình ở Việt Nam" trong *Hiện đại và động thái của truyền thống ở Việt Nam: Những cách tiếp cận nhân học*. Tp. Hồ Chí Minh: Nxb. Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.
- Mai Huy Bích. 1993. *Đặc điểm gia đình đồng bằng sông Hồng*. Hà Nội: Nhà xuất bản Văn hóa.
- Marr, David. 1981. *Truyền thống Việt Nam trước thử thách*. Berkeley&Los Angeles: Nhà in ĐH California.
- McCormack, M. 2010. "Thay đổi quan niệm về nam tính trong văn hóa của giới trẻ". *Xã hội học định tính* 33: 111-115.
- Messerschmidt, J. 1993. *Quan niệm về nam tính và tội phạm*. BS. Lanham: Rowman & Littlefield.
- Moore, Henrietta L. 1994. *Khát vọng đổi mới*. Cambridge: Nhà in Polity.
- Ngô Thị Ngân Bình. 2004. "Tứ đức: Kế thừa và phát huy", trong *Mô hình giới ở Việt Nam thời hiện đại*, Lisa Drummond & Helle Rydstrøm biên tập, Nhà in ĐH Singapo, tr. 47-73.

- Nguyễn Hữu Minh và Trần Thị Vân Anh (đồng chủ biên). 2009. *Bạo lực gia đình đối với phụ nữ ở Việt Nam: Thực trạng, diễn tiến và nguyên nhân*. Hà Nội: Nhà xuất bản Khoa học xã hội.
- Nguyễn Thị Thanh. 2011. “Nguyên nhân cốt lõi của bạo lực gia đình”. <<http://ione.net/tin-tuc/gioi-tinh/teen-oi-dung-ngai/2011/07/13010-nguyen-nhan-coi-re-cua-bao-luc-gia-dinh.html>>.
- Niki Hong – Phạm Thị Ngọc. 2004. “Văn hóa tình dục thành thị ở Việt Nam: Có phải là nguyên nhân gây bùng phát dịch HIV/AIDS?” *Thời sự Thái bình dương*, 22: 6-9.
- O’Harrow, Stephen. 1995. “Phụ nữ Việt Nam và Nho giáo: Xa rời thói gia trưởng”, trong *Quan niệm nam và nữ ở các nước đang phát triển khu vực Đông Nam Á*. Wazir Jahan Karim, TT. Tr. 161-180. Washington D.C.: NXB Berg.
- Phan Bội Châu. 1929. *Vấn đề phụ nữ*. Sài Gòn: Minh Đức Tân Dân.
- Phan Thị Thu Hiền. 2008. “Cưỡng bức tình dục trong hôn nhân ở Quảng Trị, Việt Nam”, *Văn hóa, Sức khỏe & Tình dục*, 10: 177-187.
- Phúc Anh. 2011. “Đâu là nguyên nhân của bạo lực gia đình”. <<http://giadinhvn.vn/vn/Tintuc/BAOHANH/1682-Dau-la-nguyen-nhan-cua-bao-luc-gia-dinh-.aspx>>.
- Plummer, K. 2001. *Văn kiện cuộc đời 2: sức lôi cuốn của chủ nghĩa nhân văn phê phán*. Luân Đôn: Nhà XB Sage.
- Randall, V. R. 1999. “Khoanh vùng đại dịch toàn cầu: Bạo lực tình dục đối với phụ nữ”. <<http://academic.udayton.edu/health/01status/rape01.htm>> [truy cập ngày 4/11/2007].
- Rydstrøm, Helle. 2003. “Đối phó với cơn nóng giận. Bạo lực gia đình ở Việt Nam hiện nay”, *Bạo lực đối với phụ nữ*, 9: 676-697.
- Rydstrøm, Helle. 2004. “Đặc trưng nam – nữ: Hình ảnh nhận diện và tự nhận diện của trẻ em, vị thành niên nông thôn Việt Nam”, trong *Mô hình giới ở Việt Nam thời hiện đại*, Lisa Drummond & Helle Rydstrøm biên tập, Nhà in ĐH Singapo, tr. 74-95.
- Rydstrøm, Helle. 2006. “Quan niệm về nam tính và hình phạt. Cách nam giới nuôi dạy con trai ở nông thôn Việt Nam”, *Thiếu niên Tháng 8*, 13.3: 329-348.
- Seidler, V. J. 2007. “Quan niệm về nam tính, thân thể, cuộc sống tình cảm”, *Nam giới và quan niệm về nam tính* 10: 9-21.
- Silverman và Williamson. 1997. “Sinh thái học xã hội và quyền chỉ trích của nam giới trình độ đại học có quan hệ khác giới: Vai trò của gia đình và bạn bè”. *Bạo lực và Nạn nhân của bạo lực* 12(2): 147-164.
- Song, Geng. 2010. “Trở lại vấn đề quan niệm về nam tính ở Trung Quốc: Hình ảnh nam giới trong các phim truyền hình dài tập thời nay”, *Trung Quốc hiện đại* 36(4): 404-434.
- Thái, Hưng Cam. 2012. “Người di trú với đồng lương thấp ở Việt Nam, tầng lớp xã hội và quan niệm về nam tính ngay tại quê hương” trong *Nam giới và quan niệm về nam tính ở Đông Nam Á*. TT. Ford, M. và Lyons, L. London: Routledge.

- Thành Trung. 2010. “Bất bình đẳng giới và bạo lực gia đình”. <http://vanhoabacgiang.vn/index.php?option=com_content&view=article&id=751:bt-binh-ng-gii-va-bo-lc-gia-inh&catid=62:hot-ng-vn-hoa&Itemid=71>.
- Thích Nhật Từ. 2008. “Bạo lực gia đình: Nguyên nhân và giải pháp”. <<http://www.daophatngaynay.com/vn/tu-sach-dao-phat-ngay-nay/6557-Chuong-7-Bao-luc-gia-dinh-Nguyen-nhan-va-giai-phap.html>>.
- Trần Đình Hằng. 2001. “Chức năng giáo dục gia đình trong giai đoạn hiện nay”. *Thông tin khoa học*. Huế: Phân viện Văn hoá Nghệ thuật Việt Nam.
- Trần Đình Hằng. 2004. “Yếu tố gia phong trong văn hóa Huế” trong *Vai trò gia đình trong sự nghiệp công nghiệp hoá hiện đại hoá*. Huế: TƯ Đoàn TNCSSHCM - Viện Nghiên cứu Thanh niên - Trường Đại học Khoa học Huế- Trung tâm KHXH&NV.
- Trần Đình Hựu. 1991. “Về gia đình truyền thống Việt Nam với ảnh hưởng Nho giáo” trong *Những nghiên cứu xã hội học về gia đình Việt Nam*, Liliestrom, Rita và Tương Lai chủ biên. Hà Nội: Nhà xuất bản Xã hội học, tr. 42-45.
- Trần Mai Hương. 2008. “Quan niệm của người dân nông thôn về quan hệ tình dục ngoài hôn nhân: Nghiên cứu trường hợp xã Phú Đa, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế”, *Nghiên cứu gia đình và giới*, 3.
- Trần Minh Chiến. 2007. “Bạo lực gia đình - căn bệnh cần được chữa trị”. <<http://giadinh.net.vn/50296p1054c1060/bao-luc-gia-dinh-can-benh-can-duoc-chua-tri.htm>>.
- Trần Thị Hồng. 2007. “Khuôn mẫu giới trong gia đình hiện nay”, *Nghiên cứu gia đình và giới*, 4.
- Umberson Debra, Kristin L. Anderson, Kristi Williams, Meichu D. Chen. 2003. “Xu hướng quan hệ, trạng thái tình cảm, bạo lực gia đình: Mâu thuẫn và quan niệm về nam tính”. *Tạp chí Hôn nhân Gia đình*, 65, 1: 233-247.
- Liên hiệp quốc. 2000. *Lạm dụng, bóc lột tình dục thanh thiếu niên Việt Nam. Đánh giá định tính về nhu cầu sức khỏe và các dịch vụ sẵn có ở một số tỉnh*. Hà Nội: Liên hiệp quốc.
- Văn Tạo. 2001. “Sự chuyển đổi các giá trị truyền thống trong gia đình Việt Nam hiện nay và định hướng phát triển” trong *Kỷ yếu Hội thảo Quốc tế Việt Nam học*. Tập 4. Tr. 232-238. Hà Nội: Nxb. Thế Giới.
- Vũ Mạnh Lợi, V.T. Huy, N.H. Minh, Clement J. 1999. *Bạo lực giới: Trường hợp Việt Nam*.
- Vũ Song Hà. “Sự êm ấm trong gia đình và sự im lặng của người phụ nữ: Thái độ, thực hành giới tính ở phụ nữ nông thôn Việt Nam đã kết hôn”. CIHP – tài liệu chưa xuất bản.
- Vũ Song Hà. 2002. Hành vi tình dục của phụ nữ đã kết hôn ở hai khu vực nông thôn miền Bắc Việt Nam. Luận văn Thạc sỹ chưa xuất bản, ĐH Columbia, New York.
- Vũ Tuấn Huy. 2003. *Mâu thuẫn vợ chồng trong gia đình và những yếu tố ảnh hưởng*. Hà Nội: Nxb. Khoa học xã hội.

- Weber, C. 2010. "Tôi muốn nói đó là sự ham muốn lạ lùng: Khảo sát vai trò của bối cảnh lịch sử-xã hội trong việc nam giới điều chỉnh quan niệm chủ quan về nam tính". *Các phương pháp nghiên cứu văn hóa quan trọng* 10(4): 337-346.
- Wetherell, M., và N. Edley. 1999. "Điều chỉnh quan hệ bá quyền về nam tính: ảo tưởng về vị thế và các mô hình tâm lý rời rạc". *Nữ tính & Tâm lý* 9(3): 335-56.
- Whitehead, S. M. 1999. "Nhìn lại vấn đề quan niệm bá quyền về nam tính". *Giới, hoạt động & tổ chức* 6(1): 58-62.
- WHO. 1997. *Báo cáo của Báo cáo viên đặc trách về Bạo lực đối với phụ nữ, nguyên nhân, hậu quả*. New York: Liên hiệp quốc, Hội đồng Kinh tế Xã hội, Ủy ban Nhân quyền (tài liệu chưa xuất bản số E/CN.4/1997/47).

PHỤ LỤC

1. Phụ lục I: Danh sách đối tượng nghiên cứu

Đối tượng từng có hành vi bạo hành vợ, bạn gái				Đối tượng có lối sống bình đẳng giới hơn			
Tên	Năm sinh	Nơi ở	Ngày phỏng vấn	Tên	Năm sinh	Nơi ở	Ngày phỏng vấn
Sỹ	1968	Phú Xuyên	29.6.2011	Tứ	1937	Huế	19.5.2011
Vương	1963	Phú Xuyên	28.6.2011	Chính	1954	Phú Xuyên	28.7.2011
Thu	1937	Huế	20.5.2011	Trại	1960	Phú Xuyên	29.6.2011
Phúc	1948	Phú Xuyên	8.7.2011	Khải	1976	Huế	20.5.2011
Tùng	1951	Huế	23.5.2011	Cầu	1937	Huế	18.5.2011
Địch	1975	Huế	22.5.2011	Lân	1970	Huế	2.8.2011
Dũng	1962	Phú Xuyên	28.6.2011	Bá	1957	Phú Xuyên	26.7.2011
Kiên	1957	Phú Xuyên	28.6.2011	Kim	1954	Phú Xuyên	27.7.2011
Bạc	1932	Phú Xuyên	28.7.2011	Bình	1940	Huế	20.5.2011
Hoa	1980	Huế	21.5.2011	Giang	1958	Huế	23.5.2011
Long	1946	Huế	18.5.2011	Chiến	1976	Huế	21.5.2011
Hùng	1971	Phú Xuyên	3.8.2011	Nam	1973	Huế	23.5.2011
Trường	1966	Phú Xuyên	26.7.2011	Dân	1965	Huế	19.5.2011
Chép	1958	Phú Xuyên	29.6.2011	Chương	1961	Phú Xuyên	29.7.2011
Hùng	1963	Phú Xuyên	8.7.2011	Khoẻ	1953	Phú Xuyên	27.7.2011

2. Phụ lục II: Ví dụ về các chương trình phòng chống BLG toàn cầu

Hiện nay đã có một loạt các chương trình được triển khai trên toàn thế giới nhằm ngăn ngừa bạo lực giới và khuyến khích những quan niệm về nam tính theo hướng bình đẳng hơn về giới. Nhiều chương trình phòng ngừa đã được đánh giá và chứng tỏ hiệu quả được xây dựng và triển khai tại các nước thu nhập cao. Tuy nhiên, những chương trình này có thể được điều chỉnh để áp dụng phù hợp với điều kiện của Việt Nam. Dưới đây là danh sách tóm tắt các chương trình có thể áp dụng ở Việt Nam.

Tuổi thơ và Nuôi dạy con lành mạnh

Các kết quả của nghiên cứu định tính ở Việt Nam này cũng như các kết quả nghiên cứu khác của chương trình Chung tay Phòng chống (Dự án Sự thay đổi) ở khu vực Châu Á – Thái Bình Dương và khắp thế giới cho thấy tuổi thơ là một giai đoạn mà các chương trình can thiệp cần tập trung để xây dựng thái độ, hành vi bình đẳng, phi bạo lực. Chương trình này bao gồm các hoạt động chính như phối hợp với các bậc cha mẹ xây dựng môi trường chăm sóc lành mạnh cho trẻ em, đặc biệt là tác động đến người cha nhằm xây dựng mô hình người cha chăm nom, nuôi dạy con cái.

Để biết chi tiết về các giải pháp chính sách, chương trình liên quan đến phương pháp nuôi dạy con lành mạnh ở trẻ nhỏ, mời truy cập trang www.arnec.net.

Các can thiệp trong trường học

Hiện đã có rất nhiều chương trình can thiệp ở nhà trường khuyến khích bình đẳng giới, phi bạo lực ở học sinh nam, nữ. Một chương trình can thiệp đã được đánh giá, nhân rộng là chương trình can thiệp Phong trào Bình đẳng giới Trường học (GEMS), một chương trình giảng dạy trong nhà trường có nội dung khuyến khích bình đẳng giới, các mối quan hệ lành mạnh, phi bạo lực giữa

học sinh (11-14 tuổi). Mục tiêu của chương trình can thiệp này là khuyến khích trẻ vị thành niên hưởng ứng bình đẳng giới, phổ biến các chuẩn mực mới, bình đẳng, phi bạo lực, tác động sớm, đồng bộ đến các quá trình xã hội hóa. Chương trình can thiệp này cũng góp phần nâng cao vai trò làm chủ của nhiều thành phần liên quan như giáo viên, phụ huynh, các cơ sở đào tạo và toàn bộ hệ thống giáo dục nói chung. Mô hình GEMS hiện đang được tổ chức NGO Paz y Desarrollo (PyD) triển khai nhân rộng ở Đà Nẵng, Việt Nam. Mọi chi tiết về mô hình GEMS, mời truy cập <http://www.icrw.org/where-we-work/gender-equity-movement-schools-gems>.

Cộng đồng phòng chống bạo lực

Một số chương trình toàn cầu đã chứng tỏ hiệu quả trong hỗ trợ địa phương tạo chuyển biến về quan điểm, tập quán liên quan đến bình đẳng giới, sức khỏe tình dục, quan niệm về nam tính và/hoặc sự miễn trách xã hội, pháp lý trong và giữa các cộng đồng, chú trọng các đối tượng nam giới, phụ nữ, các cặp vợ chồng và cộng đồng nói chung. Ví dụ:

Chương trình Bước đệm, một khóa tập huấn (13 bài) về dự phòng HIV, truyền thông về quan hệ giới và bình đẳng giới: <http://www.acordinternational.org/silo/files/implementing-stepping-stones.pdf>

Chương trình SASA!, một bộ công cụ phòng ngừa BLĐVPN nhằm huy động cộng đồng theo hướng tăng cường áp dụng các chuẩn mực bình đẳng giới: <http://www.raisingvoices.org/>

Các chương trình ở Việt Nam cũng đang triển khai các hoạt động dựa vào cộng đồng hướng tới các đối tượng phụ nữ, nam giới, nam giới trong quan hệ vợ chồng. Mọi chi tiết về các hoạt động phòng chống BLG dựa vào cộng đồng ở Việt Nam, mời truy cập trang web của Trung tâm nghiên cứu Khoa học ứng dụng về giới (<http://www.csaga.org.vn>) và Trung tâm Sáng kiến Sức khỏe Dân số (<http://www.ccihp.org/>).

